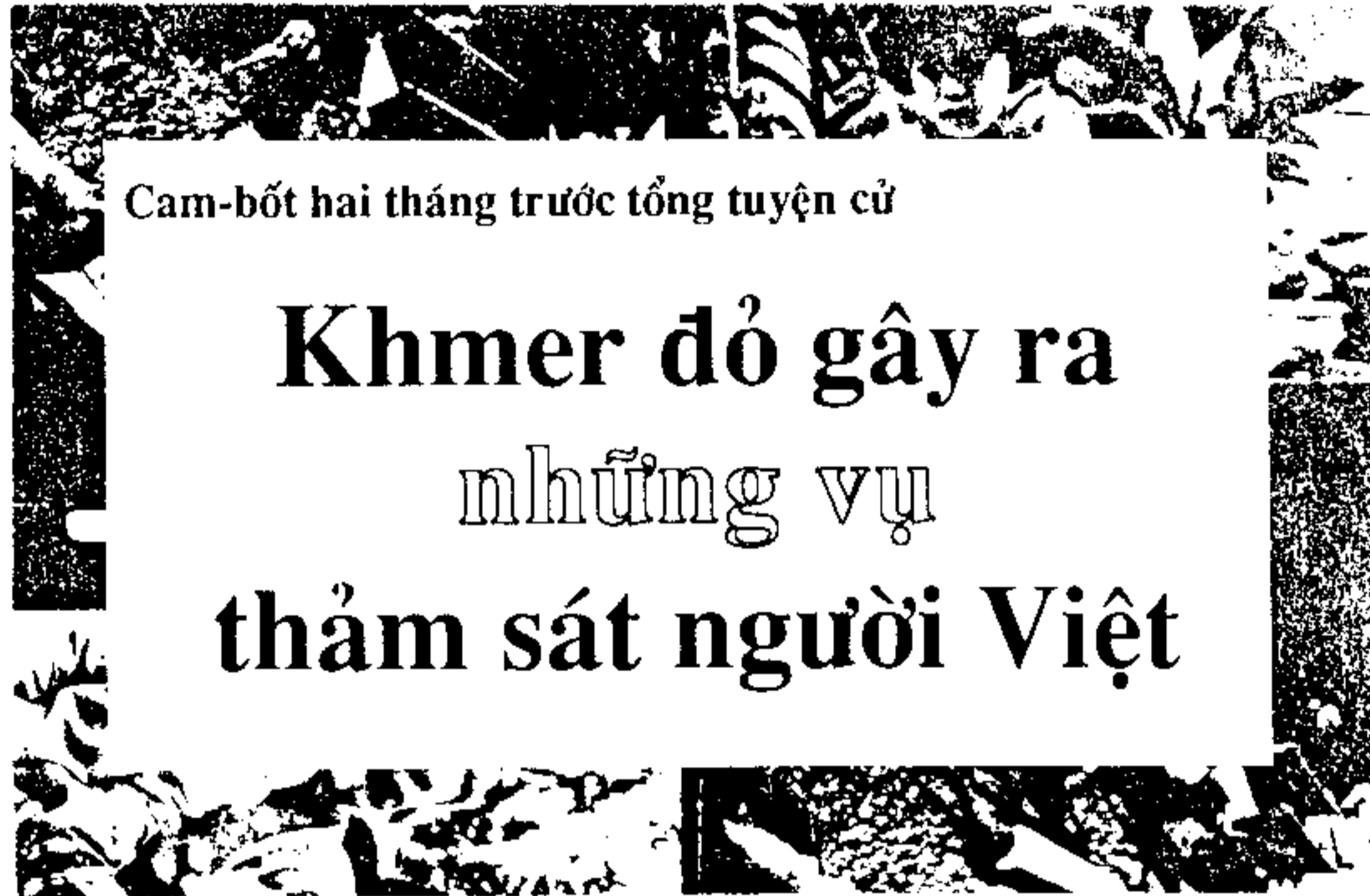


diễn đàn

số 18 / 1.4.1993

ISSN 1164-2378

F O R U M



Đêm 10 rạng ngày 11.3, một nhóm người vũ trang súng AK 47 đã tấn công một làng chài lưới Việt kiều tại phía nam tỉnh Siem Reap, bên bờ sông Tonle Sap. 33 người Việt Nam và một người Khmer đã bị giết, 29 người khác bị thương. Trong số những người bị thiệt mạng, có 14 phụ nữ và 8 trẻ em. Những kẻ giết người say máu đã chặt tay các trẻ sơ sinh và bắn vào đầu những trẻ em khác.

Ngày 24.3, 7 người Việt Nam khác, trong đó có một phụ nữ và hai trẻ em lại bị giết ở làng Chnok Tru, tỉnh Kompong Chhnang.

Đoàn điều tra của UNTAC (Chính quyền Lâm thời Liên hiệp quốc tại Cam-Bốt) đã nhanh chóng tìm thấy những chứng cứ cho thấy, một lần nữa, Khmer đỏ lại gây ra những

vụ thảm sát này. Chính phủ Việt Nam đã cực lực lên án vụ thảm sát, " làm người ta lại nhớ tới cuộc diệt chủng của bọn Khmer đỏ, đã giết hại hàng triệu người ", và kêu gọi Liên hiệp quốc, Hội đồng quốc gia tối cao Cam - Bốt và cộng đồng thế giới mau có biện pháp ngăn chặn bàn tay bọn giết người. Các chính phủ Pháp, Hoa Kỳ, Nga, Lào, và chính phủ Phnom-Penh đã mau chóng lên án tội ác ghê tởm của Khmer đỏ. Chính phủ Trung Quốc thì " không tán thành " các hành động vi phạm hiệp định Paris này.

Trong những ngày cuối tháng ba, các quan sát viên nước ngoài ở Cam-Bốt đã ghi nhận có hàng loạt người Việt Nam sống ở tây bắc Cam - Bốt đang bỏ về nước. 800 chiếc thuyền của Việt kiều đã rời vùng biển hồ đi về Việt Nam.

(xem tiếp trang 8)

mục lục



2. Bàn đọc và Diễn Đàn

Thời Sự

1. Khmer đỏ gây ra những thảm sát người Việt
4. Tin tức Việt Nam
7. Trang kinh tế : Những lâu đài trên cát
9. Nam Triều Tiên : nợ nần và phát triển
(Nguyễn Trọng Nghĩa)
10. Việt Nam, huyền thoại lang bạt (Joel Luguern)
12. Một tháng ở Bắc Kinh (Vũ Quang)

14. Chân dung một chế độ (Đơn Hành)
17. Đối thoại trong tình bạn (Thế Uyên / Trần Đạo)
18. Người Việt ở nước ngoài cộng tác xây dựng đất nước
(Bùi mộng Hùng)
20. Thư nước ngoài (Nguyễn Hương)

Văn hoá Nghệ thuật

3. Thư cho bạn trong nước (thơ, Phương Sinh)
22. Vẽ nhà thơ Quách Tấn (Nguyễn Lạc)
24. Việt và Nhật (Shiba Ryôtarô, Vĩnh Sinh giới thiệu)
26. Điểm sách (Thuy Khuê, Nguyễn Lộc, Kiến Văn)
28. Miền cực lạc (truyện ngắn, Trần Đức Tiến)

Diễn Đàn và nhân quyền

Từ mấy tháng nay, từ khi bà Dương Thu Hương được trả tự do, tôi thấy trên Diễn Đàn ít tin tức về những vụ “ giam lỏng ” hay bắt giữ trong nước (những văn nghệ sĩ hay nhà tu hành). Trong chuyến đi thăm vừa qua, tổng thống Mitterrand có dịp đặt vấn đề nhân quyền ngay giữa Hà Nội. Tôi không hiểu câu “ làm cho chính quyền các nước phương Tây hiểu thêm về tầm cỡ thảm hại của người cầu khẩn ” (Việt kiều hải ngoại) (Diễn Đàn số 17, tháng 3.93). Tôi thiết nghĩ Việt kiều ở hải ngoại có điều kiện hơn đồng bào trong nước để đấu tranh bảo vệ nhân quyền ở Việt Nam (lẽ dĩ nhiên cần tin tức chính đáng), cuộc đấu tranh này có thể ít nhiều hữu hiệu nhưng không “ thảm hại ”. Và các chính quyền Tây phương (dù Mỹ, hay Âu châu, dù tả hay hữu) chắc chắn sẽ không xem cuộc đấu tranh này là “ thảm hại ”.

Vũ Hồng Nam (Lyon, Pháp)

Trả lời của NNG

Chúng tôi xin ghi nhận, mặc dù không chia sẻ, ý kiến của anh về vị trí mà Diễn Đàn dành cho vấn đề nhân quyền ở Việt Nam. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với anh là cộng đồng ở hải ngoại có nhiệm vụ quan trọng là tranh thủ dư luận quốc tế để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh cho nhân quyền, và rộng hơn, cho công cuộc dân chủ hoá đời sống chính trị xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong công cuộc này, vai trò của các lực lượng dân chủ ở trong nước là chủ yếu ; chúng tôi nghĩ vai trò của cộng đồng nước ngoài, dù quan trọng đến đâu cũng chỉ có thể là hỗ trợ. Bất luận thế nào, thì ngay từ trước khi ra số đầu, chúng tôi đã khẳng định chỗ đứng của Diễn Đàn là : góp phần vào công cuộc phát triển và dân chủ hoá đất nước.

Chữ thảm hại mà tôi dùng trong bài báo nói trên được dùng để nói tới tầm cỡ của một số người cầu khẩn, chứ hoàn toàn không được dùng để nói tới bản thân cuộc đấu tranh cho nhân quyền ở nước ta. Như đã trình bày ở trên, chúng tôi nghĩ rằng chúng ta có nhiệm vụ lên tiếng ủng hộ mọi cá

Chia buồn

Được tin nhà văn

Françoise CORREZE

(nhũ danh **Juliette BACCOT**)

đã từ trần ngày 4.3.1993 tại Saint-Cyr-sur-Mer sau một thời gian dài bị bệnh, thọ 84 tuổi. Lễ hoả táng đã cử hành ngày 9.3.1993 tại Cuers (Var).

Ban biên tập Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng tang quyến.

nhân và lực lượng quốc nội đấu tranh cho nhân quyền. Trong sự ủng hộ ấy, đương nhiên có việc vận động dư luận quốc tế và chính quyền các nước, đặt họ trước trách nhiệm của họ. Nhưng điều đó, theo chúng tôi, tuyệt đối không có nghĩa là cầu xin một sự can thiệp quốc tế ở Việt Nam mà dường như có người ước mơ như ở Somalie vậy !!! Đó là không nói tới một vài chính khách mà quan tâm hàng đầu khi đi “ vận động ” chắc không phải là số phận của bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, luật sư Đoàn Thanh Liêm, hay nhà văn Tuệ Sỹ. Phải nói thực, chữ thảm hại mà chúng tôi dùng, là của một số nhân vật và viên chức cao cấp (tả cũng như hữu) của chính quyền Pháp đã than thở với chúng tôi sau khi họ tiếp mấy chính khách đó.

Chúng tôi tiếc rằng chữ này đã gây ra ngộ nhận. Nhưng cũng mừng là điều ấy cho phép chúng tôi nói rõ mấy điều trên.

Mừng thọ anh Nguyễn Khắc Viện 80 tuổi

Năm nay, về nước ăn Tết, tôi lại có dịp dự lễ sinh nhật của anh Nguyễn Khắc Viện. Anh Viện sinh ngày 6.2.1913, nghĩa là năm nay anh tròn 80 tuổi thọ. Sáng chủ nhật 7.2.1993 tại nhà ăn của Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, bạn bè, anh em và một số nhân viên Nhà xuất bản Ngoại văn ở Hà Nội vào Nam đã có mặt đông đủ.

Đối với tôi, anh Viện trước hết là anh Viện, một con người tài ba, dũng cảm, dám nghĩ, dám làm, có một ý chí sắt đá (nếu không thì làm sao, từ năm 1949 đến nay, sống với một phần ba lá phổi ?). Giàu lòng nhân ái nhưng rất ít nói, hay đúng hơn, chỉ nói những gì cần thiết, vì không muốn mất nhiều thời giờ, cũng có thể là vì anh muốn để dành hơi “ thở ”. Mỗi lần làm lễ sinh nhật cho anh Viện, chúng tôi hay hỏi đùa : “ Anh làm gì để được sống khoẻ mạnh và sống lâu như thế ? ”. Anh thường mỉm cười, trả lời : “ Thở ”. Năm nay đông vui quá, không kịp hỏi anh, nhưng chắc có hỏi, anh cũng vẫn trả lời như vậy. Trông anh gầy đi, tóc hói thêm một tí nữa. Vầng trán cao, đôi mắt sáng, và trên gương mặt, toát ra một nét thanh thản lạ thường.

(...) Tôi chưa bao giờ có dịp thấy ở thành phố Hồ Chí Minh một bàn dài la liệt những hoa là hoa. Hoa đủ loại, đủ màu và đủ giống. Không biết các bạn tìm đâu ra, nhưng dù cho là cỏ nội hoa đồng hay anh đào, phong lan, thì cũng là một cách nói lên rất đẹp, cái tình cảm thương yêu và kính nể của anh em bạn bè đối với anh Nguyễn Khắc Viện, nhân ngày sinh nhật của anh.

Thu Lê (Chatenay-Malabry)

[Xin thành thực cảm ơn chị đã cho Ban biên tập Diễn Đàn và đông đảo bạn đọc chia sẻ tình cảm đối với anh Nguyễn Khắc Viện, mà mới đây Viện hàn lâm Pháp đã tặng giải thưởng lớn về Francophonie (xem Diễn Đàn số 14, tháng 12.1992). Rất tiếc vì điều kiện kỹ thuật, chúng tôi không thể đăng lại những hình ảnh chị cho mượn.

Một bạn đọc khác của Diễn Đàn, cũng có dịp về nước mấy tháng vừa qua, cho chúng tôi biết tuần báo Nhân dân chủ nhật đã dành cả một trang nói về francophonie, mà không có được một chữ về giải thưởng vừa được trao cho bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Một sự im lặng có ý nghĩa].

phương sinh

thư cho bạn trong nước

vút mẹ nhân phẩm đi mà sống
tốc độ xung động thần kinh làm sao đuổi kịp
[mức lạm phát gia tăng
hãy vá víu hình hài bằng những cơn say
và đến cửa hàng quốc doanh mua chịu một lời hứa
khi nào cảm thấy trong mình trống trải
mối âu lo của mày xét cho cùng chẳng qua cũng
[như tâm sự gái điếm ế hàng
đau khổ mà làm gì
từ đây cho đến cái chết
dù là đường thẳng đường cong hay tiệm cận
thì cũng như nhau trên bình diện triết lý
có thể mày có độ lượng của thích ca
và cũng muốn bắt chước đấng gia tô vác thánh giá
nhưng pháp ba lan sắp vào chung kết
đâu ai có thời giờ để ý đến chúng đâu thống
[kinh niên của mày
nên nghe lời tao khuyên
gắng ngủ sớm mua vé số học chẵn nuôi và tránh tư duy
cố quên đi cái tôi thiếu não
hãy tìm hiểu về luật phạt góc với penalty
đêm nay đội braxin sẽ đụng đội ý

Tôi rất mừng...

Mấy năm qua, tôi đã được đọc nhiều bài của g.s. Vĩnh Sinh trên báo **Đất Mới** ở Canada. Khi **Đ.M.** bị đình bản, tôi tiếc lắm! May thay lại được đọc bài của g.s. Vĩnh Sinh trên báo **Diễn Đàn**. Như thế là g.s. lại "có đất dụng võ". **Đ.Đ.** lại có thêm một cây bút nhiều uy tín. Những bài nghiên cứu của g.s. càng làm cho tờ báo thêm phong phú đa dạng. Tôi rất mừng.

Nguyễn Hữu Thành (Paris, 4.3.93)

☛ Có nhiều độc giả **Diễn Đàn** chia sẻ niềm vui của Anh. Tiên đây xin tạ ơn Anh đã vui lòng chấp bút viết những chữ Hán cho bài của anh Vĩnh Sinh đăng trong số này.

An ủi Nguyên Thắng...

Trong bài *Con gà và con người Việt Nam* (**Diễn Đàn** số 16), Nguyên Thắng phân nân rằng con gà thân thiết với người Việt từ buổi hoang sơ, lẽ nào không có chỗ đứng trong huyền thoại của người Việt? Thế mà tìm mãi không ra. Vậy xin an ủi Nguyên Thắng rằng con gà thật ra cũng đã có mặt trong huyền thoại của người Việt từ buổi hoang sơ.

Chỉ cần giở tập **Lĩnh Nam chích quái** – tác phẩm được sưu tập từ thế kỷ 13-14, dưới thời Trần, đến cuối thời Lê Sơ, thế kỷ 15, được Vũ Quỳnh và Kiều Phú san định lại thành sách dưới triều Lê Thánh Tôn – ngay sau *Truyện họ Hồng*

Bàng, ta thấy Truyện Ngụ tinh: "Ở biển Đông có con tinh ngư xà (còn gọi là Ngư tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hoá vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì âm ầm như mưa, lại ăn được thịt người, nên ai cũng sợ (...) Thuyền của nhân dân đi qua thường bị Ngư tinh làm hại. Một đêm kia, có bầy tiên trên trời xuống phá núi làm đường đi cho người qua lại trên đất liền khỏi phải ra biển. Ngư tinh bèn hoá ra làm con gà trống trắng gáy trên núi. Quần tiên đang làm đường nghe tiếng gà gáy ngỡ đã rạng đông, bèn bỏ dở việc, cùng bay về trời. Mãi về sau, Lạc Long Quân muốn cứu dân khỏi chết, mới đi thuyền ra biển, lấy sắt nung đỏ quẳng vào miệng Ngư tinh rồi rút kiếm chém nó đứt làm ba khúc, đầu thành đảo Cầu Đầu Sơn, đuôi thành đảo Bạch Long Vĩ, và thân thành mạn Cầu Thủy..."

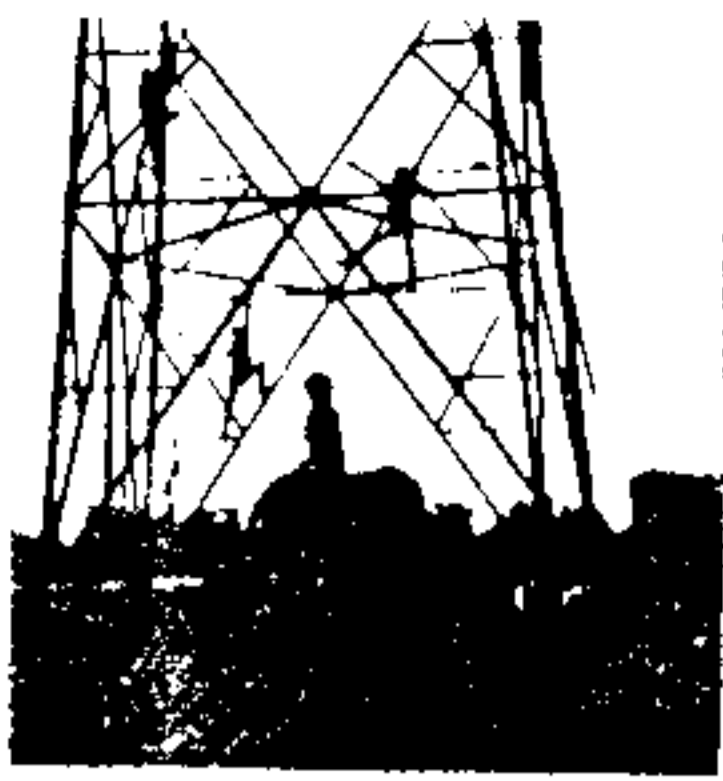
Truyện thứ 13 là *Truyện Rùa Vàng*: Thời Âu Lạc, An Dương Vương xây Loa Thành mãi không được, cứ xây đến đâu lở tới đấy. Vua bèn lập đàn trai giới, cầu đảo bách thần. Sứ Thanh Giang là Rùa Vàng từ dưới nước mới hiện lên nói cho vua biết: " (...) Có con gà trống trắng sống ngàn năm, hoá thành yêu tinh núi Thất Diệu (...) Nếu giết được gà ấy thì trấn áp được quỷ tinh. Nhưng rồi quỷ tinh sẽ (...) lại hoá thành chim cú ngậm số bay lên cây chiên đàn kêu cầu Thượng Đế cho phá thành. Lúc đó, thần sẽ xin giúp nhà vua cắn rơi lá số, nhà vua nhặt ngay lấy số ấy huỷ đi. Thành sẽ xây xong." Sau, Rùa Vàng còn tháo vuốt cho vua làm lẫy nỏ thần để giữ thành.

Ngoài truyền thuyết, con gà còn có mặt trong nhiều truyện dân gian cổ của người Việt. Thời Lê Mạt (thế kỷ 17-18), có truyện **Trạng Quỳnh cúng gà**: Trạng Quỳnh vào miếu một bà chúa (Liễu Hạnh?) cầu xin một việc, hứa nếu thành công sẽ làm thịt con gà độc nhất của mình cúng Chúa. Được việc rồi, Quỳnh tiếc gà, nhưng đã trót hứa, không dám sai lời, bèn luộc hai quả trứng, trói gà, mang vào miếu đặt cả lên bàn thờ Chúa, rồi chắp tay kính cẩn khẩn khứa tạ ơn Ngài đã chứng giám lòng thành và phù hộ cho được thành công: *Nhưng nay ... " Có con gà ri Nó vừa nháy ổ, Dem ra mà mổ, Nghĩ cũng thương tình. Chúa có anh linh Xơi hai trứng vậy. "* Khấn vậy rồi, Quỳnh cung kính vái tạ ba vái rồi ôm gà đi.

Cũng ra đời vào khoảng thế kỷ 18, chèo **Quan Âm Thị Kính** có đoạn Mãng Ông tự giới thiệu một cách châm biếm hài hước rất hay: " Nhà tôi giàu giầu giàu giầu, Kém mười trâu đầy một chục, Lợn thì nhung nhúc, Kém mười chục đầy một trăm. Gà chạy lảng xăng, Kém mười lăm con đầy chục rưỡi..."

Đầu thế kỷ 19, một nhà thơ vô danh viết truyện ngụ ngôn **Lục súc tranh công** theo thể tuồng, mượn lời nói của sáu con gia súc là Trâu, Chó, Ngựa, Dê, Gà, Lợn, để tả cái xã hội Việt Nam đương thời. Con gà trong truyện này, theo lời Dê, chỉ là một anh chàng lười biếng, đã chẳng được việc gì, lại còn hay phá phách càn: "... cho ăn no rồi quệt mỏ sấp lưng, Trời chưa tối đã lo việc ngủ. Ba cái rác nằm không yên chỗ. Mấy bụi rau nào để bện dây. Cả ngày thôi những quấy, những rầy. Nuôi giống ấy làm chi vô lối!"

(xem tiếp trang 32)



Thời sự Việt Nam

Việt kiều : nhập cảnh, đi lại trong nước

Một thông tư liên bộ ngày 18.1.1993 vừa sửa đổi một số qui định về nhập xuất, tạm trú, đi lại trong nước của người Việt Nam định cư ở nước ngoài như sau :

- Các đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài từ nay có quyền cấp thị thực nhập xuất cảnh mà không phải xin phép bộ nội vụ cho tất cả những Việt kiều đã vào Việt Nam lần trước đó không quá ba năm. Thị thực có thời hạn không quá 3 tháng và có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần không quá 3 tháng. Riêng Việt kiều về nước làm ăn, đầu tư, hợp tác khoa học, văn hoá có thể được cấp thị thực có thời hạn đến 12 tháng, có giá trị vào ra nhiều lần và có thể được gia hạn mỗi lần không quá 12 tháng.

- Thị thực xuất nhập cảnh sẽ không được cấp trong hai trường hợp : 1/ Người xin cấp thị thực đã " vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam " trong lần nhập cảnh trước và chưa đủ 36 tháng kể từ ngày xuất cảnh sau vi phạm ; 2/ " Vì lý do bảo vệ an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự an toàn xã hội của Việt Nam ". Bản thông tư còn qui định rằng Việt kiều " có thể bị tạm hoãn xuất cảnh nếu có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và đang được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét giải quyết ".

- Khi nhập cảnh, Việt kiều được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu nhập cảnh. Việt kiều được đi đến các địa phương ở trong nước mà không còn phải xin giấy phép (trừ các khu vực cấm người nước ngoài). Song, trong thời gian ở Việt Nam, Việt kiều vẫn phải khai báo tạm trú với chính quyền cấp xã, phường khi lưu lại qua đêm.

- Người nước ngoài là thân nhân (cha, mẹ, vợ, chồng, con) của Việt kiều, khi xin đi cùng, được hưởng những thủ tục thuận lợi như Việt kiều.

Những qui định mới này có hiệu lực từ ngày 1.4.1993.

Clinton - Việt Nam : nhúc nhích

Theo Don Oberdorfer, báo Bưu điện Hoa Thịnh Đốn ngày 19.3, chính phủ Clinton sắp có quyết định về việc có tiếp tục hay không những áp lực đối với Việt Nam. Một phiên họp các phụ tá viên của Hội đồng An ninh Quốc gia đã được sắp đặt để thảo luận về những lựa chọn trên vấn đề này. Phiên họp tuy phải bãi bỏ giờ chót vì tình hình quốc tế, nhưng có thể sớm được triệu tập lại. Các vấn đề chính sẽ được thảo luận, và có vẻ như còn ý kiến khác biệt giữa các quan chức chính quyền, là sự cấm vận đối với Việt Nam, chính sách ngăn chặn Việt Nam không được vay tiền của các tổ chức quốc tế và việc nối lại quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Hoa Kỳ e ngại rằng trong tháng tư tới, Pháp và nhiều nước khác sẽ không còn tôn trọng việc Mỹ ngăn cản Việt Nam vay mượn của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các tổ chức tài chính quốc tế khác. Hai nhân vật quan trọng của Ủy ban đối ngoại Thượng nghị viện Mỹ, Claiborne Pell, chủ tịch Ủy ban, và Richard G. Lugar, đã viết thư cho tổng thống Clinton kêu gọi ông " có

ngay những bước tiến trong việc chấm dứt sự cô lập Việt Nam về kinh tế và chính trị ". Các nhà kinh doanh Mỹ cũng làm áp lực với chính quyền trong chiều hướng này. Tuy nhiên, một số gia đình những người " mất tích trong chiến tranh ", hoạt động trong Liên đoàn quốc gia những gia đình quân nhân Mỹ bị cầm tù hay mất tích ở Đông Nam Á, vẫn tiếp tục làm áp lực ngược lại.

Hôm thứ tư 17.3, Trợ tá ngoại trưởng Mỹ William Clark và nhiều viên chức khác đã tiếp tại Washington ông Trịnh Xuân Lãng, đại sứ sắp hết nhiệm kỳ của Việt Nam tại Liên hiệp quốc. Nguồn tin Việt Nam cho biết, ông Winston Lord, người được tổng thống Clinton bổ nhiệm làm Trợ tá ngoại trưởng phụ trách khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, và đang chờ Quốc hội thông qua, cũng có mặt trong buổi gặp ông Lãng. Tuy nhiên, bộ ngoại giao Mỹ không xác nhận tin này. (Los Angeles Times 18.3 và Washington Post 19.3)

Ngân hàng Hoa Kỳ trở lại Việt Nam

Ngân hàng Hoa Kỳ (Bank of America), ngân hàng lớn thứ hai của Mỹ, trụ sở chính ở San Francisco, thông báo ngày 11.3 là đã được phép mở một phòng đại diện tại Việt Nam. Ông Larry Greenberg, phó chủ tịch Ngân hàng, cho biết phòng này sẽ được đặt tại Hà Nội, từ 2 đến 6 tuần tới. Trong khi chờ đợi ngày Hoa Thịnh Đốn chính thức bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam, hoạt động của phòng đại diện này là quan hệ với phía Việt Nam, nghiên cứu thị trường và giúp đỡ các công ty Mỹ, Á hay Âu châu muốn làm ăn ở Việt Nam

Việt Nam - Israel

Quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước vùng Cận Đông, trước giờ chỉ giới hạn ở các nước A-rập, nay có lẽ đã bước vào một giai đoạn hoàn toàn mới, với sự kiện lần đầu tiên một phái đoàn ngoại giao Israel chính thức tới thăm Việt Nam từ thứ hai 15 đến thứ sáu 19.3 vừa qua. Phái đoàn gồm 4 người, do ông Yossef Hadass, nhân vật đứng thứ ba trong bộ ngoại giao Israel, dẫn đầu. Về phía Việt Nam, ông Tạ Nguyên, quyền vụ trưởng vụ Tây Á và Châu Phi là người tiếp đón và làm việc với đoàn. Theo ông Nguyên, hai bên đã thoả thuận bắt đầu bằng các quan hệ hợp tác kinh tế, song việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa hai nước cũng được đưa ra trong các cuộc hội đàm. Ngoài bộ ngoại giao, đoàn Israel cũng đã hội đàm với các quan chức Việt Nam thuộc các bộ nông nghiệp, thương mại và y tế. Sau ba ngày làm việc ở Hà Nội, đoàn đã đi thăm thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18.3, người phát ngôn của bộ ngoại giao Việt Nam, bà Hồ Thế Lan đã khẳng định lại " Việt Nam ủng hộ cuộc đấu tranh đòi quyền tự quyết của nhân dân Palestine và việc thiết lập một Nhà nước Palestine độc lập ". (AFP 15 - 18.3.93)

Kuwait giúp làm thuỷ lợi

Một viên chức chính phủ Kuwait, ông Murtada Ahmed Ibrahim thông báo ngày 15.3 là chính phủ Kuwait đã quyết định cho Việt Nam vay một số tiền 16,5 triệu đô la với những điều kiện thuận lợi để thực hiện một chương trình thuỷ lợi quy mô lớn ở tỉnh Gia Lai, Tây nguyên. Theo ông Ibrahim, khoản cho vay này đã được quyết định trước năm 1990, nhưng bị hoãn lại vì cuộc chiến tranh với Iraq. Việt Nam đã chỉ trích Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh này, nhưng theo ông Ibrahim, " điều quan trọng là Việt Nam đã lên án Iraq xâm lược Kuwait ". Hợp đồng cho vay sẽ được ký kết chính thức trong

một ngày gần đây, với lãi suất 3 % trả trong 20 năm, trong đó 5 năm đầu chưa phải trả. (AFP 1.3)

Phòng kinh tế trẻ

Một phái đoàn của Phòng kinh tế trẻ Pháp do ông Alain Lejeau, chủ tịch Phòng, dẫn đầu, đã tới thăm Việt Nam đầu tháng 3 vừa qua, trong nỗ lực gây dựng lại Phòng kinh tế trẻ miền Nam (thành lập vào những năm 1950) đã bị giải thể hồi 1975, đồng thời tìm hiểu các khả năng đầu tư vào Việt Nam cho các nhà kinh doanh Pháp. Phòng kinh tế trẻ (Jeune Chambre Economique) là một tổ chức không vụ lợi quy tụ các nhà kinh doanh trẻ trên thế giới, thành lập từ năm 1944 tại Mexico, số hội viên hiện nay là 450 000 với nhiều chi quốc gia tại 105 nước. (AFP 8.3)

Việt - Nhật

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm chính thức Nhật Bản trong năm ngày kể từ 24.3. Đây là chuyến công du đầu tiên của ông sang một nước " phương Tây ", với tư cách là thủ tướng chính phủ Việt Nam, và cũng là lần đầu tiên kể từ 1975, một vị đứng đầu chính phủ Việt Nam đi thăm Nhật Bản. Chính phủ Nhật đang chuẩn bị một số khoản viện trợ cho Việt Nam, sẽ được thủ tướng Nhật Kiichi Miyazawa công bố khi tiếp đón ông Kiệt. Nhật đã tái lập viện trợ kinh tế cho Việt Nam từ tháng 11.1992, với 45 tỷ yen (375 triệu đôla). Ngày thứ năm 25.3, chính phủ Nhật đã công bố sẽ giúp thêm Việt Nam 680 triệu yen (5,9 triệu đô la) cho một số dự án cụ thể : trang bị cho một nhà thương ở Hà Nội (350 triệu yen), trang bị vật tư lâm nghiệp (330 triệu yen). Ngoài ra một ngân khoản 49 triệu yen đã được chuyển cho Việt Nam để mua dụng cụ thể dục. (AFP 9, 13 và 26.3)

Xuất khẩu lao động

Trả lời phỏng vấn của báo Nhân Dân ngày 24.2, bộ trưởng bộ lao động Trần Đình Hoan đã chính thức nhắc lại chính sách xuất khẩu lao động của chính phủ Hà Nội, bị nhiều khó khăn trong mấy năm gần đây (vì sự sụp đổ của khối Liên Xô cũ và chiến tranh vùng Vịnh) nhưng vẫn được Nhà nước Việt Nam coi là một chính sách quan trọng để góp phần giải quyết nạn thất nghiệp (và mang lại nhiều ngoại tệ cho chính quyền!). Theo ông Hoan, các thị trường lao động đáng chú ý là " Đài Loan, Singapore và Nhật Bản ". Vẫn theo sự tính toán của ông Hoan, một công nhân Việt Nam trung bình gửi sang các thị trường mới nói trên có thể được lĩnh từ 100 đến 400 đô la mỗi tháng, sau khi trừ đi các khoản chi phí xã hội và thuế khoá. Mới đây, một công ty xây dựng Nam Triều Tiên đã tuyển gần 500 công nhân Việt Nam sang làm việc tại Trung Đông (xem tin Diễn Đàn số 17).

Việt Nam - ASEAN

Viện An ninh và Nghiên cứu quốc tế của Thái đã tổ chức một cuộc hội thảo cấp cao về quan hệ giữa Việt Nam và các nước trong vùng tại Bangkok ngày 22.2 vừa qua, với sự tham dự của thủ tướng Thái Lan Chuan Leekpai, phó thủ tướng Việt Nam Nguyễn Khánh, bộ trưởng tài chính Malaixia Anwar Ibrahim v.v... Cho tới nay, theo ông Nguyễn Khánh, Việt Nam đã ký kết gần 30 hợp đồng với các nước ASEAN, trong sự hợp tác dài hạn về mọi mặt, kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và văn hoá. Ông kể ra hiệp định về phát triển sông Mekong, mới được ký kết ở Hà Nội, như một ví dụ mẫu mực về sự hợp tác này và tỏ ý mong muốn rằng phương

pháp thương thảo dẫn đến hiệp định đó cũng sẽ được áp dụng ở vùng biển Đông Nam Á (nói bóng gió về cuộc tranh chấp các quần đảo Trường Sa - Hoàng Sa). Tại cuộc hội thảo, bộ trưởng tài chính Malaixia Ibrahim đã kêu gọi Hoa Kỳ nối lại các quan hệ với Việt Nam. Phó thủ tướng Nguyễn Khánh thì cho rằng sự tiếp tục cấm vận của Hoa Kỳ không còn hiệu lực ngăn cản được Việt Nam phát triển kinh tế, như những năm trước đây. (AFP 22.2)

Bảo vệ thú rừng

Tại một hội nghị quốc tế về cá sấu họp tại Darwin (Úc), bà Hồ Thu Cúc, một nhà nghiên cứu về côn trùng đã kêu gọi thế giới giúp đỡ Việt Nam bảo vệ giống cá sấu đang bị đe dọa diệt chủng vì sự săn bắn bừa bãi của những người thợ săn bất hợp pháp, bị cám dỗ bởi nguồn lợi lớn từ thị trường buôn lậu da cá sấu ở Trung Quốc, Thái Lan và nhiều nước khác. Theo bà, cả cá sấu nước lợ và cá sấu nước ngọt đều bị săn bắn bằng súng, thuốc nổ và các phương tiện khác, bán ra với giá từ 70 đến 1400 đô la một con. Mặc dầu chính phủ Việt Nam đã có nghị định cấm buôn bán thú rừng (tê giác, cọp, beo, voi, cá sấu v.v...), nhưng do thiếu phương tiện và nhân sự có kinh nghiệm nghề nghiệp, các nghị định ấy không đủ hiệu lực ngăn chặn nguy cơ nhiều loài thú quý sẽ bị tiêu diệt. (AFP 16.3)

Dầu mỏ

Công ty dầu quốc doanh Đài Loan Chinese Petroleum Corp. (CPC) cho biết một dự án xây dựng một nhà máy lọc dầu trị giá 160 triệu đô la tại Việt Nam đã được thoả thuận về nguyên tắc với bộ kinh tế Việt Nam, và sẽ được tiến hành khi có một hiệp định bảo đảm đầu tư giữa hai nước. Trong dự án này, CPC liên doanh với công ty Pháp Total và công ty dầu quốc doanh của Việt Nam. Đây là một nhà máy cỡ trung bình, với năng suất 130 000 thùng (baril) dầu mỗi ngày.

Theo nhật báo tiếng Anh Vietnam News ngày 23.2, phó thủ tướng Phan Văn Khải đã ra chỉ thị cho vụ Vận tải đường biển nghiên cứu liên doanh với các công ty nước ngoài để hình thành lực lượng tàu chuyên chở dầu xuất khẩu Việt Nam. Mục tiêu ông Khải đề ra là ngay trong năm 1993, Việt Nam phải tự túc chuyên chở được khoảng 20 % lượng dầu xuất khẩu, và tới năm 1995 tăng khối lượng này lên 40 %. Sản lượng dầu thô của Việt Nam trong năm 1992 là 5,5 triệu tấn, dự trù được tăng lên 6 triệu tấn trong năm nay, và do chưa có nhà máy lọc dầu, tuyệt đại đa số sản lượng nói trên được xuất khẩu với thị trường chính là Nhật Bản. (AFP 23 và 25.2)

Thiếc, đồng, phốt phát ...

Ngoài dầu hoả, than đá, là những tài nguyên đã và đang được khai thác, Việt Nam còn nhiều tài nguyên mỏ khác đang được các công ty khai thác mỏ quốc tế chú ý. Dù những điều kiện khai thác còn gặp nhiều khó khăn (cơ cấu hạ tầng, năng lượng và cả trong việc bảo vệ sản xuất), mới đây hai công ty Úc và một công ty Thái Lan đã đi bước đầu trong hoạt động này. Đầu tháng 3, Westralian Sands Ltd. đã ký một hợp đồng liên doanh khai thác các mỏ titanium trong tỉnh Hà Tĩnh. Pulsar Graphite Ltd., cũng của Úc, đang đợi được thông qua dự án đầu tư khai thác than chì ở Việt Nam. Cùng trong khoảng thời gian này, người ta được biết chính phủ Úc và Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) đã ký một thoả thuận bỏ ra 588 000 đô la để giúp Việt Nam sửa đổi

Luật khai thác tài nguyên. Một chuyên viên Liên hiệp quốc làm việc với chính phủ Hà Nội cho biết Việt Nam vẫn rất mong đợi những dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc ở Hà Tĩnh và mỏ bauxite (làm nhôm) ở Lâm Đồng. Cũng trong đầu tháng 3, Padaeng Industry, công ty mỏ của Thái, cho biết đã gặp gỡ các nhà chức trách Việt Nam để tìm hiểu về khả năng đầu tư vào các dự án khai thác kẽm và đồng ở Việt Nam. Theo ông Arsa Sarasin, chủ tịch công ty, Padaeng sẵn sàng bỏ vốn ban đầu 40 triệu đô la vào dự án này, nếu báo cáo của các nhà địa chất (sẽ hoàn thành trong hai tháng tới) cho biết là việc khai thác có thể thành tựu về mặt thương mại. (AFP 2 và 10.3, FEER 11.3).

Nhân quyền

Hội Hồng thập tự quốc tế sẽ đóng cửa văn phòng tại Hà Nội ngày 31.3.1993, vì lý do ngân sách. Đại diện Hội ở Hà Nội, ông Peter Lutoff, người Thụy Sĩ, đã xác nhận những người cuối cùng của chế độ cũ bị đưa đi “cải tạo” đã được trả tự do trong năm 1992. Tuy nhiên, ông nói, nhiều người khác đã bị bắt giam từ sau năm 1975, trong đó có những tù nhân chính trị mà Hồng Thập tự quốc tế vẫn không được đi thăm.

Một phái đoàn của tổ chức Mỹ hoạt động nhân quyền, Asia Watch, đã tới Việt Nam trong một chuyến đi điều tra thực địa kéo dài 10 ngày, chấm dứt vào ngày 18.3. Phái đoàn do ông Sidney Jones, giám đốc chấp hành, dẫn đầu. Asia Watch đã nhiều lần phản đối Việt Nam đàn áp những người đối lập, gần đây nhất là vụ xử ông Nguyễn Đan Quế 20 năm tù vì “hoạt động lật đổ”. Thông tấn xã Việt Nam đưa tin về chuyến đi của đoàn không cho biết đoàn đã được gặp các tù nhân chính trị mà Asia Watch vẫn lên tiếng bảo vệ hay không.

Đình công dây chuyền

Các xí nghiệp có nước ngoài đầu tư đang trở thành những “điểm nóng” trong những quan hệ xã hội ở thành phố HCM. Riêng trong tháng hai vừa qua, ba cuộc đình công đã bùng nổ tự phát, đặt ban giám đốc xí nghiệp, liên đoàn lao động thành phố và chính quyền vào thế lúng túng. Ngày 2.2, hơn 100 công nhân ở công ty *Triumph International* sản xuất đồ lót phụ nữ (vốn 100 % của Đức) đình công. Bốn ngày sau, tới lượt 650 công nhân của công ty *Ree Young* (liên doanh với Nam Triều Tiên), sản xuất túi xách da (xem tin Diễn Đàn số 17). Ngày 18.2, là 200 công nhân công ty Thái Bình, chuyên gia công túi xách xuất khẩu (cho Nam Triều Tiên).

Một cán bộ của liên đoàn lao động thành phố đã nhận xét : cuộc đình công của công nhân *Ree Young* là cuộc đình công lớn nhất từ sau 1975. Sau ba ngày đấu tranh, hội đồng quản trị xí nghiệp đã đáp ứng tất cả các yêu sách : thực hiện mức lương tối thiểu là 35 đô la một tháng, ngày lao động 8 giờ, ký hợp đồng lao động với từng người, ký thoả ước lao động tập thể và yêu cầu chuyên gia Nam Triều Tiên kiểm điểm và xin lỗi công nhân về những đối xử thô bạo của họ.

Theo báo Lao động ngày 21.1.93, những vụ đình công dây chuyền trong các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài đang làm cho một số không ít người trong chính quyền “lo ngại”, nếu tình trạng trở nên phổ biến, tư bản nước ngoài sẽ “ngại ngừng” – Đến nay họ vẫn nghĩ rằng sức lao động Việt Nam là “lực lượng có tổ chức”. Bài báo nhắc lại rằng, trong hàng

chục năm qua, với cơ chế kinh tế quốc doanh, “khái niệm đình công là điều gì rất xa lạ (sic)”. Việc ghi quyền đình công vào dự thảo luật lao động vẫn là điều đang tranh cãi. Tại đại hội đảng cộng sản tháng 7.1991, trả lời câu hỏi của báo chí nước ngoài về quyền đình công của công nhân Việt Nam, ông Trần Đình Hoan, bộ trưởng bộ lao động và xã hội, đã khẳng định rằng các vấn đề tranh chấp lao động ở Việt Nam có những phương cách giải quyết khác hơn là đình công !

Toan tính khủng bố ?

Theo người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, 18 người đã bị công an bắt giữ sau khi một người Mỹ gốc Việt mang theo chất nổ bị bắt ngày 5.3 ở sân bay Tân Sơn Nhứt. Nguồn tin từ bộ nội vụ cho biết, trong số những người đã bị bắt có 4 Việt kiều mang quốc tịch Mỹ. Nhiều nguồn tin ngoại giao cho rằng một số người dính dáng với phe đảng của Nguyễn Văn Thiệu đã toan tính gây ra một số vụ nổ ở thành phố để gây hoang mang cho những người muốn đầu tư vào Việt Nam. Một tin đồn được Tạp chí kinh tế Viễn đông đưa ra (số đề ngày 25.3) là trong số những người bị bắt có cả nhà văn quân đội Nguyễn Khải, nhưng Diễn Đàn đã kiểm nghiệm tin này không đúng sự thực. (AFP 20.3)

Tin ngắn

☛ Lý Tống, người đã dùng dao uy hiếp phi hành đoàn của một chiếc máy bay Airbus của công ty Bungari JES Air do Hàng không Việt Nam thuê bay đường Bangkok - thành phố Hồ Chí Minh ngày 4.9.1992, ép máy bay phải bay 30 phút trên bầu trời Sài Gòn để thả truyền đơn kêu gọi lật đổ chế độ, đã bị một toà án thành phố xử 20 năm tù, và bồi thường thiệt hại cho Hàng không Việt Nam 500 000 đô la.

☛ Đài Loan sẽ cho Việt Nam vay 45 triệu đô la với những điều kiện dễ dãi, để thực hiện một dự án xây cất đường 3á (30 triệu) và một số dự án công nghiệp cỡ nhỏ (15 triệu).

☛ Việt Nam đã tặng Cuba 10 000 tấn gạo và đã ký hợp đồng bán cho Cuba 100 000 tấn khác trong hai năm tới.

☛ Singapore, bạn hàng quốc tế số một của Việt Nam, đã mở một lãnh sự quán tại thành phố Hồ Chí Minh kể từ thứ hai 8.3.1993.

☛ Chuyến đi thăm chính thức Việt Nam của bộ trưởng quốc phòng Trung Quốc, dự trù ban đầu vào ngày 18.2, đã được hoãn một lần sang ngày 25.2, nay được hoãn không hạn định. Phía Trung Quốc viện lý do sức khỏe của bộ trưởng quốc phòng, tướng Qin Jiwei. Song, một nguồn tin Việt Nam ngày 24.2 cho biết, Việt Nam đã phản đối một tàu nghiên cứu địa chấn Trung Quốc lại vi phạm lãnh hải Việt Nam mới đây.

☛ Công ty Nhật Ryo International Co. đã được phép mở một xí nghiệp với vốn 350 000 đô la, sản xuất quần áo tại Việt Nam với nguyên vật liệu nhập từ Indônêxia, Pakistan, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Triều Tiên và Đài Loan. Đây là xí nghiệp đầu tiên do một công ty Nhật làm chủ 100 % mở ra ở Việt Nam.

☛ Carnaudmetalbox, công ty Anh - Pháp, đã ký hợp đồng liên doanh với Bia Sài Gòn để mở một xí nghiệp chuyên sản xuất hộp đựng nước uống (bia, nước ngọt). Vốn đầu tư ban đầu của liên doanh là 250 triệu Francs (44,6 triệu đôla), trong đó Carnaudmetalbox bỏ ra 70 % và Bia Sài Gòn 30 %.

(Xem tiếp trang 8)

Những lâu đài trên cát

Mô hình kinh doanh một thời lừng lẫy của thành phố HCM, Công ty lương thực thành phố hiện đang “*như một cỗ xe đồ sộ đứng chông chênh bên bờ vực của sự phá sản*”, theo lời báo Tuổi Trẻ ngày 1.2.1993. Còn được gọi là “*Công ty của Bà Ba Thi*”, xí nghiệp quốc doanh này đã nổi tiếng từ khi bà giám đốc Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi) “*phá rào*” nền kinh tế bao cấp để đảm bảo cung ứng lương thực với giá cả ổn định cho thành phố HCM (đầu những năm 80). Từ thành công đó, Công ty lương thực thành phố phát triển thành doanh nghiệp có quy mô lớn với 28 xí nghiệp trực thuộc.

Song hiện nay, nhận định chính thức cho rằng “*trong nhiều năm qua, hoạt động của công ty hầu như đặt ra ngoài cơ chế chung, thoát ly sự quản lý của các cơ quan nhà nước*”. Hiện tại, Công ty lương thực đã mất khả năng chi trả nợ : 126 tỉ đồng nợ trong nước và nhất là 44 triệu đô la (440 tỉ đồng) nợ nước ngoài quá hạn. Vốn vay nước ngoài, chủ yếu là tín dụng thương mại (thời hạn ngắn) đã được công ty sử dụng vào một số đề án đầu tư bất chấp hiệu quả kinh tế. Chỉ tính những thương vụ lớn, con số thâm thủng tài chính do làm ăn thua lỗ lên tới 206 tỉ đồng. Đó là chưa kể phần tài sản của nhà nước đã bị thất thoát, chưa được đánh giá.

Bên cạnh sự phiêu lưu kinh doanh của bà Ba Thi, bài báo Tuổi Trẻ còn nói đến những tiêu cực của một số cán bộ được lãnh đạo công ty “*tiếp tay, dung túng*” để “*rút ruột*” công ty. Như bà Trần Thu Hồng, trưởng trạm chế biến nông sản xuất khẩu của Công ty đồng thời là giám đốc của một xí nghiệp cạnh tranh với Công ty, xí nghiệp dịch vụ xuất khẩu EDC1 thuộc Công ty phát triển kinh tế Côn Đảo. Theo tài liệu điều tra, riêng những hợp đồng ký giữa Công ty lương thực và EDC1 đã làm thất thoát 9,3 tỉ đồng của Công ty.

Năm 1992 nhà cầm quyền đã khởi tố bà Trần Thu Hồng về tội “*thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Còn bà Nguyễn thị Ráo thì chỉ bị đưa về hưu. Tuy nhiên vừa qua, người ta được biết Hội đồng giám định y khoa trung ương lại kết luận rằng bà Trần Thu Hồng bị “*tâm thần phân liệt thể hoang tưởng*” ! Điều ấy đồng nghĩa với việc bà Hồng không chịu trách nhiệm về sự thất thoát tài sản nhà nước do bà gây ra. Bút mây động rừng ?

Tiếp theo sự phá sản của Cosevina (1991), rồi Công ty lương thực thành phố Hồ Chí Minh, báo chí trong nước đang đưa tin về nguy cơ sụp đổ của Liksin, một thời đã được xem là “*mô hình làm ăn sáng giá của thành phố HCM*”. Liksin là tên tắt của Liên hiệp khoa học sản xuất in thành phố HCM, “*con chim đầu đàn của ngành in cả nước*”, hiện nay là một tập đoàn gồm 13 xí nghiệp với tổng giá trị tài sản cố định lên đến 174 tỉ đồng. Tổng giám đốc Liksin, ông Phạm Quang Hưng cũng một thời đã được xem là một lãnh đạo xí nghiệp mẫu mực của thành phố. Song cuộc thanh tra tiến hành trong tháng chạp 1992, sau khi Liksin mất khả năng thanh toán nợ, cho thấy 94 % vốn cố định của tập đoàn xí nghiệp này là vốn vay từ nhiều nguồn : 11,6 triệu đô la của Ngân hàng đầu tư

quốc tế MIB (của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa cũ), 2 triệu của Vietcombank và tiền tiết kiệm của dân huy động qua tín dụng. Vào cuối năm 1992, số nợ quá hạn đã lên đến 1,6 triệu đô la.

Theo báo Phụ nữ thành phố HCM (ngày 6.1.1993), các chủ nợ đang giành giật nhau ưu thế : Vietcombank yêu cầu cản trở nợ một số mặt bằng nhà cửa của Liksin, trong khi sở tài chính rà soát các thiết bị của Liksin có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước...

Không chỉ Liksin hay Công ty lương thực thành phố HCM, mà những công ty quốc doanh lớn khác như Đông lạnh Hùng Vương hay Legamex, đều là những “*toà lâu đài trên cát*”, như chữ dùng của bài báo nói trên. Giải thích hiện tượng sụp đổ hàng loạt này, báo chí vẫn nhắc đi nhắc lại một số “*nguyên nhân*” : do giám đốc thiếu năng lực (sử dụng vốn không hiệu quả, sai lầm trong việc sử dụng cán bộ, v.v...), hoặc do giám đốc thiếu đạo đức (tham nhũng, vô trách nhiệm v.v...). Hoặc người ta đổ mọi sự cho hai chữ “*cơ chế*” chung chung, vô hình, vô thể. Để hiểu, vì không ai được nói tới cái gốc của mọi căn bệnh : đó là cái được mệnh danh “*chế độ sở hữu toàn dân*”, trong thực tế là sự tập trung sức sản xuất của xã hội vào trong tay của một thiểu số nắm quyền lực nhưng không chịu trách nhiệm đối với xã hội. Cho đến khi nào gốc căn bệnh không được thừa nhận và thực tâm chữa trị, doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sẽ là những nơi bòn rút nhiều hơn là làm ra của cải cho xã hội.

VietSov-Petro ném hàng triệu đô la qua cửa sổ

Cuối tháng chạp vừa qua, chính quyền Bà Rịa - Vũng Tàu đã khởi tố một vụ án “*thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” tại xí nghiệp liên doanh đầu khí Việt - Xô (VietSov-Petro), và bắt giam ông Đặng Hữu Quý, quyền phó chánh kỹ sư viện thiết kế của VietSov-Petro.

Tài liệu điều tra cho thấy hàng triệu đô la đã bị thất thoát trong việc ký kết hợp đồng mua thiết bị vật tư ở nước ngoài : như là mua ống thép không đúng quy cách, gây thiệt hại 350 000 đô la ; ký hai lần hợp đồng thủ lục căng xích neo tàu chứa dầu, lãng phí 330 000 đô la ; mua máy tính không giám định chất lượng, làm thiệt hại trên 100 000 đô la ; mua hai lần xích neo để cố định tàu chứa dầu, lãng phí 292 000 đô la ; điều động tàu đi Singapore nhận hàng đặt mua nhưng lại không có, làm mất mát khoảng 1 triệu đô la v.v...

Trả lời phỏng vấn trên báo Tuổi trẻ Chủ nhật ngày 14.2.93, phó tổng giám đốc Lê Quang Trung cho biết VietSov-Petro, khi thành lập có 20 % nhân viên Việt Nam, 80 % là Liên Xô. Hiện nay tỉ lệ đã ngược lại và cán bộ Việt Nam đã thay thế dần các chức vụ quan trọng về quản lý “*tuy nhiên cái yếu còn tồn tại là ở khâu thương mại*”. Nguồn cung cấp thiết bị trước đây là Liên Xô. Sau 1991, VietSov-Petro mua thiết bị từ nhiều nguồn khác và “*không có kinh nghiệm trong việc này*”.

Các người trách nhiệm VietSov-Petro đã ném những số tiền khổng lồ qua cửa sổ là do “*thiếu trách nhiệm*” hay do “*cố ý làm trái*” vì tư lợi ? Đó mới thực sự là vấn đề, tuy không mấy ai nghĩ rằng nó sẽ được chính quyền làm sáng tỏ.

Tin tức (tiếp theo trang 6)

➤ Theo báo Nhân Dân ngày 19.3, Nhật Bản là nước đầu tiên đã nhập cảng xe hơi lắp ráp tại Việt Nam. Đó là 10 chiếc xe Mekong Star của công ty Mekong Corporation, một liên doanh sản xuất xe hơi giữa Việt Nam với các hãng Nhật Saeilo Machinery Japan và Nam Triều Tiên Sea Young Mekong Corp. được thành lập năm 1991, nhập đầu máy và linh kiện để lắp ráp xe hơi tại một xưởng lắp ráp đặt tại thành phố Hồ Chí Minh. Một xưởng khác đã được dự trù tại Hà Nội. Từ khi thành lập tới nay, công ty đã lắp ráp 400 chiếc xe đủ loại, từ xe du lịch tới xe buýt, xe tải và xe cứu thương. Một nửa số xe này đã được bán trong thị trường nội địa. Theo dự tính, năm nay công ty sẽ cho xuất xưởng 1500 chiếc xe và sẽ xuất khẩu 105 chiếc.

➤ Bộ trưởng thương mại Lê Văn Triết đã quyết định hạn chế các công ty được phép xuất khẩu gạo để tránh tình trạng những hợp đồng được ký kết bừa bãi, sau đó không được thực hiện nghiêm chỉnh. Gạo Việt Nam xuất khẩu chất lượng thường kém gạo Thái Lan cùng loại, và giá bán thấp hơn gạo Thái từ 20 đến 60 đô la mỗi tấn.

➤ Từ ngày 2.3, các giấy bạc 50 000 và 20 000 đồng đã chính thức được lưu hành tại Việt Nam. Tỷ giá trao đổi hiện nay là khoảng 10 500 đồng một đô la. Sự khác biệt giữa thị trường chợ đen và chính thức không đáng kể. Theo bà Lê Thị Ngót, phó thống đốc Ngân hàng Việt Nam, sự phát hành các giấy bạc mới này không dẫn đến lạm phát vì lượng tiền tệ lưu hành sẽ không thay đổi, Nhà nước sẽ thu về các giấy bạc cũ, loại quá nhỏ giá.

➤ Nguyễn Lê Cường, một nhân viên hãng bảo hiểm quốc doanh đã bị xử 20 năm tù về tội lừa đảo, "chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa". Theo lời buộc tội của toà án, Cường đã ký những hợp đồng ma với nhiều công ty quốc doanh, gạt của họ 10 tỉ đồng.

➤ Việt Nam đã từ chối không cấp chiếu khán nhập cảnh cho ông Michael Sinclair, nghệ sĩ của một đoàn kịch nghiệp dư ở Hồng Kông, vì ông này bị nhiễm vi khuẩn bệnh Sida HIV. Đoàn kịch vẫn sẽ đến Việt Nam vào đầu tháng tư tới và sẽ trình diễn vở *Giấc mộng đêm hè* của Shakespeare. Theo báo Sài Gòn giải phóng ngày 27.2, chỉ trong tháng hai thành phố đã khám phá thêm 17 người bị HIV, nâng tổng số người bị HIV lên 29 trong cả nước. Tuy nhiên, con số này chắc chắn còn xa sự thật vì Việt Nam vẫn không có phương tiện để kiểm tra bệnh một cách có hệ thống.

➤ Việt Nam thông tấn xã trong bản tin ngày 11.3 đã báo động nạn mãi dâm trẻ em tăng vọt từ hai năm nay. Số trẻ mãi dâm dưới 16 tuổi được thống kê là 3 800 em, trên tổng số 60 000 gái mãi dâm ở cả nước.

➤ Một cơn dịch bệnh viêm màng óc đang lan ra ở tỉnh Hà Giang, tới nay đã làm thiệt mạng 70 người. Khoảng 300 người ở huyện Mèo Vạc, phần lớn là trẻ em dưới 15 tuổi đã mắc bệnh.

➤ Một người Việt Nam tị nạn tại Nhật đã bị bắt ở phi trường Tokyo khi ông ta về thăm nhà trở qua, mang theo trong hành lý 4,2 kg chất á phiện marijuana. Theo Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER) ngày 18.3, các chuyên viên quốc tế chống thuốc phiện chờ đợi là các đường dây buôn lậu thuốc phiện từ hoặc thông qua Việt Nam sẽ có nhiều hơn.

Khmer đỏ... (tiếp theo trang 1)

Theo ông Lê Mai, thứ trưởng ngoại giao Việt Nam, hiện có khoảng hơn 100 000 người Việt sinh sống như ngoại kiều ở Cam - Bốt, " kể cả một số không đáng kể " những bộ đội đã bỏ ngũ ở lại Cam - Bốt khi quân đội Việt Nam rút hết về nước năm 1989, và không còn liên hệ gì với chính phủ Việt Nam. Hà Nội mới đây không chịu nhận cho về nước 8 người Việt nguyên là bộ đội chiến đấu ở Cam-Bốt, khi UNTAC khám phá ra họ. Con số hơn 100 000 Việt kiều sống ở Cam- Bốt cũng được chính phủ Phnom-Penh xác nhận. Khmer đỏ thì rêu rao có tới hơn 2 triệu người Việt, trong đó có 40 000 quân nhân trút bỏ áo lính nhưng vẫn giữ nguyên vũ khí và liên hệ quân ngũ, đang ở Cam Bốt và viện cớ này để không chịu thi hành những điều khoản của hiệp định hoà bình Paris.

Theo hiệp định Paris, còn hai tháng nữa tới ngày tổng tuyển cử ở Cam- Bốt. Những tội ác mà dư luận thế giới không thể dung thứ này có thể ngăn chặn được tiến trình hoà bình mà nhân dân Cam - Bốt trông đợi ?

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ.....

Địa chỉ.....

Tìm hiểu kinh nghiệm Nam Triều Tiên :

Nợ nần và phát triển

Nguyễn Trọng Nghĩa

Theo thủ tướng Võ Văn Kiệt, để thực hiện mục tiêu tăng gấp đôi, từ nay đến năm 2000, tổng sản lượng quốc dân tính theo đầu người (hiện nay chừng 200 đô la), thì Việt Nam cần phải đầu tư khoảng 40 tỉ đô la, tức là 5 tỉ mỗi năm : hơn 1/3 tổng sản lượng quốc dân (chừng 14 tỉ đô la) ! Nếu ước tính này được thực hiện, chắc chắn phần lớn phải dựa vào việc vay mượn vốn của nước ngoài vì ba lý do chính sau đây :

— Trong tình hình thiếu hụt ngân sách trầm trọng hiện nay của hầu hết các nước tư bản phát triển, viện trợ kinh tế của họ cho Việt Nam chỉ có thể là sẽ rất giới hạn.

— Với mức thu nhập quá thấp hiện nay, khả năng tích lũy vốn của nhân dân và nhà nước Việt Nam cũng khó có thể dồi dào như có người đã ước mơ : 20 tỉ đô la trong vòng 8 năm !

— Để xây dựng hạ tầng cơ sở (đường sá, cầu cống...) đã quá cũ kỹ và nhất là thiếu thốn (đây là một khu vực sẽ tốn rất nhiều vốn và thường không đem lại lợi nhuận trực tiếp), nhà nước không thể chờ đợi sự đầu tư của tư bản ngoại quốc mà trái lại phải tự mình đứng ra cáng đáng.

Vay mượn vốn nước ngoài (20 tỉ đô la hay nhiều hơn nữa) để phát triển : phải chăng đó là một trong những chọn lựa chiến lược về kinh tế của Việt Nam trong những năm tới, nhất là sau khi Mỹ đã bỏ cấm vận ? Cách đây hơn 30 năm, chính phủ Nam Triều Tiên cũng đã đề ra một chính sách tương tự và họ đã thành công trong việc thực hiện. Do đó, tìm hiểu và suy nghĩ về kinh nghiệm sử dụng vốn vay của nước ngoài và biến nó thành một công cụ có hiệu quả cho công nghiệp hoá và phát triển, tưởng cũng không phải là điều vô ích.

Sau chiến tranh giữa Nam và Bắc Triều Tiên (1950-1953), vốn ngoại quốc đi vào Nam Triều Tiên dưới ba hình thức : viện trợ kinh tế, vay mượn và đầu tư trực tiếp của người nước ngoài.

Từ 1954 đến 1961, các nước tư bản (chủ yếu là Mỹ) đã viện trợ cho Nam Triều Tiên 3,1 tỉ đô la (100 % tổng số vốn ngoại nhập), nhưng sau đó viện trợ kinh tế giảm đi rất nhanh (1962-66 : 0,8 tỉ, 1967-71 : 0,5 tỉ) để rồi chấm dứt hẳn từ năm 1972.

Nam Triều Tiên bắt đầu vay vốn nước ngoài từ 1962 trở đi, cùng lúc với sự đầu tư trực tiếp của tư bản ngoại quốc. Trong vòng 25 năm (1962-86), họ đã vay cả thảy 73,4 tỉ đô la, tức là gần 95 % tổng số vốn ngoại nhập (77,32 tỉ), gấp 30 lần vốn do người nước ngoài đầu tư (2,62 tỉ) ! Năm 1980, vay nhiều nhất : 8 471 triệu đô la. Năm 1985, Nam Triều Tiên nợ nước ngoài đến 46,729 tỉ đô la, chiếm 52,1 % tổng sản lượng quốc dân. Thế nhưng, chỉ trong hai năm 1987-89 họ đã giảm được tổng số nợ xuống 29,4 tỉ đô la (13,9 % tổng sản lượng

quốc dân). Theo Shim Young Seop (1), sự thành công của Nam Triều Tiên trong việc phát triển kinh tế bắt nguồn từ mấy đặc điểm sau đây :

— Quá trình công nghiệp hoá của Nam Triều Tiên đã không bị quy định bởi một lộ gích ép đặt từ bên ngoài : các chiến lược và chính sách công nghiệp của Nam Triều Tiên, cởi mở và nhất là không có tính cách giáo điều, đã không bị tổ chức tùy thuộc vào sự thúc đẩy của vốn ngoại nhập. Trái lại, vốn vay của nước ngoài được sáp nhập vào trong khung cảnh của các chính sách công nghiệp của nhà nước. Nhằm làm chủ được những món nợ, chính phủ Nam Triều Tiên đã lấy những biện pháp vừa khuyến khích và kiểm soát được vốn ngoại nhập vừa được gắn chặt với chiến lược phát triển đang thực hiện.

— Nhà nước đã tỏ ra có đủ khả năng điều tiết và chỉnh lý giữa nợ nần, công nghiệp hoá, xuất khẩu và tăng trưởng, không những trong một thời cơ thuận lợi như vào năm 1986 (khi lãi suất, giá đô la và nguyên liệu đều giảm) mà ngay cả trong một hoàn cảnh bất lợi (như khi giá dầu khí tăng vọt) : nhà nước đã can thiệp như là người đối tác (*partenaire*), nhằm mục đích tạo ra sự cố kết và liên đới giữa những tác

Vốn đầu tư ngoại quốc vào Nam Triều Tiên (1954-1986)							
tính bằng tỉ đô la và phần trăm							
Thời kỳ	1954 1961	1962 1966	1967 1971	1972 1976	1977 1981	1982 1986	Tổng cộng
Viện trợ	3.10 100%	.80 65.6%	.50 12.8%				4.40 5.5%
Vay	0	.40 32.8%	3.30 84.6%	9.20 94.8%	28.90 97.3%	31.60 96.3%	73.40 91.3%
Đầu tư trực tiếp	0	.02 1.6%	.10 2.6%	.50 5.2%	.80 2.7%	1.20 3.7%	2.62 3.3%
Tổng cộng	3.10	1.22	3.90	9.70	29.70	32.80	80.42

Xuất xứ : Ngân hàng Triều Tiên, Shim dẫn, tr. 141

nhân kinh tế.

— Trong những năm 1960 và 1970, Nam Triều Tiên là một trong những nước có sự phân phối lợi tức bình đẳng nhất thế giới ; và đó là một điều kiện ban đầu thuận lợi cho việc sử dụng tối ưu vốn vay của nước ngoài : không thể nào bắt công nhân, viên chức phải hy sinh, nhận lương thấp hầu làm giảm giá thành của hàng hoá và đẩy mạnh xuất khẩu (điều kiện cần thiết để trả những món nợ đã vay của nước ngoài), nếu cùng lúc những người lãnh đạo lại lãnh lương quá cao.

Ngoài nhà nước ra, cũng còn phải nhấn mạnh đến vai trò của các xí nghiệp và hệ thống tài chính : khả năng làm chủ việc vay vốn cũng như quá trình nợ nần tùy thuộc ở cả ba tác nhân kinh tế nói trên. Thật vậy, cho dù chiến lược, chính sách phát triển của nhà nước có đúng đắn đến đâu, nếu hệ thống tài chính quá lạc hậu, bất lực nên không biết phân phối vốn một cách hợp lý, tối ưu, nếu các xí nghiệp không biết làm ăn nên thua lỗ, thì chắc chắn nợ mẹ sẽ đẻ ra nợ con để rồi đi đến chỗ phá sản.

Diễn biến số tiền vay hàng năm và tổng số nợ tính bằng triệu đôla

	Vay	Nợ chung	Nợ/Xuất	Nợ/TSL
1962	31	58	35,50	2,50
1964	35	138	65,70	4,80
1965	19	177	61,00	5,90
1966	277	352	77,40	9,60
1967	297	646	100,50	15,10
1968	577	1199	136,20	22,90
1969	667	1800	156,50	27,10
1970	850	2245	162,80	27,70
1971	983	2922	180,40	30,90
1972	829	3584	161,20	30,80
1973	1074	4260	103,40	31,70
1974	1986	5937	122,30	31,70
1975	2845	8456	143,70	40,70
1976	2610	10533	111,40	36,90
1977	2627	12648	96,70	34,50
1978	3189	14871	86,70	29,00
1979	7015	20500	103,90	33,40
1980	8471	27367	120,30	44,50
1981	7428	32490	118,90	48,60
1982	7217	37083	130,80	52,00
1983	5816	40378	133,10	50,80
1984	5924	43053	127,90	49,50
1985	6651	46729	141,20	52,10
1986	5288	44500	106,00	43,30
1987-89	*			
1989		29400	39,70	13,90

Xuất xứ : Hội đồng kế hoạch kinh tế và những nguồn NTT khác (dẫn theo Shim, tr. 160)

* = trả nợ trước

Với sự cải thiện quan hệ với Mỹ, Việt Nam hy vọng một ngày rất gần đây Mỹ sẽ bỏ cấm vận, và nhờ đó Việt Nam sẽ nhận được nhiều tín dụng của Ngân hàng thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng phát triển Á châu v.v... Ai không nghĩ đó là điều đáng mừng. Thế nhưng, rút kinh nghiệm về cách làm ăn không được nghiêm chỉnh lắm trong việc xây dựng đường dây điện cao thế Bắc-Nam, *Tuần báo Kinh tế Viễn Đông* (số ra ngày 18-2-1993, tr. 5) đã lên tiếng báo động là không khéo tín dụng của các tổ chức nói trên sẽ tàn phá Việt Nam ghê gớm hơn cả bom B52. Theo tuần báo này, cứ nhìn tấm gương của Phi Luật Tân hiện nợ của các tổ chức nói trên 29 tỉ đô la (gấp hai lần tổng sản lượng quốc dân của Việt Nam) mà không có gì để trả, thì đủ rõ.

Để phát triển, chắc chắn Việt Nam cần phải vay vốn của nước ngoài. Nhưng liệu nhà nước, các xí nghiệp (quốc doanh và tư nhân) cũng như hệ thống tài chính của Việt Nam đã có đủ khả năng để sử dụng có hiệu quả vốn vay của nước ngoài? Phải chăng, trong một chừng mực nào đó, đúng như *Tuần báo Kinh tế Viễn Đông* đã nhận định, sự cô lập của Việt Nam trong mười mấy năm rồi rồi cuộc lại là điều may? Nếu không chắc Việt Nam cũng đã nợ ngoại quốc còn hơn chúa Chôm, chứ không phải chỉ 12 tỉ rúp (trước đây tương đương với 12 tỉ đô la) còn chưa trả cho Liên xô!

Nguyễn Trọng Nghĩa

1. *Endettement et industrialisation. Le cas de la République de Corée*, trong *Asies recherches* số 9, tháng 9-1992.

Cho đến những năm 1940, dưới mắt người Pháp, Việt Nam là thiên đường cho những người muốn làm giàu, và những tay chơi ưa chuộng các cô *Tonkiki, Tonkinoise*. Chiến tranh Đông Dương đã làm thay đổi cách nhìn này. Song phải đợi đến khi Mỹ đặt chân lên miền đất mà họ đã chịu nhiều thất bại, thì người Pháp mới thấy một nước Việt Nam " mới " thật sự xuất hiện.

Hai mươi lăm năm về trước, trong con mắt của thế giới Việt Nam hiện ra như một chú bé David hiền lành phải đơn thương độc mã đương đầu với tên khổng lồ Goliath mang hình thù đế quốc Mỹ. Bắc Nam đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, người Việt Nam chiến đấu kiên cường chống quân xâm lăng với một động lực duy nhất : đuổi kẻ thù ra khỏi mảnh đất tổ tiên.

Một vài hình ảnh được báo chí đăng tải rộng rãi càng củng cố cách nhìn này : một nữ du kích Bắc Việt, mảnh mai nhưng ngoan cường, với khẩu súng cũ kỹ đã khuất phục một phi công Mỹ khổng lồ ; một sỹ quan công an Sài Gòn, bắn súng lục vào thái dương một Việt Cộng kháng chiến, một bé gái trần truồng, mặt đầm đìa nước mắt, trốn chạy khỏi xóm làng bị bom napan đốt trụi v.v...

Huyền thoại một nước Việt Nam anh hùng, can đảm trong đau khổ và thiếu thốn, chiến đấu để đạt đến một mục đích cao quý nhất, đã đạt tới tuyệt đỉnh. Cách nhìn ấy, nói chung, không thể gọi là sai lạc nhưng tất nhiên sự thật phức tạp hơn nhiều. Thời điểm đó không có chỗ cho những hoài nghi và tiểu dị (*nuances*). Khắp thế giới, người dân các nước thuộc địa cũ và các chiến sỹ cách mạng châu Mỹ La-tinh và Âu châu đều tuân theo những khẩu hiệu của Che Guevara, ước mơ tạo ra " hai, ba hoặc nhiều Việt Nam ". Phong trào đoàn kết với nhân dân Việt Nam và Mặt trận dân tộc giải phóng, " người đại diện chân chính duy nhất ", lúc đó đã đạt cao điểm.

Một phần cũng nhờ hệ thống truyền thông đại chúng vừa nảy nở, Việt Nam chiếm được cảm tình nồng hậu của toàn thế giới. Mỗi nhiệt tình ấy, Việt Nam sẽ không bao giờ tìm lại được nữa...

Cách đây 15 năm, qua hệ thống vô tuyến truyền hình, thế giới đã khám phá ra thảm kịch tàu Hải Hồng. *Con tàu say mồi* cạn trên bờ biển Mã Lai. Những thuyền nhân Việt Nam chen chúc, nhón nhác, hấp hối. Họ, và tiếp theo họ là hàng trăm nghìn người khác, đã chạy trốn chế độ độc tài cộng sản và sản phẩm của chế độ này : chính sách nhồi sọ, cấm cản lưu thông, cưỡng ép cải tạo, tố giác lẫn nhau...

Một vài tháng sau, quân đội Việt Nam can thiệp vào Campuchia, kết quả thực tế là đã chấm dứt chế độ diệt chủng của Pol Pot, song Hà Nội lại càng bị chỉ trích nặng nề. Dư luận chính trị quốc tế cho rằng : không những họ đã nô dịch nhân dân trong nước, " gã khổng lồ của Đông Dương " còn bị bắt quả tang là đang thi hành chính sách bành trướng lãnh thổ. Việc thiếu vắng những bài phóng sự về Việt Nam và về " thuộc địa mới " càng tô đậm vai trò " góm ghiếc " này.

Một ông " râu hùm " đã đặt hết kỳ vọng vào chủ nghĩa cộng sản, đến độ phải hy sinh cả cuộc đời mình. Nổi nghiệp thần tượng Che Guevara là một ông " râu hùm " khác, tượng trưng cho sự tuyệt vọng về chủ nghĩa cộng sản. Những bài văn của Soljenitsyne về các trại *goulag* ở Nga, và nhất là những lời bàn của nhóm *Tân triết gia* đã trát bùn lên toàn bộ thế giới cộng sản và, tại Pháp, đã góp phần không ít vào việc tạo nên một huyền thoại khác : " Việt Nam một chính quyền đều cấp bậc nhất ". Phải hết sức ngây ngô hay cực kỳ mị dân mới có thể đòi

Việt Nam, huyền thoại lang bạt

hỏi một quốc gia kiệt quệ sau 30 năm chiến chinh phải giống như nước Pháp “ sáng loà ” sau 30 năm phát triển vượt bực về kinh tế.

Trong khi đó thì trên miền đất tiếp nhận, những người tị nạn được xem như là những người có tất cả mọi đức tính cao quý... Các nhà cầm quyền Hà Nội bị lãng mạ, và dân tộc anh hùng của 10 năm trước đây bị lãng quên như một người *paria* ở Ấn Độ. Lúc đó, những ai đã giúp đỡ cho người Việt Nam còn lại trong nước, đã bị chỉ trích và xem như là một bọn tay sai cho chính quyền Hà Nội. Năm 1981, một sáng lập viên rất ăn ảnh của tổ chức nhân đạo chuyên về y tế đã giải thích rằng : không nên giúp gì cho những người còn ở lại trong xứ, ngày nào Việt Nam còn ở trong chế độ cộng sản.

Nước sông Hồng đã chảy dưới cầu Long Biên khá lâu trước khi các lãnh tụ Việt Nam trở về già thừa nhận sự thất bại về đường lối chính trị duy ý chí của họ, và phần nào chịu đặt lại một số vấn đề.

Năm 1986, đại hội của đảng cộng sản chủ trương “ đổi mới ”. Nhưng cũng phải đợi đến năm 1989 miền Bắc cũng như miền Nam mới cảm nhận được biến cố này (chủ yếu là về kinh tế). Đồng thời, số người tị nạn giảm hẳn đi, trừ những người chọn hướng Hồng Kông, và từ nay rất ít người trong bọn họ được xem như là những người tị nạn chính trị. Bởi vì tại các nước định cư, người ta thấy nhan nhản những người tị nạn chính trị giả hiệu nhưng phe phẩy thì chính hiệu. Cùng lúc đó ở Việt Nam quyền tự do đi lại được thừa nhận, việc cưỡng ép ca ngợi chủ nghĩa Mác Lênin được thay thế một cách kín đáo bằng những cấm đoán chỉ trích chế độ bằng các bản văn hoặc một cách công khai. Đối với dân Việt Nam, sự thay đổi này không phải là nhỏ.

Cũng như ở Thái Lan, nơi mà mọi chỉ trích công khai hoàng gia bị buộc tội “ khi quân ” thì ở Việt Nam cũng có cái tội “ khi đảng ” cái đó ai ai cũng rõ, nhưng sự kiện này, chẳng mấy may cấm kỵ các dân làm ăn lớn có thể thực hiện được những mối béo bở miễn là họ phải biết giữ miệng giữ mồm. So sánh Việt Nam với Thái Lan không phải là một việc ngẫu nhiên. Tuy chế độ độc đảng ở Việt Nam lại giống chế độ chính

trị “ vai u thịt bắp ” của một vài nước châu Phi hơn, thế nhưng người ta vẫn cứ hướng về Thái Lan để theo dõi. Điều này là nguồn vui lớn của chính phủ Việt Nam và... của các nhà kinh doanh du lịch. Từ hai ba năm nay, Việt Nam không phải là một quái vật bị tẩy chay nữa mà trái lại là một xứ mà người ta đua đòi viếng thăm.

Ba cuốn phim trên màn ảnh lớn của Pháp quay tại Việt Nam đã ra mắt vào năm 1992 là một hỗ trợ lớn cho khuynh hướng du lịch này. Nay, thì thật rất thường khi nghe một người quen kể chuyện viếng thăm (hay sắp đi thăm) Việt Nam. Thật thế, tầng lớp nào trong xã hội Pháp mà chưa đi thăm Việt Nam : từ các chủ nhà băng, những người ưa săn bắn, các ký giả, các tay giang hồ, các cựu chiến binh Đông Dương, kỹ nghệ gia, sinh viên, đại diện thương mại, các bà mệnh phụ chuyên hoạt động từ thiện, danh ca, giáo sư, các ông cựu thực dân, điện ảnh gia, các nhà truyền giáo, Công giáo hoặc Tin lành, những người lái mô tô lớn, các nhà hoạt động nhân đạo, văn sĩ, công chức cao cấp, các bác lái rượu, các cụ hưu trí, các nhà trí thức, các bác phó thường dân, những người sống bằng lợi nhuận hàng năm, người nào việc nấy đã nhảy vào Việt Nam. Đó là chưa kể đến những du khách bị ám ảnh về nhục dục, vì bệnh sida càng lúc họ càng chạy trốn Thái Lan để đổ xô vào Việt Nam, nơi mà da thịt vẫn còn tươi mát và chưa bị lây lan... Ta cũng chưa kể đến các chính trị gia mọi đảng phái, từ tổng thống và quý khách của ngài, tất nhiên là có các ông bộ trưởng, quốc vụ khanh — một trong những quốc vụ khanh này, vào năm 1981 đã ngăn cản việc cứu giúp những người còn ở lại Việt Nam..., mới đây ông lại khuyến khích các nghiệp chủ Pháp hãy đổ sang Việt Nam bằng cách nói rằng : “ ở Việt Nam người ta hít thở không khí Pháp ”, ông quên thêm vào là ở đây họ nói... tiếng Anh.

Ngày nay Việt Nam là một món thời thượng, một cái *mốt*, một “ *chân trời mới* ” của các hãng du lịch, đó cũng là lẽ thường vì Việt Nam là một lãnh thổ được mở cửa sau cùng. “ Đặc điểm của cái *mốt* chính là nó nhanh chóng lạc điệu ”, Jean Cocteau đã nói đại ý như vậy. Bãi biển, nắng, tính dục, vịnh Hạ Long, lợi nhuận nhanh chóng, tất cả cái đó cũng chỉ có một thời. Huyền thoại một Việt Nam dâng hiến cho những du khách và những người viếng thăm vô tư vô lự, không màn tới người dân Việt Nam (đối với họ, dân Việt chẳng là anh hùng mà cũng chẳng là con bệnh dịch hạch, dân tộc Việt Nam chẳng còn tồn tại nữa, nếu còn chẳng thì chỉ là những kẻ phục vụ cho những nhóm ngoại quốc vãng lai) huyền thoại này rồi đến lượt cũng bị vỡ tan.

Ngày ấy, còn lại là những vấn đề thực chất. Những vấn đề đã đặt ra rồi, song các công ty du lịch muốn lờ đi, để khỏi phải làm nản lòng khách hàng của họ, đó là : từ ngày có cái cách kinh tế, sự cách biệt ngày càng trầm trọng giữa người giàu và người nghèo, nạn phá rừng khủng khiếp, các nhà trí thức bị canh chừng, hàng chục ngàn trẻ em bụi đường, các cô gái mại dâm đứng đường còn đông hơn thế, những người bị tù tội vì muốn phơi bày tư tưởng của mình được trả tự do nhỏ giọt, dân số tăng nhanh một cách đáng ngại, tế bào gia đình bị tan vỡ, quyền lập hội bị kiểm chế chặt chẽ...

Khi huyền thoại sụp đổ, lúc bấy giờ sẽ còn lại cho người Việt Nam bề bộn công việc phải làm. Và cũng có lẽ, đến lúc đó, người Việt Nam mới may mắn được người ta nhìn và phê phán khác đi, không thông qua lăng kính của những cách nhìn đăm mê.

Phan Tam Khê phỏng dịch

Tác giả bài này là nhà văn, từ nhiều năm nay hoạt động trong những tổ chức phi chính quyền giúp Việt Nam. Bài này ông viết và gửi *Diễn Đàn* trước khi tham gia đoàn của tổng thống Mitterrand đi thăm nước ta. Tựa đề nguyên tác tiếng Pháp của bài này là một sự chơi chữ, VIETNAM : LE MYTHE ERRANT, đọc lên nghe như gọi tên tổng thống Pháp, tất nhiên không thể dịch hết ý. Độc giả có thể tìm đọc nguyên tác trong *Diễn Đàn Forum* số 6, sẽ phát hành trung tuần tháng 4.1993.

Một tháng ở BẮC KINH

VŨ QUANG

Trung Quốc và nền văn hoá Trung Hoa không phải là điều lạ lẫm đối với tôi và có thể nói là đối với hầu hết người Việt Nam, mặc dù chưa sang đó bao giờ. Ít có ai không đọc qua hoặc nghe qua một vài mẩu chuyện về Trung Quốc. Dù không biết gì về đất nước ấy, chúng ta cũng đã sống với nền văn minh Trung Hoa mà ông cha ta đã vay mượn và vẫn còn tiếp tục vay mượn. Những từ “ hải quan”, “ chính phủ”, “ lãnh đạo”, “ xuất nhập khẩu”, “ thống kê” đều là những từ mà cả hai nước sử dụng. Và vì hai chữ “ thống kê” mà tôi được dịp sang Trung Quốc.

Trước khi máy bay hạ cánh, tôi được phát một tờ giấy nhập cảnh và một tờ khai hải quan, cả hai tờ đều ngắn gọn. Tờ khai hải quan cũng hỏi những câu tương tự như Việt Nam, liệt kê những vật phẩm đem vào như máy ảnh, video camera, tài liệu in ấn... Tôi ngạc nhiên về chữ *tài liệu in ấn*, hỏi cô chiêu đãi viên về những gì phải ghi. Cô ta cười, bảo chẳng cần ghi gì cả. Xong phi trường, qua hải quan, đóng dấu thị thực, chẳng ai khám hỏi. Mười phút sau tôi đã ra khỏi phi trường. Thật khó diễn tả điều kiện phi trường Bắc Kinh. Nó thua xa vẻ sang trọng của phi trường các nước phương Tây, Thái Lan, Mã Lai nhưng không lùi xùi để màng nhện chằng cả lên trần như phi trường Hà Nội và không lộn xộn như chợ trời ở phi trường thành phố Hồ Chí Minh.

Trời mùa đông, không tuyết, cây cỏ hai bên đường trơ trụi, làm lộ ra những vùng đất nâu xám. Trên đường, thỉnh thoảng có người trong lớp áo lạnh dày, gò lưng đạp xe đạp hoặc có những con ngựa nhỏ thó kéo xe. Tôi nhận ra rằng, mình đang đến một đất nước vĩ đại về văn hoá, về tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng tình hình phát triển chung cũng chỉ hơn đất nước Việt Nam một chút ít. Họ vẫn còn phải còng lưng trên xe đạp để làm một bước tiến nhảy vọt.

Ngoài những khu phố cổ, hầu hết những con đường ở Bắc Kinh đều rộng lớn. Những đại lộ này có từ bốn đến tám làn đường dành cho xe hơi chạy. Hai bên đường có làn riêng dành cho xe đạp và các loại xe thô sơ khác. Ngoài ra đường nào cũng có lề đường hai bên rộng lớn dành cho người đi bộ. Nếu vào mùa xuân, tôi chắc Bắc Kinh sẽ đẹp lên nhiều với bốn hàng cây trồng hai bên đường. Dọc đại lộ là hàng hàng lớp lớp nhà cao tầng dành cho cán bộ, công nhân dựng lên như những hộp quẹt, không kiểu cách, không đom đống, đại loại giống nhau. Nó vừa chứng tỏ tính tổ chức và khả năng thiết kế đô

thị của xã hội Trung Quốc, vừa làm mất đi rất nhiều tính đa dạng trong kiến trúc và đời sống. Nó không có không khí ồn ào, sôi động, đầy màu sắc như ta thường thấy trong xã hội Á châu khác.

Tôi mê đạp xe trên những đại lộ Bắc Kinh, dù có những ngày nhiệt độ dưới 0°C, cũng như tôi mê đạp xe trên những con đường Hà Nội, để có được cái nhìn rõ ràng hơn về đời sống của người dân. Nhưng có một cái mà Bắc Kinh không có như ở Hà Nội, đó là những tiệm café. Có những lúc trời lạnh quá, muốn tạm dừng để uống một ly café, ngay cả một ly trà nóng cũng không có. Họ chỉ có tiệm ăn. Trong tiệm ăn ít khi thấy họ rót nước trà mời khách. Còn café thì chỉ kiếm được ở những khách sạn dành cho người ngoại quốc. Tôi tự hỏi tại sao café Việt Nam hiện đang xuống giá vẫn chưa lọt vào được thị trường Trung Quốc, trong khi café loại uống liền nhập từ Hồng Kông đang được coi là hàng cao cấp. Thành phố yên tĩnh hơn vì không có xe gắn máy. Nhà nước hạn chế xe gắn máy nên hiếm thấy loại xe này trên đường phố. Đi lại ở Bắc Kinh tương đối dễ dàng. Bạn có thể đi xe buýt, xe đạp, xe điện ngầm hoặc taxi. Taxi thì đầy rẫy đường phố. Bạn không cần mặc cả vì xe chạy bằng đồng hồ. Cái khó khăn lớn nhất cho du khách là hầu hết các cửa tiệm không có người biết nói tiếng Anh, không dùng *credit card* (thẻ tín dụng).

Tôi đã đến thăm những căn hộ dành cho cán bộ trên những cao ốc năm, mười tầng. Những căn hộ này cho tôi cùng một cảm giác khi đến thăm các căn hộ tập thể ở Hà Nội, dù rằng những căn hộ Bắc Kinh xây dựng chắc chắn hơn, bề ngoài đẹp đẽ hơn. Cũng một tình trạng xuống cấp, cần bảo trì. Cũng những nhà vệ sinh tập thể, dành cho cả tầng. Ở nơi khá hơn thì hai, ba hộ có chung một nhà vệ sinh. Anh bạn mới quen của tôi lấy vợ không phải người Bắc Kinh, vợ anh vẫn chưa có hộ khẩu trong thành phố. Vì không có hộ khẩu, chị không kiếm được việc làm trong cơ quan nhà nước. Và vì không có việc làm, cơ quan chỉ cấp cho anh một phòng, đáng lẽ ở chức vụ của anh sau bốn năm làm việc, anh ta có quyền có hai phòng khoảng 28 mét vuông. Thế là hai vợ chồng và một đứa con phải ở một căn phòng 18 m². Dĩ nhiên anh ta đang chạy đông chạy tây để giải quyết tình hình chỗ ở. Con anh hiện nay đã 3 tuổi. Một cán bộ khác, con một vị thứ trưởng, vừa được cấp 2 phòng, lại được bố cho thêm một căn hộ sang trọng hơn. Những người lãnh đạo tương đối lớn như vậy thường có nhiều căn hộ, có nhà nghỉ và có thể chuyển quyền thừa kế sử dụng cho con cái.

Lương cán bộ nhà nước rất thấp. Với một cán bộ có bằng cao học (ta thường gọi là phó tiến sĩ), lương tháng chỉ có 200 *nhân dân tệ* (33 USD). Cấp vụ trưởng, giáo sư hưởng khoảng 300 *nhân dân tệ* (50 USD). Hàng tháng cơ quan nào khá giả, đặc biệt là ở các tỉnh giàu, cũng có trợ cấp thêm hàng hoá theo giá rẻ cho nhân viên của mình, tăng thêm cho đồng lương vài chục *nhân dân tệ*. Nói chung lương dù gấp đôi cán bộ nhà nước Việt Nam, cũng chỉ bằng một nửa lương tối thiểu cho một lao động cơ bắp ở Thái Lan. Nhưng khác với cán bộ Việt Nam, ít ai có việc làm phụ, chân ngoài dài hơn chân trong. Cũng vì đồng lương quá thấp và vì nhà cửa đã có nhà nước chăm lo mà người cán bộ, công nhân không bao giờ đủ tiền nghĩ đến bảo dưỡng, nâng cấp chỗ ở của mình. Nhà nước

Trung Quốc đã tính đến việc tư hữu hoá nhà cửa, tăng lương nhưng việc thực hiện sẽ không dễ dàng. Ý nghĩ của nhiều cán bộ hiện nay là tìm cơ hội tham gia các chuyển tham quan nước ngoài để có thêm thu nhập hoặc tìm cách bỏ cơ chế nhà nước ra làm cho tư nhân để có được số lương gấp bốn, năm lần. Nhưng muốn ra cũng phải có giấy phép của cơ quan mình đang làm. Đi nước ngoài thì phải đóng lại thu nhập cho nhà nước 50 %.

Hàng quán, cửa tiệm Trung Quốc đầy rẫy hàng hoá. Quần áo, đặc biệt là quần áo lạnh và giày dép chất lượng khá cao. Những hàng hoá đem xuất khẩu cũng được bày bán với giá tương đối cao. Hàng hoá nhập, cao cấp, giá một cái áo 50-100 USD cũng không thiếu. Nhìn qua một cửa tiệm Trung Quốc và một cửa tiệm ở thành phố Hồ Chí Minh, về mọi phương diện, ta thấy họ hơn hẳn, từ cách trình bày sang trọng hơn, chất lượng hàng hoá cao hơn, mặt hàng phong phú hơn. Hầu hết cửa hàng thuộc nhà nước, hoặc có thể là đại lý của các công ty quốc doanh, hoặc là cửa hàng hợp tác xã. Công nhân và giám đốc ở các xí nghiệp, cửa hàng tập thể, hoặc địa phương ngoài việc được trả lương còn được ăn chia tiền lời. Giám đốc có thể được tới 3 % lợi nhuận, có quyền thuê và sa thải nhân viên, ngược lại họ cũng bị kiểm soát chặt chẽ bởi công đoàn và đảng uỷ. Tôi có hỏi một cửa hàng đại lý và được biết là họ thuê mặt bằng của cơ quan làm chủ cao ốc, sử dụng một phần, phần thừa đem cho tư nhân thuê. Với chính sách khoán sản phẩm, các xí nghiệp *huang trấn* ở các thị trấn nông thôn đặc biệt phát triển rất nhanh trong hơn 10 năm qua. Năm vừa qua, ngay cả khu vực Đông Bắc là khu vực nhiều năm phát triển chậm so với khu vực Đông Nam, tốc độ phát triển xí nghiệp *huang trấn* cũng lên tới hơn 30 %. Họ làm ăn có lãi, có đóng thuế cho nhà nước. Ngược lại, các xí nghiệp quốc doanh tiếp tục thua lỗ, tỉ số xí nghiệp cần được nhà nước bù lỗ lên tới 40 %. Tình hình xí nghiệp quốc doanh Trung Quốc cũng chẳng khác gì Việt Nam. Khu vực tập thể phản ánh qua các xí nghiệp *huang trấn* của họ phát triển trong khi ở Việt Nam, các xí nghiệp tập thể hay hợp tác xã đang tan rã hoặc chỉ còn lại cái vỏ tập thể nhưng cái ruột là tư nhân. Mức tư nhân hoá ở Việt Nam, thông qua các hoạt động sản xuất gia đình, có lẽ sẽ nhanh chóng hơn ở Trung Quốc. Nhưng Việt Nam có lẽ sẽ phải trả giá cao cho điều này : nạn thất nghiệp sẽ cao hơn, số người nghèo khổ sẽ lớn hơn, giáo dục, y tế sẽ xuống cấp nhanh hơn, số trẻ em thất học sẽ tăng nhanh hơn vì không còn mạng lưới che chắn của khu vực tập thể như xã hội Trung Quốc. Khu vực tập thể của họ phát triển nhanh, vì luật pháp cho phép ba năm đầu khỏi bị đóng thuế. Hết ba năm, họ đổi tên mới, đăng ký lại, tiếp tục hưởng chính sách ưu đãi về thuế. Ở Việt Nam, xí nghiệp tập thể và quốc doanh đóng thuế tới 50 % lợi tức, cho nên lụn bại. Kinh tế gia đình phát triển vì chỉ chịu thuế doanh thu từ 1-2 %.

Năm 1992, kinh tế Trung Quốc phát triển với tốc độ 12 %, đạt kỷ lục thế giới, xuất khẩu gần 81 tỷ USD, đứng hàng 11 thế giới. So với Việt Nam, xuất khẩu bình quân đầu người ở Trung Quốc đạt gấp đôi, khoảng 73 USD. Thu nhập đầu người (GDP) là 350 USD so với Việt Nam khoảng 200 USD. Mức sống của họ tuy vậy chỉ hơn khoảng 50 % vì giá cả đắt đỏ hơn đến 20 %. Hiện nay tình hình phát triển kinh tế đang ở độ " nóng " như thời kỳ trước sự kiện Thiên An

Môn. Tháng giêng đầu năm, mức bán lẻ tăng 23 % so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoại thương tăng 30 %. Tiền phát hành tăng 39 %. Ở một số thành phố ở phía nam, tốc độ lạm phát đã tăng tới 14 %. Đang có những lời kêu gọi kiềm hãm phát hành tiền.

Sau Đại hội Đảng năm vừa qua, Trung Quốc lần đầu tiên đã chính thức dùng từ ngữ " kinh tế thị trường ", sửa soạn tiến hành cải cách giá, một điều mà Việt Nam đã thực hiện từ năm 1989. Giá lúa gạo, lúa mì, điện, than, dầu lửa, chuyên chở và nhiều mặt hàng khác hiện nay vẫn do nhà nước quyết định. Trung Quốc cũng sửa soạn tiến hành cải tổ khu vực quốc doanh bằng cách bán cổ phiếu, mở rộng đầu tư nước ngoài vào mọi lãnh vực, kể cả dầu khí ở những vùng nội địa. Năm vừa qua, đầu tư nước ngoài đạt 11 tỷ, một con số đáng kể, nhưng tính bình quân đầu người vẫn còn thấp hơn mức đầu tư của ngoại quốc vào Việt Nam. Cạnh tranh lôi kéo đầu tư nước ngoài tại khu vực Á Châu sẽ ngày càng mãnh liệt, đặc biệt là với chính sách mở rộng hợp tác của Trung Quốc mới được công bố, và tình hình khủng hoảng kinh tế ở Âu Châu và ở Nhật. Tình hình nông thôn ở Trung Quốc hiện đả chân tại chỗ, số người thất nghiệp kéo ra thành phố, đặc biệt là về phía Nam ngày càng đông, có thể tạo ra vấn nạn xã hội ở đô thị. Trung Quốc vì vậy đang chuẩn bị cải tổ nông nghiệp, mở rộng quyền tự chọn giống cây, thay thế cây giá trị thấp bằng các loại có giá trị cao dù năng suất thấp, mượn tiền Ngân hàng Thế giới để đầu tư vào các nhà kho, máy móc bảo dưỡng nhằm nâng cấp nông sản, và dĩ nhiên là phải mở rộng công nghiệp để thu hút số thất nghiệp ở nông thôn. Tôi nghe nói, Đặng Tiểu Bình tuyên bố trong nội bộ là nơi có khả năng nổ ra phong trào chống đối trong tương lai sẽ không phải là từ trí thức mà là từ nông dân, nếu như nhà nước không có chính sách đúng đắn nâng cao mức sống của họ.

Nhiều trí thức Trung Quốc hiểu được rằng khu vực Đông Nam Á có đời sống cao hơn họ rất nhiều, đặc biệt là ở Đài Loan. Cũng là người Trung Hoa, họ cảm thấy hổ thẹn vì đi quá chậm. Những phát biểu mà tôi thường nghe thấy là họ ủng hộ chính sách phát triển kinh tế hiện nay của Đặng Tiểu Bình. Họ muốn dân chủ, nhưng không muốn đi quá trớn như phong trào sinh viên trong vụ Thiên An Môn. Họ cũng không đồng ý với chính sách đàn áp quá trớn của chính quyền. Tôi đã đến thăm Đại học Bắc Kinh, nơi xuất phát của phong trào mùa xuân 1989 và các phong trào đấu tranh khác trong quá khứ. Trường yên tĩnh, trải rộng trên một khu vực rộng lớn, giống như các khu viên đại học lớn ở Mỹ, gồm những ngôi nhà xây dựng với dáng dấp kiến trúc cổ điển Trung Quốc. Tô điểm cho trường là một công viên rộng lớn, một hồ nước lớn và một tháp cổ nhiều tầng. Vào thăm trường hiện nay không phải là điều dễ dàng. Tại mỗi cổng vào đều có bảo vệ nghiêm ngặt, xét giấy tờ, ngăn cản phóng viên nước ngoài. Tôi nhìn vào những khuôn mặt trẻ, tương lai của đất nước Trung Quốc. Tôi nghĩ, cũng như trí thức Việt Nam, họ nghĩ về tương lai đất nước, về phát triển kinh tế, về mở rộng dân chủ, bảo vệ nhân quyền, nâng cao mức sống nhân dân nhưng đồng thời không tạo ra những cuộc nội chiến không cần thiết.

VŨ QUANG

22. 3.1993

Chân dung một chế độ

Đa số người Việt, kể cả người cộng sản, muốn đấu tranh cho tự do, dân chủ. Đối tượng của họ là ai ? Ở Việt nam ngày nay, phe nào, gồm những ai, nắm chính quyền, và nắm tới mức nào ? Ngay người cộng sản cũng không biết được !

Chế độ Việt Nam thuộc loại chế độ toàn trị (*totalitarisme*, theo định nghĩa của Hannah Arendt) chưa hoàn chỉnh. Quá trình hình thành chế độ toàn trị do các đảng cộng sản tiến hành có mấy đặc điểm phổ biến :

1. Thủ tiêu, vô hiệu hoá tất cả các lãnh tụ có tầm vóc, tên tuổi, uy tín của đảng.
2. Thủ tiêu, khai trừ, vô hiệu hoá đảng viên có lý tưởng, có ý thức trách nhiệm, bằng hai biện pháp cơ bản : thanh lọc, và kết nạp ò ạt đảng viên mới, lấy thịt đè người.
3. Vô hiệu hoá Nhà nước, các tổ chức quần chúng, dùng chúng làm cây kiềng, bình phong cho đảng.
4. Vô hiệu hoá bản thân đảng, dùng đảng làm bình phong cho ban chấp hành trung ương.
5. Vô hiệu hoá ban chấp hành trung ương, dùng nó làm bình phong cho bộ chính trị.
6. Vô hiệu hoá bộ chính trị, dùng nó làm bình phong cho tổng bí thư, ban bí thư, ban tổ chức trung ương.
7. Dùng công an kiểm soát, kiểm chế tất cả các tổ chức mặt tiền cũng như nội bộ đảng, ở mọi lớp vỏ, mọi cấp bậc.
8. Phân tán bản thân công an thành nhiều guồng máy, đan chéo nhau, khiến ngay cả thủ trưởng công an cũng không nắm được toàn bộ guồng máy này.

Khi nó hoàn chỉnh, cái " thể chế " lạ lùng này có một đặc điểm hoàn toàn mới lạ, khó hiểu : bất cứ ai, ở bất cứ cương vị nào, kể cả thủ trưởng công an, bất cứ lúc nào, cũng có thể bị loại trừ mà không tài nào đoán được vì sao và quyết định cuối cùng do ai !

Phương pháp, những bước đường thực hiện quá trình này có thể khác nhau. Bước đầu của nó, bước khó khăn nhất, là loại trừ đảng viên thời dựng đảng, thường là người đi tới chủ nghĩa cộng sản vì lý tưởng, vì ý thức trách nhiệm.

Năm 1945, đảng cộng sản Việt Nam có khoảng 5000 đảng viên, trong đó có khoảng 1800 năm tù. Đảng ấy có tính chất tiên phong rõ rệt. Từ đó tới 1953, đảng ấy phát triển trong lò thử thách của kháng chiến chống Pháp. Theo tài liệu của đảng cộng sản Việt Nam, lúc đó có 740.000 đảng viên. Tình hình Việt Nam lúc đó khá đặc biệt. Lực lượng duy nhất đáng kể, có

tổ chức, là đảng Lao động. Nhưng chính quyền quốc gia lại nặng tính chất mặt trận dân tộc. Những người như ông Lê Đức Thọ, thậm chí ông Trường Chinh, không có vai trò, quyền hành lớn trong chính quyền. Lúc đó, " vai trò lãnh đạo của đảng " không là một nguyên tắc của chính quyền.

Năm 1953, cuộc thanh lọc bắt đầu, đẫm máu : cải cách ruộng đất, rồi chỉnh đảng. Tài liệu về sự kiện này còn hiếm hoi, nhưng cũng đủ để xác nhận : bộ máy điều khiển cải cách ruộng đất đã giết 11.000 đảng viên, khai trừ, cách chức một số (không khẳng định được) đảng viên, đoàn viên, cán bộ... và thay vào đó một lớp người nhờ vả nó mà có quyền lực, thậm chí có tư duy " mới " ! Theo " thống kê " của ban cải cách ruộng đất, 40 % đảng viên, cán bộ, thuộc thành phần phản động, là người của địch gài vào tổ chức ! Tỷ lệ khôi hài đó tiết lộ quy mô của cuộc thanh trừng nội bộ đảng. Không biết, sau cải cách ruộng đất, trong đảng còn lại được bao nhiêu người đã gia nhập đảng trên cơ sở ý thức cách mạng của cá nhân mình mà còn được trọng dụng, tin cậy ? Song song với cuộc thanh trừng này, đã hình thành một bộ máy quyền hành tập trung vào ban tổ chức trung ương ? Bộ máy ấy đã làm bàn đạp cho các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ củng cố quyền lực năm 1960 ? Điều chắc chắn là từ đó : a/ quyền lực nhà nước đặt dưới quyền lực của đảng, b/ các lãnh tụ lịch sử như Hồ Chí Minh, Phạm văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, và ngay cả Trường Chinh, ngày càng bất lực. Một thủ tướng, đồng thời là ủy viên bộ chính trị, mà không có quyền bổ nhiệm bộ trưởng của mình nghĩa là gì ? Nghĩa là, đơn giản, ông không thực sự nắm chính quyền. Một đại tướng, đồng thời là bộ trưởng bộ quốc phòng và ủy viên bộ chính trị, lúc điều quân, chỉ còn là một ủy viên bình thường của Quân ủy trung ương là thế nào ? Là không còn quyền điều khiển quân đội nữa.

Có lẽ nếu chiến tranh Việt Nam chấm dứt năm 1954 bằng sự toàn thắng thì chế độ Việt Nam đã mau chóng đi vào khuôn mẫu Staline, và người nắm quyền lực duy nhất còn lại có lẽ là ông Lê Đức Thọ. Nhưng chiến tranh, tuy thuận lợi cho sự hình thành chế độ toàn trị, cũng tạo điều kiện củng cố lại nó. Trong chiến tranh, nhất là một cuộc chiến tàn bạo, dai dẳng như chiến tranh Việt Nam, nắm một guồng máy vô danh không đủ để tồn tại, hướng chi là chiến thắng. Nếu chỉ cần bấy nhiêu, phương tiện kỹ thuật, trình độ tổ chức của Mỹ đã thắng từ lâu. Cứ coi chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Vịnh cũng đủ thấy. Chiến tranh là một loại quan hệ giữa người với người. Chiến thắng đòi hỏi ý chí chiến đấu và tổ chức, ý chí của những con người có tổ chức, tổ chức của những con người có ý chí chiến đấu tới cùng. Trong chiến tranh, lý tưởng cộng sản của đảng viên, đoàn viên, lòng yêu nước của quần chúng, quân đội... là điều kiện tồn tại của bản thân cái guồng máy hình thành qua cải cách ruộng đất. Ông Lê Đức Thọ giỏi nắm guồng máy, nhưng chưa hề có tác phẩm lý luận đáng kể, chưa hề sáng tạo một khẩu hiệu chính trị có sức lôi cuốn quần chúng. Ông Lê Duẩn, ngược lại, là một trong những lãnh tụ cộng sản viết lách nhiều nhất, tạo ra một số luận điểm, lý thuyết, khẩu hiệu có thể dùng để củng cố niềm tin và cổ vũ quần chúng. Hai người này bổ sung cho nhau.

Phải tới năm 1975, trong hoà bình, quá trình " xây dựng " chế độ toàn trị mới phát triển hết mình theo lôgic riêng của nó, dẫn tới sự vô hiệu hoá hoàn toàn Nhà nước, đảng và đảng

viên. Các lãnh tụ lịch sử lần lượt về hưu. Các tổ chức quần chúng bị tê liệt hoá, biến thành cây kiểng, bình phong. Các cấp chính quyền, quân đội, đảng, ở ạt đôi tay, ngày càng lệ thuộc một bộ máy duy nhất : công an. Trước khi ông Lê Đức Thọ chết, lãnh tụ số hai của đảng là một ông... Nguyễn Thanh Bình, không ai biết là ai ! Một con người của bóng tối ! Trong thời gian này đảng cộng sản mở hai đợt kết nạp đảng viên, và nhiều cuộc thanh lọc ráo riết. Ở Việt Nam, có chuyện tiêu lâm : mỗi lần đảng kết nạp đảng viên, xã hội sạch sẽ thêm một tí. Đủ thấy dân đen tinh mắt.

Ngày nay, tìm hiểu ai thực sự nắm quyền ở Việt Nam thật không phải chuyện dễ. Đảng sau các lớp bình phong, kể cả bộ chính trị, ai nắm những gì ? Cuối cùng, ai nắm công an, quân đội, và thực sự nắm tới mức nào ? Ngay người đảng viên cũng không thể biết được !

Phải chăng chế độ cộng sản là một loại chế độ tôn giáo ? Điều này đúng một phần, phần ngoài mặt. Về lý thuyết, nó dùng một thần linh (Lịch sử) làm nền tảng cho quyền lực. Nhưng mọi thể chế tôn giáo đều dựa vào hai yếu tố : a/ lòng sùng đạo của quần chúng ; b/ một tổ chức công khai, có mặt, có ngọn, có ngành. Ngay trong một chế độ như thế, quyền lực cũng có giới hạn, có ranh phận. Từ trên xuống dưới đều có chức, có phận, có tên, có quyền và trách nhiệm thực thụ. Chế độ toàn trị khác hẳn. Nó không cần lòng sùng đạo của quần chúng để tồn tại, đó chỉ là một lớp sơn chằng mấy ai chú ý, nhất là những người nắm quyền lực.

Phải chăng chế độ hiện hành ở Việt Nam là chế độ công an trị ? Điều đó hiển nhiên, nhưng cũng chỉ đúng một phần. Nó che lấp tính đặc thù của chế độ. Trong một chế độ công an trị, tổ chức công an, tuy bí mật, vẫn là một hệ thống thông suốt, dưới quyền chỉ huy của một thủ lĩnh. Mặt tiền của nó trung thực với thực thể của nó. Đánh gục đầu não của nó, nó sẽ tan rã. Chánh quyền ông Diệm, ông Nhu, đoạn cuối, mang tính chất ấy. Chế độ toàn trị mang tính chất khác : một Beria¹ quyền bính đến thế, chỉ cần hai lính quèn cũng đủ bắt và loại. Nhưng toàn bộ hệ thống quyền lực lại không sứt mẻ, ngay Khroutchev cũng phải phục tùng. Chế độ toàn trị là một loại chế độ công an trị vô danh.

Vậy chế độ hiện hành ở Việt Nam là chế độ toàn trị ? Cũng lại chỉ đúng một phần. Từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, nó đều có điểm giống và điểm khác cơ bản với Liên xô thời Staline. Thường dân tỏ ra nhậy bén hơn chính khách và các nhà lý luận chính trị khi định nghĩa nó : mafia đa vàng. Trong tư cách ấy, quyền lực của những người thực sự nắm quyền ở Việt Nam hôm nay không thuộc loại quyền lực chính trị. Nó là quyền lực vô danh của mafia.

Quyền lực chính trị, chính quyền, là một hình thái quan hệ cộng đồng công khai giữa người với người. Nó hình thành khi con người cùng hành động trong không gian công cộng. Qua quá trình ấy, con người tạo và trao quyền lực cho nhau, ở nhiều mức độ, bằng nhiều phương pháp, qua nhiều hình thức khác nhau. Bất kể phương pháp, hình thức nào hình thành ra nó, chính quyền luôn luôn mang tính chất công khai. Nó có

mặt tiền khớp với thực thể của nó. Vì thực thể ấy thể hiện quan hệ cộng đồng giữa con người, nó có một tính đặc thù : nó chỉ tồn tại hữu hiệu khi con người tin tưởng vào nó. Người nắm chính quyền thực sự có quyền lực khi chế độ chính trị thể hiện luật chơi được một cộng đồng dân tộc chấp nhận, bảo vệ, nuôi dưỡng. Nói thế nghĩa là : văn hóa là nền tảng cuối cùng của mọi thể chế chính trị. Điều này không có nghĩa chế độ chính trị có thể độc lập hoàn toàn với nền tảng kinh tế. Nhưng, trên cùng một nền tảng kinh tế, con người có thể sáng tạo nhiều chế độ chính trị khác nhau, có khi một cách rất cơ bản, thí dụ như nền dân chủ Athènes xây dựng trên cơ sở kinh tế nô lệ ! Tiềm năng sáng tạo ấy nằm trong văn hoá của các cộng đồng người.

Quyền lực của mafia đương nhiên cũng là một hình thái quan hệ giữa người với người. Nhưng nó không thuộc loại quyền lực chính trị. Nó thuộc loại quyền lực của rừng già. Nó hình thành qua sự cấu kết trong bóng tối của những kẻ vô danh, sử dụng bạo lực dưới dạng khủng bố để hà hiếp, trấn áp đồng loại. Vì nó thuộc loại quan hệ rừng già, nó không cần, không muốn, không thể thể chế hoá được, nó không thể có mặt tiền trung thực với thực thể của nó. Nó phải núp sau những bình phong bất lực như đảng, Nhà nước, tổ chức quần chúng. Chính nó lập ra những bình phong bất lực ấy. Chính nó tổ chức những đại hội đảng, bố trí thành phần ban chấp hành trung ương, bộ chính trị, ban bí thư, ban tổ chức trung ương. Chính nó đặt ra những nguyên tắc sinh hoạt và hành động khiến không ai tài nào biết được ai thực sự trách nhiệm cái gì trong đảng. Xuyên qua đảng, nó giựt giây Nhà nước, tổ chức quần chúng. Người ta sợ nó như con thú sợ rừng già : nó không có mặt, không có tên. Sự sợ hãi của thời nguyên thủy ấy chính là điều kiện tồn tại của quyền lực mafia. Khủng bố ngầm là vũ khí cơ bản nhất của nó. Vì thế, ngay trong thế mạnh, nó vẫn ngại phải dùng tới toà án, ngại lộ diện. Điều kiện tồn tại cơ bản nhất của nó là bóng tối. Lôi được nó ra ánh sáng, bắt nó hiện nguyên hình, là mở màn khai trừ nó. Không phải tình cờ mà chính sách đã dẫn nó tới sự tiêu vong mang tên Glasnost ! Không phải tình cờ mà nó suy thoái nhanh khi nó buộc phải lộ mặt mới hành động được. Không phải tình cờ mà trong chính sách đổi mới của đảng cộng sản Việt Nam, điều khó đổi mới nhất là công khai hoá quyền lực, là nói thẳng, nói thực.

Ngày nào quyền lực kiểu mafia chi phối được toàn bộ xã hội, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, trong bất cứ lĩnh vực sinh hoạt nào, ngày đó hình thành chế độ toàn trị. Ngày đó nó có thể cử bất cứ ai, càng ít bản lĩnh càng tốt, vào các cơ quan bình phong của nó, kể cả bộ chính trị. Khi " đại diện " khốn khổ của nó phải công khai đảo chính Gorbatchev, mọi người ngỡ ngàng chứng kiến một mở anh nhợt nhạt, nháo nhác như thầy ma : họ đã phải lộ mặt dưới ánh đèn.

Quá trình hình thành chế độ hiện hữu ở Việt Nam phát triển trong hoàn cảnh phức tạp, có nhiều yếu tố thuận và nghịch khuynh hướng hình thành quyền lực kiểu mafia. Yếu tố thuận lợi đầu tiên là sự khủng bố những người yêu nước của thực dân, đế quốc, đôn họ vào hoạt động bí mật. Yếu tố thuận lợi thứ hai chính là chiến tranh. Chiến tranh đòi hỏi tổ chức và kỷ luật thép. Chiến tranh cách mạng giữa một lực lượng ban đầu nghèo nàn, yếu ớt, với một đại cường quốc, đòi hỏi một tổ chức bí mật tối đa. Người chiến đấu biết vì sao mình chiến đấu, không biết ai thực sự lãnh đạo mình.

¹ Người phụ trách bộ máy công an dưới thời Stalin. Năm 1953, sau khi Stalin chết, Beria bị thủ tiêu.

Cường lại khuynh hướng trên, có một số sự kiện.

1. Chiến tranh cách mạng Việt Nam, đoạn hai, tiến hành trong sự tranh chấp giữa Liên xô và Trung quốc. Những nhà lãnh đạo Việt Nam phải luôn luôn chơi trò đi trên dây căng, tìm thêm đồng minh ở những phía khác. Qua quá trình này, người Việt cũng hiểu phần nào giá trị hết sức tương đối của chủ nghĩa quốc tế vô sản và tấm lòng vị tha đáng khâm ngợi của hai ông anh lớn. Khroutchev và Chu Ân Lai bắt tay nhau, ép Phạm văn Đồng ký Hiệp định Genève 1954, Khroutchev chủ trương đưa hai nước Việt Nam vào Liên Hiệp quốc, Mao Trạch Đông vừa hô hào đánh Mỹ, vừa tổ chức tiếp đón Nixon, rồi cả Liên xô và Trung quốc cùng cúp viện trợ quân sự sau 1973. Bấy nhiêu cũng đủ để người Việt thấy tính chất hết sức tương đối của các chủ nghĩa cộng sản !

2. Bản thân chiến tranh là một cản trở to lớn đối với sự hình thành, củng cố và phát triển quyền lực kiểu mafia. Chiến tranh là thử thách lớn nhất với mọi tổ chức, mọi con người. Nó đòi hỏi ý chí chiến đấu và chiến thắng của quần chúng, của quân đội, của đảng viên, đoàn viên. Chiến tranh chấm dứt khi một đối thủ bị tiêu diệt hay mất hết ý chí chiến đấu. Cái ý chí ấy, tiền, vũ khí, kỹ thuật, kỷ luật, công an đều không đủ khả năng xây dựng, duy trì. Mỹ đã thua vì, tuy dư tiền, dư vũ khí, dư kỹ thuật, dư khả năng tổ chức, nhưng lại thiếu ý chí chiến đấu của quần chúng. Đảng cộng sản đã thắng vì có ý chí ấy và có đủ người Việt Nam chia sẻ ý chí ấy. Chính vì thế, trong chiến tranh nó còn tồn tại được với tư cách một cái đảng, chưa bị guồng máy quyền lực kiểu mafia kia rút ruột, hóp hờn : nó là bia đỡ đạn cho guồng máy ấy.

3. Người Việt không có truyền thống cuồng tín. Kiến thức bị giới hạn của họ về thế giới hiện đại khiến họ dễ chấp nhận niềm tin của những người đứng mũi chịu sào trong cuộc chiến đấu giải phóng quê hương, mặc dù họ chẳng hiểu biết gì về chủ nghĩa mác xít. Niềm tin này nặng tình cảm, đạo đức hơn lý trí, tôn giáo. Một khi đất nước đã độc lập, thống nhất, chẳng mấy ai ham tử vì đạo.

4. Cuối cùng, quá trình hình thành chế độ Việt Nam hôm nay, sau thời chiến, khai triển lúc phe xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng toàn diện. Bản thân Liên xô và Trung quốc không đủ khả năng nuôi đỡ, dù ở mức ngặt nghèo, một nước đông dân như Việt Nam. Kinh tế Việt Nam sớm đi vào khủng hoảng, buộc đảng cầm quyền phải " đổi mới ". Quá trình hình thành chế độ toàn trị, do đó, cũng bị chững lại ở một số khâu, đặc biệt khâu kinh tế.

Hiện nay, chế độ thực của Việt Nam là hậu quả của những sự kiện hỗn độn ấy. Về kinh tế, Việt Nam đã đi vào thị trường tư bản quốc tế, đang lao vào phương thức sản xuất tư bản rừng, nặng tính mại bản, buôn người, bán nguyên liệu hơn tính sản xuất. Về quyền lực, có hai quyền lực song song. Đảng cộng sản tuy đã thủng ruột, nhưng chưa hẳn đã đứt ruột. Nó chưa thành đơn thuần một cây kiểng, một bình phong. Nó còn giữ vai trò quan trọng, mặc dù đã tê liệt khá trầm trọng. Guồng máy công an vô danh, quyền lực mafia, tuy rải rác khắp các nơi, các cấp, nhưng chưa nuốt chửng xong cả đảng lẫn quân đội, thậm chí chưa thống trị được toàn bộ guồng máy công an. Ba lực lượng có tổ chức duy nhất ở Việt Nam hôm nay là : đảng cộng sản, guồng máy công an vô danh, quân đội. Quân đội là lực lượng dễ bị lũng đoạn nhất, nhưng đồng thời

khó kiểm soát nhất, vì lính gắn bó với dân, chỉ là lính tạm thời. Dùng quân đội nhân dân khó, dùng lính nhà nghề, lính đánh thuê dễ hơn. Khuynh hướng xây dựng quân đội nhà nghề có cơ phát triển mạnh. Ba lực lượng này vừa kèn cựa với nhau, vừa đan chéo nhau. Cuộc tranh chấp sẽ dẫn tới gì ? Một chế độ đảng trị hay quân phiệt bình thường ? Một chế độ toàn trị ? Một chế độ nào khác ? Không ai tiên đoán được.

Những người mong muốn dân chủ, tự do cho đất nước, trong đó có người cộng sản chân chính, thủy chung với lý tưởng nhân đạo của mình, nhưng muốn quét sạch cái chủ nghĩa xã hội hiện thực mà họ nếm mùi đã quá thừa, cần nhận diện rõ đối thủ đích thực của mình : con bạch tuộc vô danh vô diện đang cắm vòi vào đảng, công an, quân đội, nhà nước và tài sản quốc gia.

Riêng với người cộng sản chân chính, đối thủ của họ không ở ngoài Việt Nam, không nằm trong quần chúng nhân dân, bất kể tầng lớp nào. Nó nằm ngay trong lòng đảng. Nó là cái nọc độc các đồng chí cố vấn Trung quốc đã cấy vào đảng cộng sản Việt Nam từ thời cải cách ruộng đất. Phải bứt nó đi, mới có cơ xây dựng lại một đảng lành mạnh, phục vụ lý tưởng, một thành viên bình thường của dân tộc. Hiện tượng cựu đảng cộng sản Lituanie, sau khi mất chính quyền, không còn gì hấp dẫn với giống bạch tuộc nữa, thặng cử trong một cuộc bầu cử tự do đáng để cho mọi người suy ngẫm.

Những người hô hào chống cộng một cách hồ đồ, vơ dũa cả nắm, miệt thị đồng bộ các lãnh tụ của đảng cộng sản và kháng chiến Việt Nam, toàn bộ những người cộng sản Việt Nam, không những chơi trò trùng chọi đá vô bổ, mà còn tạo cho con bạch tuộc kia điều kiện thuận lợi nhất để núp sau cái " chiến tranh " ấy mà lớn mạnh. Do đó, chính nó cũng nỗ lực tưới dầu vào ngọn lửa còn, đồng nhất tất cả người Việt ở hải ngoại với vài tổ chức " chống cộng " le que, gây căng thẳng tới đa làm hòa mù cho nó. Trong khi đó nó trịnh trọng trải thảm đỏ rước tư bản quốc tế vào kinh doanh.

Con bạch tuộc vô danh kia là đối thủ đích thực của mọi phong trào và đảng phái chính trị, bất kể chính kiến, kể cả của đảng cộng sản Việt Nam, vì quyền lực nó nhắm không thuộc loại quyền lực chính trị mà thuộc loại quyền lực mafia. Do đó, nó chỉ có thể sống và lớn mạnh trong bóng tối. Vũ khí nguy hiểm nhất đối với nó không phải súng đạn mà là ánh sáng, là nói thẳng, nói thật, nói công khai. Như Dương Thu Hương chẳng hạn. Lôi được nó ra ánh sáng, nó sẽ khắc khoải ngay. Hiện nay nó sợ nhất ánh sáng của thị trường, của thông tin, ngôn luận, văn học và nghệ thuật. Vì sao ?

Vì ăn mút giữa thanh thiên bạch nhật của thị trường tự do khó hơn bòn rút ruột gan của nhà nước, của nhân dân trong bóng đêm của " thể chế " toàn trị. Tuy vậy, dưới dạng tư sản đỏ, cấu kết với tư sản quốc tế, nó có khả năng chiếm quyền lực kinh tế. Nếu chuyện ấy thành, nó sẽ thôn tính cả đảng, quân đội, công an, nhà nước, bằng... dollars. Ngược lại, nó bất lực trước ánh sáng của thông tin, ngôn luận, văn học và nghệ thuật, vì khả năng tồn sinh của nó gắn liền với quy luật của rừng già. Nó có thể tự thích hợp với thị trường tự do, không thể tự thích nghi được với tự do thông tin, ngôn luận...

Đón Hành

USA, ngày 12.2.1993

Antony, 24.2.1993

Anh Trần Đạo,

Tôi đã đọc với nhiều thú vị bài “ *Cần nhiều không gian công cộng hơn nữa* ” của anh trên *Diễn Đàn* (số 16, tháng 2.1993). Đã có 3 bài thảo luận về “ *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa* ” của tôi (*Diễn Đàn* số 13) nhưng ba bài đó thiên về thảo luận chi tiết hơn là chủ đề. Phải đợi tới bài của anh mới có bàn tới các chủ đề chính. Tôi thích thú là vì vậy.

Khi tôi viết “ *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa* ”, tôi mong sẽ làm độc giả thành phần ưu tú ý thức được những khuyết điểm trong quá khứ của dân tộc về phương diện tư duy. Mỗi người tự giam hãm mình trong những cái hộp ý thức hệ và tín ngưỡng tiền chế, made in China, made in France, made in USA, made in CCCP...

Chúng ta như ở dưới một lớp mây mù, và lục đục với nhau ở dưới đó hoài. Do đó tôi muốn thành phần trí thức ưu tú của dân Việt Nam hải ngoại cũng như nội địa ráng nhô đầu lên cao khỏi lớp mây mù đó, để nhìn rõ quá khứ, để tìm hướng mới cho tương lai. Và một khi đã nhô đầu lên cao như thế thì gặp “ trên cao gió lộng ” bù đầu nhúc óc liền.

Mục đích chính của tôi thứ nhất là như vậy. Thứ nhì mới là làm cho chúng ta có tầm nhìn quốc tế. Chúng ta theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, thu gọn trong mảnh đất hình chữ S quá lâu rồi. Đã đến lúc nên suy nghĩ theo

kích tặc hành tinh Trái Đất, giải quyết mọi vấn đề căn bản cho Việt Nam tương lai trong liên hệ thân hữu mở rộng trên toàn cầu, liên lục địa, liên tôn giáo, xuyên ý thức hệ đủ loại.

Mục đích của tôi là như thế : tạo một ý thức mới, tầm nhìn và cách nhìn mới. Nay được anh hiểu cho, là tôi vui rồi.

Bài “ *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa* ” được xây dựng trên nhiều chủ đề, mỗi chủ đề đòi được triển khai trong một bài tiểu luận riêng. Tôi có khả năng viết những bài tiểu luận đó, nhưng một phần vì... lười, một phần vì tôi có bản chất nhà văn hơn là một tư tưởng gia (lại bị cái truyền thống ít triết gia của Việt Nam nó ám chằng). Bởi thế khi bị anh chê là : 1. khái quát hoá vội vã, 2. lập luận tùy tiện, 3. cởi mở mà vẫn loại trừ, 4. chủ trương mơ hồ, tôi chỉ cười thôi. Không giận dữ gì đâu. Giả thử bài đó của tôi được bàn cãi ở Bắc Mỹ thì e tôi sẽ lãnh một chiến dịch chụp mũ, xuyên tạc và chửi bới thậm từ liền. Nói theo kiểu anh Đặng Tiến, tôi sẽ bị đối... thọi nhiều hơn là đối thoại. Bởi thế tiện đây tôi xin gửi lời cảm ơn các thân hữu đã bỏ công trao đổi ý kiến với tôi từ trước đến nay, và về sau.

Riêng với anh, Trần Đạo, thì tôi xin nói thẳng, là tôi thích phần chót, nhất là đoạn kết luận, của bài anh hơn cả. Nhất là cách thể anh bàn về tự do.

Thân kính,
Thế Uyên

Anh Thế Uyên,

Anh đọc bài góp ý của tôi, anh không bực mình, tôi rất mừng. Tôi cũng chờ đợi điều ấy. Tính tôi cương trực, chỉ quen thảo luận với bạn. Chắc anh đã có dịp nhận xét, trong ban biên tập *Diễn Đàn*, mỗi người một phong cách, một tính tình, một lối suy luận ; trên nhiều vấn đề, có nhiều quan điểm, nhiều lập luận khác nhau ; tuy vậy, tất cả tin cậy, quý trọng nhau. Trong tình bạn, thảo luận có thể đi tới cạn lý mà không bạc tình. Chỉ thế mới đáng thảo luận. Mỗi lần tôi cạn lý, tôi hiểu tôi đã học được một điều mới, và tôi mừng điều đó đã đến với tôi trong tình bạn.

Ban chủ biên đã đưa tôi xem bài “ *Cần nhiều tự do và sáng tạo hơn nữa* ” mấy tháng trước khi *Diễn Đàn* đăng. Tôi đã đề nghị *Diễn Đàn* đăng. Có hai điều tôi tâm đắc, tôi đã ghi lại trong bài góp ý :

1. Người Việt giỏi tiếp thu kiến thức của thiên hạ, không quen chất vấn nền tảng của tư duy, lý trí, kiến thức, đạo đức, nghệ thuật... Điều này có thể giới hạn khả năng chuyển mình, tiếp thu và dân tộc hoá những tiến bộ của nhân loại để thích hợp mình với thời đại. Ta giỏi làm học trò, và ta lãnh đủ cái giá phải trả để làm học trò giỏi !

Điều này tôi nghĩ như anh (có thể vì tôi thường là học trò không giỏi trong những ngành tôi có dịp học).

2. Tôi thích giọng văn thẳng thắn, chân tình của anh.

Dương nhiên, chỉ khi có quan điểm khác nhau mới có thảo luận. Ai còn thời giờ làm chuyện mèo khen mèo dài đuôi ? Thời buổi này, giấy mực, tem, thời giờ ta có thể cho nhau, đắt quá !

Dương nhiên, bài tôi viết không có tính cách đả kích cá nhân. Món này, tôi chán lắm. Tôi thừa biết ta không thể dựa vào vài trang báo để tìm hiểu một nhà văn, một con người. Chí ít cũng phải đọc nhiều tác phẩm và, hay nhất, quen biết nhau nhiều năm tháng. Chúng ta là người cầm bút trong những tờ báo “ tâm huyết ”, số trang, số chữ có giới hạn (có lúc tôi hình dung ban chủ biên tờ báo 32 trang này như một cái kéo vĩ đại, vừa gõ, vừa cắt, vừa cần nhần : “ *Nó léo nhéo dài dòng thế này, đâu phải viết cho *Diễn Đàn* ”). Chúng ta mượn bài của nhau để nêu những vấn đề chúng ta thấy đáng suy nghĩ, mong có người khác cùng suy nghĩ với chúng ta, trong khi chờ đợi dịp trao đổi với nhau.*

Giới hạn trong hai bài báo, anh thích quan điểm của tôi về “ tự do ”, tôi thích anh ở hai điểm nói trên, chúng ta đã gặp nhau ở ba điểm. Không phải là ít ! Vậy ngày nào anh ghé Paris, một lục tỉnh của thế giới hôm nay, nếu anh có chút thời giờ, xin mời anh uống với tôi một tách cà phê.

Chúc anh mạnh khoẻ, hạnh phúc.

Trần Đạo

Tản mạn về

Người Việt ở nước ngoài cộng tác xây dựng đất nước

bùi mộng hùng

Mấy người bạn, cũ và mới, ở Pháp, ở Đức và ở Mỹ, gặp mặt nhau. Hàn huyên. Lăn hồi đến câu chuyện nóng hổi đang đặt ra cho các bạn ở Hoa Kỳ : cộng tác xây dựng đất nước. Câu hỏi đầu tiên cũng do chính những bạn còn đầy nhiệt huyết thuở ban đầu này nêu ra :

– Mình đếch hiểu được ! Thế là thế nào ? Chương trình TOKTEN, (*Chú thích của người đánh máy : Transfert of knowledge through expatriate nationals, Chuyển giao tri thức qua kiều dân do Chương trình phát triển của Liên hợp quốc UNDP chủ trương*) người thì là chuyên gia gốc Việt đang giảng dạy, nghiên cứu ở các trường, các viện trên thế giới tình nguyện về nước chuyển giao tri thức của mình, tiền thì hoàn toàn do tổ chức quốc tế đài thọ, thế mà sao trong số 130 người Việt ở nước ngoài ghi tên tham gia chương trình, suốt mấy năm nay chỉ có 20 người được mời về ? Con số do chính giáo sư Chu Tuấn Nhạ người trách nhiệm chương trình trong nước đưa ra. Cơm dâng đến tận miệng mà còn chê ỏng chê eo, người Việt hiểu học chỉ là huyền thoại à ?

– Hiểu học là có thật, ai có dịp về nước giảng dạy cũng phải công nhận là thính giả Việt Nam chăm chú, có trình độ, biết đặt những câu hỏi thích đáng.

– Vậy phải hiểu làm sao lời của ông trưởng ban Việt kiều thành phố Hồ Chí Minh giải thích rằng mới sử dụng 20 chuyên gia trong số trên 100 người đăng ký chương trình TOKTEN chỉ vì nhiều đơn vị khi được thông báo danh sách các chuyên gia xin về nước cộng tác đã trả lời “ chưa có nhu cầu ” ... ? Chứng nào trong nước mới thấy có nhu cầu về tri thức, kỹ thuật hiện đại ? Nhu cầu trước mắt là gì ?

– Hẳn là sống trước đã ! Quĩ nhà nước cung cấp không đủ, ban giám đốc các viện, ban giám hiệu các trường phải chạy vạy lo cho cơ quan mình sống, cho quân của mình có cái ăn hàng ngày. Có thực mới vực được đạo. Ví dụ cụ thể là nếu về Thành phố Hồ Chí Minh thuyết trình cho các bạn trong ngành y nghe thì phải sắp đặt làm sao để chấm dứt trước bốn giờ rưỡi chiều. Đúng giờ phút tiền định đó mà chưa nói xong, đề tài cho có hấp dẫn đến đâu đi nữa thính giả cũng sẽ ùng ùng đứng dậy bỏ ra chẳng còn sót lại mấy người ! Chả là các bác sĩ phải lật đật về khám bệnh ở phòng mạch tư của mình. Để bệnh nhân chờ là vỡ nồi cơm. Đơn giản thế thôi.

Muốn cho người trách nhiệm cơ quan mận mà cộng tác với chuyên gia nước ngoài thì phải có lợi ích cụ thể cho ban giám đốc, cho cơ quan. Còn nếu chỉ là để cho rộng kiến thức suông mà thôi, đã tốn công tốn của tiếp đón người từ phương xa về mà

chẳng thấy đâu là tác dụng “ ăn tiền ” thì không phải là ưu tiên số một vào cái thời buổi đời sống khó khăn này đâu.

– Tác dụng “ ăn tiền ” là gì ? Mấy bác là kẻ có kinh nghiệm đi trước, nói lóng với nhau, tụi này như vịt nghe sấm chẳng hiểu gì cả !

– Bạn đặt mình vào vị trí của những người trách nhiệm cơ quan trong nước thì hiểu ngay thôi. Phải tự mình chạy vạy tìm cách ký hợp đồng làm ăn với các địa phương, với các xí nghiệp quốc doanh. Gặp được chuyên gia đem kỹ thuật mới, đem dụng cụ ở nước ngoài về cho mà dùng vào công việc làm ăn sinh sống của mình thì khác nào buồn ngủ mà gặp chiếu manh. Cộng tác sẽ trôi chảy vui vẻ cho cả đôi bên. Cứ xem những trường hợp trong chương trình TOKTEN được đem ra kể làm ví dụ thì hiểu : anh Phạm Văn Ngọc, giám đốc phòng thí nghiệm vật lý địa cầu ứng dụng của Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học CNRS Pháp, đem một tấn máy móc thiết bị áp dụng phương pháp từ trường TELUA về giúp Viện vật lý địa cầu Việt Nam điều tra cơ bản tài nguyên nước ngầm ở độ sâu từ 100 đến 500 mét tại đồng bằng sông Cửu Long ; anh Vũ Ngọc Côn từ Hoa Kỳ về làm với Viện khoa học kỹ thuật xây dựng, chẳng những giúp viện làm đề án nghiên cứu lại còn về Hoa Kỳ tìm nguồn tài trợ tặng cho viện thực hiện đề án ; anh Vũ Đức Trinh ở Thụy Sĩ cộng tác với Viện khoa học bảo vệ lao động lại thêm có học bổng mời anh em trong nước sang thực tập ở viện của anh bên châu Âu... Những cộng tác đáng giá như vậy chắc chắn là được hưởng ứng và đánh giá cao.

– Nghe mấy bác nói thì có cảm tưởng rằng chuyển giao tri thức, kỹ thuật về trong nước có bị ách tắc phần nào chỉ là một sự kiện nhất thời. Kinh tế khai thông, đời sống dễ dãi hơn thì sự việc sẽ trôi chảy không còn vướng mắc gì nữa !

– Làm việc với Việt Nam có một điều thuận lợi. Đó là yếu tố con người. Bất cứ ở ngành nào, cấp nào cũng gặp được những con người có lòng, có ý chí, có kiến thức. Không nhiều lắm đâu. Nhưng tìm được người, được nơi đáng tin cậy để cùng làm việc với nhau, cho cộng tác có hiệu năng không phải là chuyện quá khó ở Việt Nam.

– Đã vậy thì mấy bác kêu ca việc gì ?

– Một chuyện vướng mắc. Người có đó, liên hệ với các nhà chuyên môn trong nước thoải mái đó, thế mà sao vẫn vấp phải một trở ngại ngấm ngầm làm cho ngay cả những cộng tác thành công nhất cũng không thể phát triển rộng ra nổi ! Mà mục đích của mỗi người trong chúng ta khi đem tri thức, kỹ thuật hiện đại về đất nước là mong những kiến thức ấy được phổ biến ra cho tất cả những ai cần đối đáp với thách thức của thời đại, thành phương tiện giúp ích cho đời sống hàng ngày của mọi người dân Việt Nam, nào có ai muốn thấy cái vốn tri thức thực dụng chỉ quanh quẩn ở trong tay vài người !

– Xin nói cho cụ thể rõ ràng đi, chớ trừu tượng khái quát như vậy tụi tôi chịu không hình dung ra nổi đâu !

– Một trở ngại lớn làm cho tri thức kỹ thuật hiện đại không phổ biến rộng được là yếu tố tổ chức, là cấu trúc tiếp thu, chẳng riêng gì đối với người Việt ở nước ngoài mà chung cho mọi tri thức. Chúng ta quen với tổ chức ở phương Tây, làm việc với viện, với trường, với phòng thí nghiệm, ở đâu cũng rứa cả. Thông tin khoa học kỹ thuật nhậm lệ và rộng khắp. Ở nước ta thì khác. Cấu trúc tiếp thu khoa học kỹ thuật rập khuôn theo Liên Xô cũ. Có các trường đại học và có các viện. Nhưng

trường là trường, viện là viện, hai thế giới rất ít liên hệ với nhau. Cán bộ làm trong viện là công chức, nghiên cứu kiểu công chức, không giảng dạy, không hướng dẫn sinh viên. Không truyền được kiến thức thực dụng cho người trẻ mà cũng chẳng được cái thú như chúng ta ở phương Tây dù đất thế hệ đang lên trong nghiên cứu, được hưởng cái nhìn mới mẻ, các kiến thức căn bản hiện đại, cái hăng say tuổi niên thiếu của họ. Trường thì có sinh viên, nhưng phương tiện lại quá thiếu thốn, thầy cũng như trò thường chỉ biết nói lý thuyết suông.

– Như vậy, các ông bạn Phạm Văn Ngọc, Vũ Ngọc Côn, Vũ Đức Trinh cộng tác với các viện thì kỹ thuật hiện đại đem về sẽ nằm chết dí trong các viện ấy sao ?

– Cụ thể là đã huấn luyện được cho một số cán bộ của viện. Cũng là quý lắm rồi. Nhưng còn tri thức ấy có được nhân lên, lan rộng ra chẳng lại là một vấn đề khác. Hiện nay các viện nắm kỹ thuật, máy móc thiết bị của nhà nước, sử dụng kiến thức, thiết bị của mình như doanh nghiệp tư nhân, bán nghiệp vụ mà nuôi quân của cơ quan mình. Nhiệm vụ chuyển nhượng kỹ thuật cho sản xuất từ trước tới giờ chưa bao giờ được xác định rõ ràng, nay lại hoạt động như xí nghiệp kiếm lợi nhuận là chính, thì giờ đâu, lòng dạ nào mà nghĩ đến vai trò chuyển nhượng kỹ thuật ?

– Không phổ biến rộng ra được những kỹ thuật quá đặc biệt của các vị chuyên gia sâu chưa phải là chuyện thật đáng lo ngại. Nguy hiểm cho tương lai dân tộc hơn là tổ chức, cấu trúc nghiên cứu và giảng dạy của Việt Nam làm trở ngại việc phổ biến rộng các tri thức tổng quát. Mà nếu dân ta không được học các kiến thức không thể thiếu ngày nay thì xã hội ta khó mà chen chân vào thế giới hiện đại được !

Ví dụ trước mắt là kỹ thuật quản lý và luật học, hai trọng điểm cộng tác hiện nay giữa Pháp và Việt Nam. Về mặt tổ chức Việt Nam sẽ tập trung viện trợ của Pháp vào Viện quản lý (Institut de gestion) và vào Nhà luật pháp (Maison du droit). Mọi phương tiện lại nằm gọn trong tay viện, trong tay bộ tư pháp. Mà chức năng của Viện quản lý, của Nhà luật pháp chắc chắn sẽ không phải là để phổ biến cho đông đảo sinh viên các kiến thức cần thiết ngày nay về kỹ thuật quản lý, về luật pháp. Một vị thứ trưởng qua công cán ở Paris đã nói rõ ý định của bộ tư pháp chỉ đào tạo một số người rất giới hạn, nói rõ ý chí nắm quyền đào tạo từ quan toà, thẩm phán cho đến luật sư. Những lớp luật học mở cho sinh viên ở trường Đại học tổng hợp phương tiện chẳng có thì chẳng xớ múi được gì ! Về khoa học quản lý, một số ít người có tiền còn có thể ghi tên học ở các trường tư, số đông không sao mà có điều kiện để học hỏi.

– Thế thì nguy. Trong tương lai tiêu chuẩn thu hút các công ty xuyên quốc gia vào đầu tư ở một nơi nào là chính trình độ tri thức của người dân địa phương, là hạ tầng cơ sở giao thông, thông tin. Mà họ thì chuyển xướng máy, đưa văn phòng đầu não từ châu này đi sang châu khác như ta thay áo. Với phương thức sản xuất hiện đại, tri thức là chính. Lớp trẻ mà bị giới hạn không được học những kiến thức cần thiết là bóp chết từ trong trứng điều kiện cốt yếu để cho đất nước dân tộc phát triển.

– Trong nước dường như đã ý thức được nguy cơ phân tách nghiên cứu và giảng dạy. Nghe đâu hiện đang tìm cách cải tổ hệ thống các viện nghiên cứu và các trường đại học thì phải ?

– Nói từ cả năm nay rồi. Nhưng còn đang trong vòng bàn luận. Đúng vào thời điểm mà người trí thức được chính quyền

tỏ vẻ vì nề hơn trước. Nào là hỏi ý kiến, nào là tạo điều kiện để cho được có đất có nhà. Đó là một điều đáng mừng. Nhưng chẳng biết rồi có vì thế mà chậm đi đến được những cải tổ dứt khoát quá ư là cần thiết cho hệ thống nghiên cứu và giảng dạy của Việt Nam không ?

– Máy ông trí thức này cứ lo nói chuyện nghiên cứu với giảng dạy nghe mà bắt mệt ! Xây dựng đất nước là sản xuất, là kinh doanh. Sao không thấy mấy ông nói tới ?

– Mình ở Pháp không thấy mâu thuẫn giữa khoa học, giáo dục và kinh doanh, sản xuất mà trái lại thấy có dự phóng cho cả nước đặt trong viễn tượng phát triển của khối cộng đồng châu Âu, có chính sách nhất quán phối hợp hài hoà nghiên cứu và giảng dạy, khoa học và công nghiệp, nghiên cứu, đào tạo và phát triển. Thấy có chính sách, đặc biệt là chính sách thuế khoá, tạo điều kiện cho các xí nghiệp kể cả các xí nghiệp nhỏ (PME, Petite et Moyenne Entreprises) áp dụng thành quả nghiên cứu vào cạnh tân kỹ thuật.

– Chính đó là một điểm yếu của cấu trúc khoa học kỹ thuật và giáo dục của Việt Nam. Nghiên cứu tách rời với đào tạo. Khoa học kỹ thuật và giáo dục xa cách đời sống sản xuất. Thiếu phối hợp giữa đào tạo và sản xuất. Thiếu tổ chức, thiếu thể chế để dây chuyền đi từ nghiên cứu cơ bản qua nghiên cứu ứng dụng đến các xí nghiệp sử dụng kỹ thuật được thông suốt.

– Thôi ! Sì tốp chuyện mơ màng xa vời đi. Đầu mối cuối cùng dù sao cũng là xí nghiệp sản xuất. Nói gì đến áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, chỉ riêng việc đứng ra lập xí nghiệp mình có cảm tưởng rằng người Việt đầu tư kinh doanh bị kỳ thị. Thoát qua khỏi bao nhiêu trở ngại phiền hà hành chính để có được phép mở xí nghiệp lại phải đơn thân đối phó với cạnh tranh bất chính, với đờ đóm, với buôn lậu... Trong khi tư bản ngoại quốc lại được luật đầu tư ưu đãi hơn nhiều !

– Nghe trong hội nghị Việt kiều xuân Quý Dậu vừa rồi có nói đến những biện pháp khuyến khích người Việt định cư ở nước ngoài đầu tư về nước theo tinh thần "... Chính phủ CHXHCHVN tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư về nước " của điều 39 Luật đầu tư đã có từ 9/1/88, cụ thể là về thuế lợi tức được hưởng mức ưu tiên trong Luật đầu tư...

– Nghĩa là có thể được hưởng như tư bản nước ngoài. Nhưng mà còn là lời hứa, còn kèm theo chữ " có thể " ... Trên thực tế thì chưa thấy gì. Hãng Long Thành nguồn vốn là do Việt kiều bỏ vào, vừa rồi đầu tư cả triệu đôla để nhập về 15 máy ép nhựa mà nào có hề được giảm thuế lợi tức, chớ đừng nói là miễn thuế... Mà cần là chính sách khuyến khích đầu tư cho mọi người Việt, chớ còn riêng cho người Việt kiều....

– Mấy bác này thật quá là cạn tài ráo máng. Chỉ thấy nói ách tắc và ách tắc... Giới hạn ở khâu tiếp thu khoa học kỹ thuật này, ngăn cách không qua được khâu đào tạo này, tắc nghẽn ở khâu chuyển giao kỹ thuật này, đến khâu kinh doanh sản xuất cũng bị chèn ép, kỳ thị nốt ! Thế thì còn gì mà nói nữa không ?

– Còn vấn đề tinh thần. Không phải là vấn đề nhỏ đâu. Trong buổi thủ tướng Võ Văn Kiệt gặp gỡ Việt kiều hôm mừng một Tết vừa rồi anh Trương Phước Trường ở Úc có nêu nhận xét rằng đó đây ở các cơ quan trong nước vẫn thấy tư tưởng chờ đợi Việt kiều " cho tiền, cho máy tính " hơn là thực tâm cộng tác khoa học kỹ thuật. Nhận xét đúng quá đi mất !

(xem tiếp trang 21)

Thư nước ngoài

Nguyễn Hương

*Bài tùy bút dưới đây, chúng tôi nhận được từ bạn văn Lê Bi, với những lời giới thiệu về tác giả như sau :
“ Nguyễn Hương, tác giả quyển Khmer - Việt Relations and the third Indochina conflict, năm nay 30 tuổi, nghĩa là ở một thế hệ không dính líu gì đến Trận chiến Đông Dương, hoặc tối thiểu, không bị ám ảnh nặng nề bởi vấn đề Quốc Công.”*

Thưa bạn,

Nếu phải bắt đầu bằng đôi ba điều viết về thời tiết thì trời lạnh lắm, mưa lất phất. Sân trước nhà tôi nở hai đoá thuỷ tiên. Yên tĩnh như cả mặt đất này còn đang ngủ muôn.

Trong dịp lễ nghỉ cuối năm có một số anh em từ xa về chơi nên chúng tôi gặp nhau nhiều lần. Có người sang từ Pháp. Có mấy người từ Canada. Có người về từ miền Đông Hoa Kỳ. Chúng tôi vẫn nghệ có, chính trị có, vô tâm có. Bắc có, Trung có, Nam có. Chúng tôi tả có, hữu có. Chúng tôi quá khứ miền Nam có, không miền Nam cũng có. Chúng tôi Phật giáo có, Công giáo có, không tôn giáo nào cũng có. Chúng tôi rời quê hương trên ba thập niên có, chân ướt chân ráo ở xứ người trên dưới một năm cũng có. Chúng tôi ở từng khoảnh khắc là tập hợp của những trạng thái tinh thần biến động. Chúng tôi gặp nhau ăn, uống rượu, đùa cợt, ca hát, nói một mình và nói với nhau.

Bên ngoài những căn nhà nơi chúng tôi tụ họp là một thế giới lừng lợ giữa hai thế kỷ. Những đứa trẻ thơ Somali nằm ở biên giới sống chết vẫn nhìn nhân loại với một thứ ánh sáng soi mói. Nhiều người vẫn không nhà ở Mỹ. Bosnia vẫn vùng vẫy giữa những trại tập trung biểu tượng của thế kỷ hai mươi. Chỉ ở thế kỷ này chúng ta mới đủ phương tiện, nhu cầu, và kiêu ngạo để đưa nhau cả khối người vào trại tập trung, cải tạo nhau, tàn sát nhau nhân danh những điều thiện mỹ. Nếu trại tập trung là một sản phẩm của ý thức hệ ở phần đầu thế kỷ, thì ở cuối thế kỷ tại Bosnia, chúng đã hiện hình là phương tiện của một thứ bản năng nòi giống không cần che đậy. Có ý nghĩa gì không ở lịch sử nổi dãi những thế kỷ và lục địa đẫm máu? Nhân loại đang trực diện nguyên thủy của bản thân giữa những ngày phán xét. Bên ngoài căn phòng của chúng tôi là một thế giới đang phải nhìn lại mình bằng tầm nhìn của thiên niên kỷ.

Còn chúng tôi. Chúng tôi cũng đang nhìn lại mình như những hồn ma đơn lẻ vất vưởng tứ xứ, như những cá thể đang cố tìm ý nghĩa cuộc đời, như những thành viên của cộng đồng người Việt không giới hạn địa lý. Cái khái niệm quốc gia với quyền hạn tập trung và biên giới cố định của trật tự chính trị hiện đại, chúng tôi muốn quên đi. Chúng tôi muốn quên đi cả những biên giới cấm kỵ lẫn nhau. Chúng tôi muốn cười, muốn nói như những người bạn thân trong cùng một cộng đồng chính trị có cùng một lịch sử và văn hoá.

Vì vậy mà chúng tôi ăn cùng nhau, chúng tôi hát cùng nhau. Chúng tôi hát những bài đồng ca của nhau, khinh thường mọi cố chấp của những chính kiến hạn hẹp. Tôi nghĩ, những ly rượu,

những khuôn mặt thân sơ, những lời đùa cợt, những tiếng cười, những đêm cuối năm có thể lấp đầy tất cả các hố sâu trên mặt đất. Chúng tôi hát những câu hát chiến tranh của hai đội quân thù nghịch, của hai phần đất nước phân định bằng một giòng sông và quá nhiều năm mộ. Mỗi người chúng tôi cười trong lòng như được bút dây giải thoát. Mỗi người chúng tôi khóc trong lòng như muốn đưa ma quá khứ.

Vậy mà có người không thể hát vì không thuộc bài bản bên kia. Và có người vì đã thuộc nó nằm lòng trong trại cải tạo mà không hát nổi. “ Tổ quốc ” có thể “ vươn mình trên đầu súng quê hương ” là điều đáng ngờ. “ Ta cùng với Bác hành quân ” thì không thể xây dựng một cộng đồng đất nước. Chúng tôi đẩy nhau vượt qua giới hạn của quá khứ mỗi người. Chúng tôi nghĩ, sâu hơn những khẩu hiệu chính trị nằm lòng phải là biển là sông của thứ huyền thoại đồng bào trăm trứng.

Vậy mà, hình như, sâu hơn những con sông Bến Hải, những hùng ca thời chiến lại là những nỗi đau sâu hoắm. Thay vì đưa ma quá khứ thì mỗi năm mồ trời dậy thành mỗi vết thương. Chúng tôi đã bước qua vòng phẫn của quá vãng. Vậy mà mỗi chúng tôi khóc cười trong một thế giới riêng biệt. Giữa chúng tôi không còn những sông Gianh đầu thai lại, không còn rào gai, không còn vòng phẫn, mà chỉ là những nỗi đau riêng không thể san sẻ. May mà còn có rượu chuyền tay.

Thôi thì chúng tôi cùng đau những nỗi đau riêng. Gom lại làm mối đau dân tộc. Chúng tôi lại cười. Chúng tôi lại hát. Có người bỏ ra về. Người ở, người về đều say khướt. Chắc cả thế giới này cũng đang say khướt.

Tôi nhìn mỗi người bạn. Chúng tôi một lũ khóc cười như cả thế giới này điên. Chắc vậy. Tôi yên tâm như vậy. Chỉ có thể mới giải thích nổi thứ ánh sáng soi mói ở đôi mắt đứa trẻ thơ Somalia đang chết đói. Chỉ có thể mới giải thích nổi người không nhà giữa mùa đông xứ Mỹ. Chỉ có thể mới giải thích nổi những trại giam đàn bà Hồi giáo để lính Serb cưỡng hiếp. Chỉ có thể mới giải thích nổi những vụ chính thân nhân những người đàn bà giết họ và bào thai oan nghiệt để giữ sĩ diện gia đình và vẹn toàn chủng tộc. Chắc ai cũng phải chết trong lòng một ít để làm người tỉnh giữa một thế giới điên. Có ai không phải giết chết một ít nhân tính để ích kỷ sống trước nỗi khổ con người. Tôi cũng muốn làm người tỉnh giữa bữa tiệc say. Nhưng đó chỉ là sự cô độc đáng sợ, và rốt cuộc lại là điều vô nghĩa.

Mà chỉ có thể mới giải thích được chuyện Việt Nam. Không phải chuyện Việt nam gói gọn trong “ vòng phẫn quá vãng ” của Dương Thu Hương mà là chuyện Việt Nam mãi đến hôm nay và mai sau nữa. Nửa đêm mưa tạnh. Gió buốt hú trên khoảng sân trống, quật xuống cửa sổ. Cái con người Việt Nam trào lên như từ mạch giếng. Lâu rồi lúc nhỏ tôi nhìn thấy vụ lấy cốt ông Ngoại. Giữa động cát, nước ứ trào từ áo quan như mạch giếng. Việt Nam giống như bãi chiến trường giữa khốn khó và phong phú, giữa bản lề và sức bộc phá huỷ hoại, giữa ham muốn và kềm hãm, giữa thiện và ác, giữa quá khứ và tương lai. Giống như thời hỗn mang vũ trụ.

Chuyện Việt Nam như chuyện cuộc đời. Giữa bi thảm hiện hữu là những chấm sáng hy vọng. Giữa đổ nát xã hội vẫn có những con người nấn nịu vào vun xới bóng cây xanh. Hình như nhân tính cũng không dễ dàng gì bóp chết. Không phải chỉ có bản năng sinh tồn mới là sản phẩm của hai tỷ năm tiến hoá trên mặt đất. Hình như ngay cả khát vọng hướng thiện cũng là một

thứ sinh khí kết tụ. Dù cái đỉnh cao nhân tính cũng chính là thân phận nghiệt ngã con người. Hạnh phúc thì chỉ có thể tương đối và mong manh.

Chúng tôi lần lượt chia tay. Ai về xứ nấy, những vùng đất cách xa nhau bằng tôi cách xa Việt Nam. Sau bữa tiệc say, sau những trận khóc cười. Chúng tôi tỉnh lảm. Chuyện Việt Nam của hôm nay và mai sau không phải là chuyện những nắm mồ. Những nỗi đau đã tỏ. Những bóng ma đã nhận diện. Chắc chắn những vết thương sẽ không lành khi chưa có điều kiện. Nhưng tạm thời bây giờ, mỗi người chúng tôi trôi lên từ hố cá nhân, bắt tay nhau và trở lại những đồ án và hướng đi chung : Chúng tôi cùng mong bạn hạnh phúc trên chính quê hương mình, dù đó chỉ là thứ hạnh phúc tương đối và mong manh.

Tôi đã được sống những ngày cuối năm kỳ lạ. Chuyện tỉnh say, chuyện ngăn cách, chuyện hội tụ, chuyện thế kỷ, chuyện thiện ác, chuyện nhân tính và tấn bi kịch chinh phục hạnh phúc vĩ đại và vĩnh hằng, chuyện đổ nát, chuyện đi tìm lại hạnh phúc nhỏ bé và mong manh, cũng bằng nhân tính. Chúng ta không ai chạy thoát định mệnh chung. “ Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ ? ” Biết đâu mặt đất này chẳng đứng đưng trước khái niệm thế nào là thiện, là mỹ, là tiến bộ ?

Nhưng thưa bạn, không gian trên kia là bóng tối không cùng của những điều không thể biết.

Và chúng tôi chỉ biết bước đi như thể trước mặt là ánh sáng cuối cùng trên mặt đất.

ngày 17 tháng giêng năm 1993

Nguyễn Hương

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tạp san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Giá báo dài hạn :

* Trong nội địa Hoa Kỳ và Canada :

Hạng tư : \$18.00 (1/2 năm) - \$ 36.00 (1 năm)

Hạng nhất : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

* Á châu, Úc châu, Âu châu :

Đường thủy : \$24.00 (1/2 năm) - \$ 48.00 (1 năm)

Hàng không : \$34.00 (1/2 năm) - \$ 60.00 (1 năm)

Xin gửi bằng Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ bằng International Money Order hoặc bưu phiếu, đề :

**Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove
CA 92642, USA**

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện, 15 Place
Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Người Việt ở nước ngoài cộng tác xây dựng đất nước

(tiếp theo trang 19)

Mà tinh thần này thấy ở cả mọi cấp. Đã có lần anh em thấy một vị trách nhiệm khoa học kỹ thuật cấp cao trân trọng cái máy vi tính anh em đem về hơn là phần mềm mà anh em đã đem hết tâm trí ra thực hiện không kể đêm ngày. Nếu chỉ xem giá trị là tiền thì cái phần mềm này gấp trăm lần giá cái máy vi tính !

– Cũng phải nói có nơi chưa hiểu ra rằng cộng tác khoa học kỹ thuật cần phải liên tục lâu dài. Làm xong một đề án và nếu là đề án có triển vọng thật thì lại mở ra đề án khác tiến triển hơn, tiếp nối thành quả của đề án trước. Khoa học kỹ thuật là liên tục tiến triển không ngừng. Đảng này có cơ quan trong nước khi người cộng tác nước ngoài ra về là hết chuyện, không có đến một cái thư cảm ơn. Trong báo Quê Hương của Ban Việt kiều trung ương thấy viết rằng nhiều chuyên gia trong chương trình TOKTEN “ ... vẫn giữ liên hệ với đơn vị đã mời mình về làm việc, tiếp tục giúp đỡ vô tư và tự nhiên trở thành người cố động cho dự án.” Theo nhà báo thì là vì lý do : “ Đó cũng là đức tính thủy chung, yêu việc thiện, yêu đất nước, yêu con người của dân tộc Việt Nam, mà dù cho có tha phương cầu thực ở chân trời góc biển nào, mỗi con người của dân tộc cũng không bao giờ để phai mờ, mất hết.” Hình như vị viết những câu ấy cũng không hiểu được rằng bất cứ nhà khoa học người nước nào cũng sẽ xử sự như vậy. Đơn giản vì cộng tác khoa học kỹ thuật là liên tục, xong đợt này triển khai thành đợt khác.

– Nghe mấy bác nói thì cứ như là người Việt ở nước ngoài có đem tâm trí, đem kiến thức về cộng tác với anh em trong nước, kết quả cũng chẳng đi tới đâu, có đúng thế không nào ?

– Không. Vì trong khi sắp sửa còn chưa rõ ra sao, đôi khi đóng góp của người Việt ở nước ngoài, dù chỉ là giọt nước, nhưng là giọt nước làm nghiêng cán cân. Như vào thời còn tranh cãi chưa biết nên chọn máy vi tính hay là máy cỡ lớn hơn, người Việt ở Âu châu, ở Canada đem máy vi tính, đem phần mềm về, chứng minh khả năng của loại máy nhỏ. Đến nay thì hai năm đã rõ mười, những đóng góp lúc ban đầu ấy đã giúp phần quyết định cho công nghệ tin học bắt đầu nảy nở tại nước nhà ngay trong lúc Hoa Kỳ còn cấm vận...

– Đúng hơn là một vài đóng góp đã bén rễ, nảy mầm. Nhưng cứ vẫn là mầm non. Còn phải chờ một dự phóng cho đất nước cho dân tộc. Chờ một chính sách nhất quán và đồng bộ phối hợp hài hoà khoa học và công nghiệp, nghiên cứu, đào tạo và phát triển. Người dân được nâng đỡ trong kinh doanh sản xuất, được quyền lập hội, được quyền trực tiếp quan hệ với nước ngoài...

– Vâng. Vấn đề giống như là gieo hạt, trồng cây. Tôi cứ nhớ mãi lần về thăm đất nước năm 1987. Mất mùa to. Trời lạnh gắt. Vùng Nghệ Tĩnh mạ gieo ba lần, ba lần đều bị chết lạnh cả. Chỉ thấy người nông dân lẳng lặng gánh đất về nhà, đổ lên bạt ni-lông căng trong phòng, gieo mả lúa giống cuối cùng, chờ ngày trời ấm lại. Có người Việt nào đã xa thế hệ làm nghề nông lắm đâu. Chúng ta kiên nhẫn gieo hạt cho dân tộc...

B.M.H. (tháng 3.93)

Vài câu chuyện về nhà thơ

Quách Tấn

Nguyễn Lạc

Tặng những người bạn của thi sĩ

Cuối năm 1989, nhân dịp nói chuyện về mấy bản dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du ra tiếng Việt, vài anh em bạn nói với nhau : chúng ta có trong tay hầu hết các bản dịch, nhưng tiếc chưa có bản dịch của Quách Tấn. Có thể có người có bản dịch đó ở Paris, nhưng cũng chẳng biết ai mà mượn.

Hè 1990, một chị bạn cho hay là chị đã tìm được **Tố Như Thi**, tức bản dịch của Quách Tấn nhân dịp chị vừa về thăm Việt Nam. Chúng tôi mừng lắm, đến kiếm ngay sách đó và làm photocopie cho vài anh em bạn. Sách này do An Tiêm xuất bản tại Sài Gòn năm 1973. Sách trình bày trang nhã, bìa dày có hình một bàn tay thon đẹp, giấy trắng, có phần chữ Hán do ông Trần Thúc Lâm viết, có phiên âm và có 72 bản dịch của Quách Tấn.

Anh N.H.T. đọc rất kỹ bản này và so sánh với sáu bản dịch khác mà chúng tôi đã có trong tay. Có thể tóm tắt là bản dịch của Quách Tấn rất hay vì đó là một nhà thơ lớn dịch một nhà thơ lớn.

Khuyết điểm của cuốn sách này nằm ngay trong *Lời Thưa* của Quách Tấn ở mấy trang đầu.

Quách Tấn nói " Năm 1966, bạn Thi Vũ ở Pháp gửi về cho tôi 245 bài đã sao được trong thư viện Ba Lê ". Ông chọn 72 bài dịch ra tiếng Việt. Chúng tôi thắc mắc vì được biết không thư viện nào ở Ba Lê có một bản thơ chữ Hán của Nguyễn Du hết. Chúng tôi có gặp ông Thi Vũ tháng ba 1991 và hỏi ông về vấn đề trên. Ông trả lời là lâu quá rồi, ông cũng quên là đã sao mấy bài thơ trên từ tài liệu nào ; nhưng ông cũng đồng ý là những tài liệu đó không nằm trong thư viện ở Ba Lê. Thế là nguồn gốc văn bản thơ Nguyễn Du ông Quách Tấn dùng để dịch không rõ ràng. Đáng tiếc.

Biết thơ muốn biết người. Chúng tôi được biết Quách Tấn vẫn sống tại Nha Trang và sống lẻ loi.

Đầu năm 1991, một người bạn lại thăm chúng tôi trước khi anh về chơi Việt Nam, hỏi chúng tôi có muốn mua bán gì ở Việt Nam không ? Mua bán thì không, nhưng nếu anh có qua Nha Trang, nhờ anh đến gặp ông Quách Tấn và trao lại ông hai bức thư, một bức của tôi, một bức của anh N.H.T. Anh bạn ngạc nhiên hỏi có phải ông Quách Tấn làm thơ không ? Ông ta còn sống à ?

Anh bạn về tới Nha Trang, vất vả lắm mới tìm thấy nhà của thi sĩ, tuy có địa chỉ rồi.

Chúng tôi cẩn thận đã báo thư trước là sẽ có người đến thăm ông. Khách đi qua ngõ hẻm, tới ngôi nhà nhỏ cửa để mở, ghé vào căn phòng tối om cất tiếng hỏi : " Đây có phải là nhà của cụ Quách Tấn không ? " Tiếng một ông cụ già vọng lại " Ai đó ? Đến có chuyện chi vậy ? " Khách nói tên mình và

nêu lý do cuộc thăm, chủ vẫn hỏi : " À ông từ xa lại. Có chuyện gì vậy ? " Khách hơi ngỡ ngàng, nhắc lại có hai bức thư do hai người bạn ở Pháp nhờ chuyển về cho cụ. Chủ vẫn bỡ ngỡ : " Tôi không quen họ. Không hiểu có chuyện gì vậy ? " Khách tiến lại chỗ giường cụ ngồi, đưa hai lá thư cho cụ. Cụ cầm lấy thư, song đưa lại khách : " Ông làm ơn đọc cho tôi. " Khách lúc đó mới quen bóng tối trong phòng và mới thấy cụ đã mù cả hai mắt rồi. Khách lại gần cửa đọc lá thư đầu. Thư hỏi xin cụ một tập thơ của cụ. Cụ tự nhiên niềm nở : " Ái chà, còn có người nhớ tới thơ tôi à ? Hân hạnh lắm. Mà sao người ở gần tôi không mấy khi lại thăm tôi, hoặc có lại cũng chỉ để quấy rầy, còn người ở xa lại muốn gặp ? "

Ngừng một lúc, cụ tiếp : " Tôi xin lỗi ông, lúc đầu không hiểu ông đến đây với lý do gì, nên rất ngại tiếp. "

Lại ngừng một lúc. " Chắc ông ở xa không biết. Năm 1983, tôi đã bị một bọn người đến đe dọa tôi ; họ lấy không biết là bao nhiêu sách báo, tài liệu của tôi. Bây giờ chắc cũng không còn bao nhiêu để biểu. "

Cụ xuống giường, rờ rẫm từng bước, đặt tay trên chiếc rương ở đầu giường, mở nắp mò mẫm lấy ra một tập sách đưa cho khách : " Đây tập thơ **Động bóng chiều**, phải không ? " Khách cầm tập thơ ra gần cửa đọc tựa, đáp " Thưa đúng ". Cụ nhờ khách biên hộ đôi ba chữ tặng người đọc giả ở xa và nói : " Ông chỉ cho tôi phải ký ở chỗ nào ? " Khách đưa cây bút vào tay cụ, tay cụ đã run, tay khách càng run hơn. Cụ ký.

Cụ nhờ khách đọc bức thư thứ hai. Bức thư anh N.H.T. dài, nói rõ những chữ nhầm trong bản chữ Hán, và vài câu dịch phảng phất giống câu của người khác đã dịch trước cụ. Cụ nghe kỹ, thỉnh thoảng lẩm bầm " Phải rồi " hoặc " Thế à ", thỉnh thoảng xin khách đọc lại một vài đoạn cho thật rõ. Nghe xong cụ nói " Tôi phải cảm ơn ông này đọc rất chu đáo bản dịch của tôi. Cũng không ngờ đến hôm nay còn có bạn hâm mộ chiều cố tới sách tôi như vậy ". Cụ rất tiếc là bây giờ mắt đã hết thấy đường, tài liệu lại mất mát quá nhiều, nay chỉ còn trí nhớ để bàn cãi. Cụ cho biết là các bản sao do ông Thi Vũ gửi về là phiên âm chứ không phải viết bằng chữ Hán. Cụ còn dùng, ngoài các bản kể trên, vài tài liệu khác. Phần chữ Hán do ông Trần Trúc Lâm viết trong tập **Tố Như Thi** có những chỗ sai, đã có học giả Lê phê bình trong báo **Bách Khoa**, tháng 12.73. Cụ chấp nhận là một vài câu thơ cụ dịch có thể giống vài câu thơ người khác đã dịch, nhưng vì cụ đọc nhiều có thể thơ người ta nhập vào hồn mình mà không hay.

Khách sợ cụ mệt, xin cáo từ. Cụ mò mẫm đến đầu giường, lấy một cuốn vở trao cho khách. Đó là một số bài thơ cụ viết tay, có bài đã in ra sách rồi, có bài chưa in. Khách đọc vài bài thơ, cụ lắc đầu : " Không được, không được. " Sau cùng cụ tạm chọn ba bài thơ trao cho khách, nói để tặng ba người bạn phương xa. Khách vui vẻ cảm ơn cụ và xin phép lại thăm cụ lần nữa trong thời gian còn ở lại Nha Trang. Cụ niềm nở nhận lời.

Hai ngày sau, y hẹn, khách tới gặp cụ. Lần này thấy cụ đã ngồi trên ghế ngay bậc cửa, có ý đợi khách. Khách lên tiếng, mặt cụ sáng lên một nụ cười, mời khách vào nhà. Phòng thấp một ngọn nến. Khách thấy tường quét vôi đã nhiều nơi hoen ố. Câu chuyện tiếp diễn tự nhiên như giữa những người đã quen biết nhau từ lâu.

Khách nói : " Tôi biết cụ qua **Mùa cổ điển**, trong tập **Thi nhân Việt Nam** của Hoài Thanh - Hoài Chân đó (1942) ". Cụ cười : " **Mùa cổ điển** bây giờ đúng là cổ điển rồi ; gần 50

năm rồi, ông ơi." Khách cũng cười: "Không, cụ ạ. Hồi đó tôi còn trẻ, đọc những Từ Ô Y Hạng rù rê sang rất ngộ ngàng. Lúc đó còn đang bông bột với những yêu đương sôi nổi của Xuân Diệu, những oai hùng của con hổ Thế Lữ, những buồn vương vấn của Huy Cận, cụ bảo sao không ngộ ngàng với thể giới Đường thi của cụ? Sau này, chính vì đọc thơ Đường, đọc lại thơ cụ rất thích. Thơ cụ thành ra mới là vậy."

Cụ nói: "Mùa cổ điển lúc ra đời đem lại cho tôi vài chuyện bất ngờ, ông ạ. Hồi đó tôi ở Nha Trang. Một buổi sáng, tôi thấy trước sân nhà tôi có một gói giấy lớn phong kín. Mở ra, tôi thấy trong có một bản Mùa cổ điển, một bức thư và một chiếc roi mây cuộn tròn. Tập thơ bị gạch và bị phê bình với những lời bất nhã. Bức thư phán rằng "Dốt nát mà dám phổ biến thơ mình. Tội kiêu căng vô lễ ấy đáng đánh đòn, nên gửi trước chiếc roi mây, nay mai sẽ đến nọc đánh ba chục roi." Tác giả chuyện hi hữu trên là Một nhóm người làm thơ ở Nha Trang. Nay tôi còn giữ kỹ những món kỷ niệm đó."

Khách định lảng sang chuyện khác vui hơn: "Tôi nhớ trong Thi nhân Việt Nam Hoài Thanh và Hoài Chân có trích vài bài thơ của bạn thân cụ là Hàn Mặc Tử và có nói là cụ giữ bản quyền in sách thơ Hàn Mặc Tử, nên không trích nhiều hơn." Cụ dăm chiêu: "Hàn Mặc Tử là bạn thân của tôi, ai cũng biết. Tôi đã khóc Lệ Thanh trong bài Mộng thấy Hàn Mặc Tử trong Mùa cổ điển. Tôi đã nói nhiều trên báo chí về Hàn Mặc Tử rồi. Còn chuyện này không vui gì cho tôi, xin cũng kể cho ông biết. Năm 1960, sau khi Mùa cổ điển được tái bản, ông Nguyễn Vỹ, chủ nhiệm báo Nguyệt san phổ thông có gửi cho tôi một bức thư của một độc giả ở Nha Trang. Thư nói rằng tập thơ Mùa cổ điển là của Hàn Mặc Tử. Để đáp lại sự giúp đỡ của tôi, Hàn Mặc Tử mới đề tên tôi vào tập thơ và bảo Chế Lan Viên đề tựa chứ tôi chỉ là một ông phán tòa sứ, chỉ biết oui cùng non chứ không biết gì về thơ cả. Nguyễn Vỹ yêu cầu tôi trả lời, nhưng tôi đã im tiếng luôn. Một quyển sách ra đời mà được đề ý như thế tôi cho là thú vị chứ không phật ý."

Khách sùng sốt: "Làm thơ mà cũng có người ghét đến như vậy à?"

Cụ chỉ mỉm cười không đáp. Một thời gian im lặng

Khách nói tiếp: "Xin cụ cho biết cụ đã sáng tác được bao nhiêu tác phẩm rồi?"

Cụ nói: "Từ sáu mươi năm nay tôi đã hoàn tất được 15 tập thơ, dịch 3 tập thơ, làm 1 tập văn tế và viết thêm trên 50 tập văn xuôi. Nhưng mới xuất bản được 5 tập thơ, 1 tập thơ dịch và 8 tập văn xuôi."

Khách vui mừng: "Cụ sáng tác khoẻ như vậy, thật đáng phục."

Cụ cười nhẹ: "Cả đời tôi chỉ có biết viết, có gì mà phục với không phục? Nay đã mù rồi, chỉ tiếc là không được đọc thêm và viết thêm thôi."

Cụ thở dài: "Viết như vậy chẳng biết còn ai đọc mình nữa không, chứ đừng nói là ai hơi dẫu in sách tôi nữa?"

Khách lạc quan: "Cụ yên tâm. Còn nhiều người đọc sách cụ. Thời cơ in sách cụ rồi sẽ đến."

"Tôi già rồi. Người ta để cho tôi yên là may lắm rồi."

Trước khi từ biệt, cụ lấy ra một tấm hình hình mới chụp tặng khách "để ghi lại cuộc tri ngộ này."

Tấm hình màu được chụp ngay căn phòng chủ khách đang nói chuyện. Quách Tấn ngồi trên giường, mặc bộ quần áo trắng

giản dị hàng ngày, tay phải đặt trên đầu gối, tay trái dựa trên đồng sách quý để trên giường. Đôi kính đen che mắt nhà thơ. Nụ cười thật niềm nở, cõi mở.

Ngay sau lưng nhà thơ, một cái chổi tre lớn treo lủng lẳng trên bức tường vôi, chắc đã được tận dụng để quét bụi trần.

Khách từ già lên đường. Bước ra khỏi căn nhà, ánh sáng làm khách hoa mắt. Ra khỏi ngõ hẻm lạng lẽ, đến phía chợ đã thấy ồn ào, náo nhiệt của cuộc sống hàng ngày.

Nguyễn Lạc (Paris 6.2.93)

Hạc điểm canh

Giọt lệ Tiên Điền khóc Tiểu Thanh
 Mình riêng nhỏ lệ khóc riêng mình
 Nửa đời ngọn thép un mây thắm
 Một nhaoáng lòng dâu trúc biển xanh
 Trăng nước có thương vân độc tỉnh?
 Lửa hương dành phụ giá Liên Thành
 Tìm về núi cũ xem mai nở
 Mong bên ngàn xạ hạc điểm canh.

1975 - 76

Không đề

Ngày cũng như đêm chẳng thấy gì
 Không làm thơ nữa biết làm chi
 Cho còn ra sống cho tiêu muộn
 Dẫu có vô duyên dẫu lỗi thì
 Hạc rử mộng sang thuyền Xích Bích
 Ến đưa tình tới ngõ Ô Y
 Đàn ai tiếng vọng ngoài mây nước
 Biết có còn ai nổi Tử Kỳ?

1990 - 1991

Tấm mào
 Bút tích Xuân Tâm
(Handwritten text in cursive script)
 Nguyễn Đan Bính
 (17-2-1988)

Bút tích Quách Tấn (Những chỗ chữa lại là do nhà thơ đọc cho con trai viết thay)

Việt và

Nhật

Shiba Ryôtarô

Vĩnh Sính dịch

Lời giới thiệu : Shiba Ryôtarô (Tư-Mã Liêu-Thái- Lang ; sinh năm 1923) là bút hiệu của Fukuda Teiichi. Ông ta là một cây bút nổi tiếng ở Nhật. Ông bắt đầu viết văn từ năm 1953 ; những tiểu thuyết lịch sử của ông đã đoạt nhiều giải thưởng văn học danh tiếng ở Nhật. Các tác phẩm này dựa trên những nghiên cứu và điều tra tài liệu nghiêm túc một lối nhìn nghiêm túc (thường được gọi " là sử quan của Shiba "). Độc giả ở Nhật, kể cả giới nghiên cứu sử học chuyên nghiệp, rất tán thưởng những tác phẩm có chiều sâu và chiều rộng của ông. Văn ông nhẹ nhàng, nhưng hàm súc, có lối chuyển ý độc đáo - làm người đọc liên tưởng đến văn Sơn Nam.

Ông Shiba đã đi Việt Nam và có viết một du ký rất sâu sắc về chuyến đi này. Bài tùy bút giới thiệu sau đây đã đăng trên tạp chí **Bungei shunju** (tháng 2, 1990), viết vào lúc những thuyền chở người Phúc Kiến giả dạng thuyền nhân Việt Nam đến Nhật Bản từ đợt này sang đợt khác.

Người dịch đã cố gắng giữ nguyên cách phân đoạn giống như trong nguyên tác tiếng Nhật, mặc dầu cách phân đoạn này có vẻ là lạ trong tiếng Việt.

Những chữ trong dấu ngoặc [] là lời chú thích của người dịch.

Trong khu vực văn minh Hoàng Hà phát triển ở Hoa Bắc ngày nay - nơi ngày xưa dân Hán đã gọi bằng danh từ " Trung Nguyên " hoa mỹ - người ta không biết có lúa. Chữ " mễ " 𥝱 [gạo] khi mới đặt ra dùng để chỉ tất cả các cốc loại tổng quát.

Trong khi đó, trên lưu vực Trường Giang ở Hoa Trung, con người đã chân lấm tay bùn trồng lúa nước, và gạo là lương thực chủ yếu.

Vùng lưu vực Trường Giang có nền canh nông trồng lúa này gọi là Sở, không có dân Hán cư ngụ. Nhìn từ góc độ của Trung Nguyên, Sở là man địa [đất mọi rợ].

Nguồn gốc xa xưa của nông nghiệp trồng lúa ở Trung Quốc phát xuất từ Vân Nam, một vùng cho đến thế kỷ III sau Công Nguyên vẫn còn được xem là man địa.

Sau lưng Vân Nam là những vùng trồng lúa mênh mông của Đông Nam Á và Ấn Độ. Nói một cách khác, khu vực trồng lúa trên lưu vực Trường Giang là biên giới tận cùng về phương Bắc của những dân tộc trồng lúa ở Đông Nam Á.

Đến khoảng thời Xuân Thu Chiến Quốc (770 - 221 trước C.N.), thế lực của nước Sở trên lưu vực Trường Giang ngày càng trở nên hùng mạnh, uy thế áp đảo cả những nước Trung Nguyên. Lý do chắc hẳn vì lúa có thể nuôi được nhiều người hơn so với các cốc loại khác.

Thế rồi, ruộng lúa ngày càng nhiều ở khu vực hạ lưu Trường Giang ; cư dân tụ họp ngày càng đông. Sở nằm trên địa phận tỉnh Giang Tô ngày nay, Tô Châu dần dà trở thành kinh đô nước Sở.

Nước Ngô thời cổ đại, nhìn từ Trung Nguyên thì cũng giống như Sở, chỉ là man địa. Trên thực tế, thời Xuân Thu, dân vùng này trong dáng dấp bên ngoài cũng đã khác dân Hán : đàn ông không búi tóc, lại thêm có tục xăm mình.

Cũng khoảng thời Xuân Thu, ở miền Nam nước Sở thuộc tỉnh Chiết Giang ngày nay, một quốc gia có nông nghiệp trồng lúa và dân số ngày càng đông gọi là Việt xuất hiện.

Việt giống Ngô, từ việc ăn cơm cho đến các phong tục.

Người Việt xăm mình, để tóc ngắn, biết lặn xuống sông, hồ để bắt cá. Khu vực văn minh Trung Nguyên sợ nước, vì có nền văn hoá không gần gũi với nước nên nội chuyện người Việt biết bơi lội thì hình như cũng gây nên ấn tượng Việt là dã man mọi rợ.

So với dân các nước Trung Nguyên, tính tình dân ba nước Sở, Ngô, Việt hình như có nhiều nét giống nhau.

Tỷ dụ như khuynh hướng dễ phát cáu, hay gây gỗ ; thay vì lý trí, dễ bị tình cảm lôi cuốn.

Ngô Việt không mấy thích nhau. Khoảng năm 500 trước CN, Ngô Việt hăm hực đánh nhau hơn ba mươi năm.

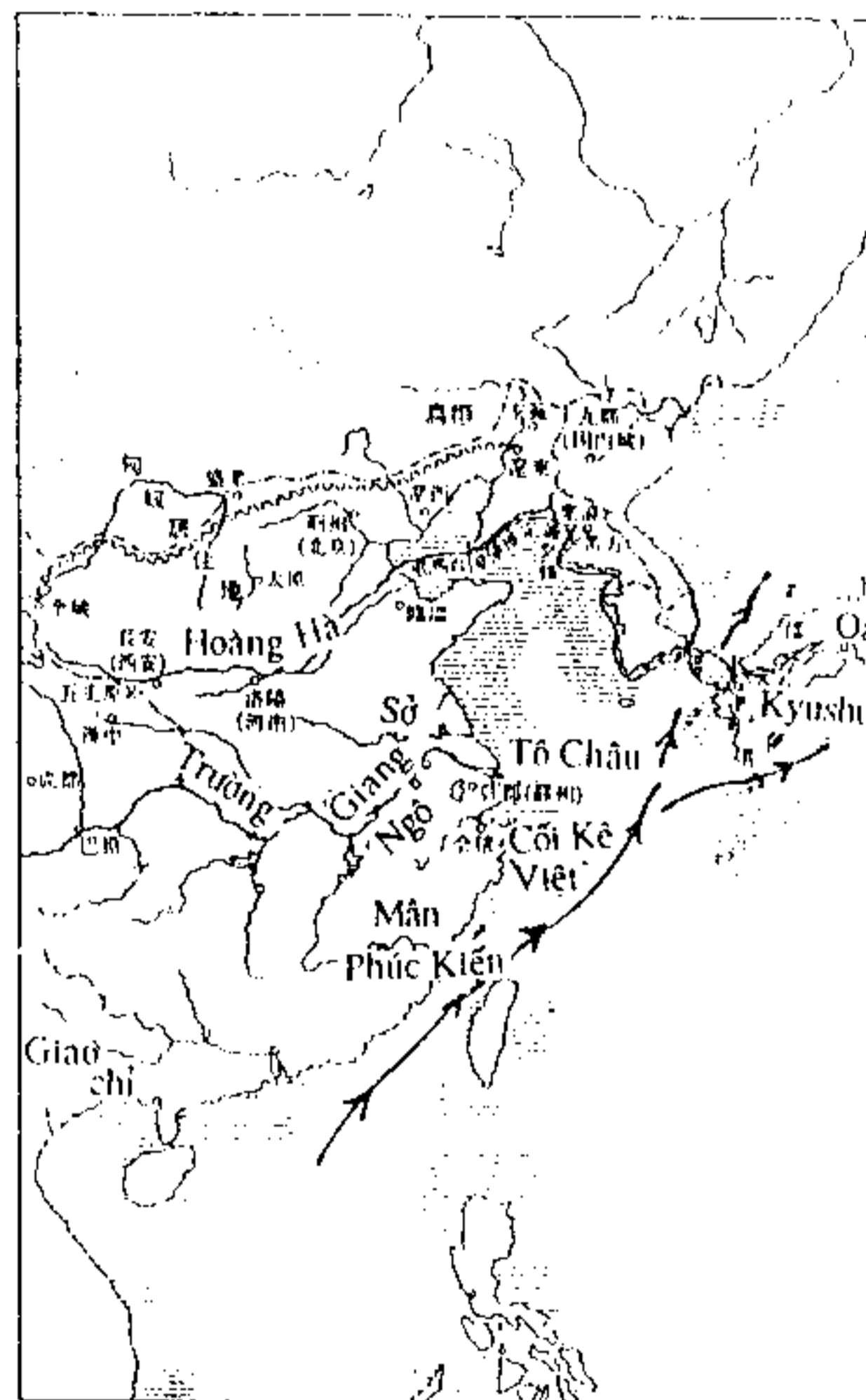
Nói nửa đùa, chú dân sống nhờ lúa vì phải ăn với thức ăn có vị muối, nên cuối cùng có lẽ vì lượng muối trong cơ thể quá nhiều nên dễ nổi nóng. Thêm vào đó, hình như họ lại thiếu canxi (calcium). Thiếu canxi hình như khiến người ta dễ nóng tính.

Tiện thể xin nói thêm là Việt có địa bàn ở Chiêu Hưng tỉnh Chiết Giang ngày nay, xưa gọi là Cối Kê.

Tiếng nói ở Sở, Ngô, Việt ngày xưa đều khác tiếng Trung Nguyên và thuộc ngữ tộc của các tiếng Đông Nam Á.

Vào thời Chiến Quốc, ngay ở man địa là nước Sở cũng đã xuất hiện nhà tư tưởng Hứa Hành.

Hứa Hành đề xướng chủ nghĩa giai nông, chủ trương là cấp thống trị từ vua chúa trở xuống đều phải cày cấy và phải



sống đơn giản như thường dân. Chủ nghĩa giai nông nói một cách khác là chủ nghĩa bình đẳng, không phân nghiệp [division of labour], phủ nhận kinh tế thị trường và tôn trọng cần lao.

Người chống đối Hứa Hành mãnh liệt nhất là Mạnh Tử (372 - 289 tr. CN) của phái Nho giáo.

Mạnh Tử bắt những người đã bỏ Nho giáo đi theo Hứa Hành lại để thuyết pháp, bảo rằng thuyết của Hứa Tử (Hứa Hành) là mị dân, không tưởng (xem sách **Mạnh Tử**, chương “Đằng Văn Công”). Cuối cùng Mạnh Tử hoàng hốt la lối:

“Thằng đó (Hứa Hành) là dân man di mọi rợ”, rồi quả mắng: “Các người nghĩ xem, làm sao người văn minh lại để cho dân mọi rợ cảm hoá; huống nữa tiếng nói của nó là ‘nam man quyết thiết’”.

‘Quyết thiết’ có nghĩa là tiếng kêu của chim quyết (‘nam man’ là miền Nam mọi rợ). Chửi người ta mọi rợ đến thế là cùng.

Việt 越 chữ Hán còn viết là 粵. Vào cuối thời Xuân Thu, nước Việt được hình thành quanh vùng Cối Kê.

Phía Nam (nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông) vào thời Mạnh Tử cũng là man địa; có nhiều dân tộc trồng lúa gọi chung là Bách Việt 百越 (粵) cư ngụ.

Vùng cư ngụ của Bách Việt thật là rộng lớn. Theo **Hán Thư** vùng này “trải rộng từ Giao Chỉ (thuộc Việt nam ngày nay) cho đến Cối Kê”. Tóm lại, nói theo danh từ địa lý ngày nay, vùng đất của người Việt bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông cho đến [miền Bắc của] Việt Nam trên bán đảo Đông Dương.

Vương triều của Việt kéo dài không lâu. Thời hưng thịnh nhất hầu như tập trung vào thời Việt Vương Câu Tiễn (bắt đầu từ năm 496 trước CN) và dựa trên những sự nghiệp anh hùng của vị vua lừng danh này. Sau khi Việt vương Câu Tiễn mất, Việt càng ngày càng suy yếu, cuối cùng bị Sở diệt.

Phải chăng sau khi Việt bị diệt vong, một số di thần đã nương theo dòng hải lưu Tsushima [Đối Mã] để tìm đến Kyushu [Cửu Châu] và mang kỹ thuật trồng lúa sang Nhật? Từ lâu người ta đã hình dung như vậy.

Lý do là thời điểm Việt bị diệt vong và thời điểm nền nông nghiệp trồng lúa dựa vào Kyushu xảy ra cùng một niên đại.

Nói vậy không có nghĩa rằng chỉ có người Việt là tổ tiên của người Nhật: Trước thời đại Yayoi¹ là lúc nông nghiệp trồng lúa xuất hiện ở Nhật có thời đại văn hoá Jōmon [Thăng văn]² kéo dài từ khoảng vài ngàn năm cho đến một vạn năm.

Ông Egami Namio (một học giả ngành khảo cổ học) đã từng nói: “Chủ nhân của văn hoá Jōmon đã để lại các di tích khắp nơi trên nước Nhật”.

Những di tích này không chỉ tìm thấy ở Hokkaidō [Bắc Hải Đạo] mà còn được phát hiện từ phía Nam đảo Chishima ở miền Bắc cho đến ngay trên hòn đảo chính của quần đảo Okinawa và các đảo rời rạc khác ở miền Nam. Xem thế cũng đủ thấy là chủ nhân của văn hoá Jōmon rất chủ động và hiếu kỳ. Nếu xem các đồ gốm hoa lệ có hình dạng như những ngọn lửa đang bùng nổ bốc cháy được chế tạo vào khoảng 3000

trước CN thì chúng ta cũng có thể hình dung được tinh thần năng động của họ.

Tuy nhiên, giả thử nếu nền nông nghiệp trồng lúa không được truyền sang Nhật thì khó lòng bảo đảm lương thực một cách thường xuyên và sinh hoạt sẽ không thể nào được ổn định nếu chỉ dựa vào săn bắn và hái lượm. Nếu nghĩ rằng chính hình thức định trú dựa trên nông nghiệp đã tạo điều kiện để văn hoá ngày càng phát triển thì quả việc bắt đầu nền nông nghiệp dưới dạng thức của văn hoá Yayoi là một sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử Nhật Bản.

Khó xác định được ai là những người đầu tiên đã đem lúa vào Nhật Bản. Phải chăng họ là người Việt? Hay phải chăng họ là những người đi từ miền Nam bán đảo Triều Tiên? Hay phải chăng họ là tập hợp của cả hai nhóm đó?

Điều có thể khẳng định là đàng nào đi nữa thì họ cũng là những “thuyền nhân tỵ nạn”.³

Chúng ta cũng biết chắc là sau khi nước Việt bị diệt vong, phần đông người Việt đã đi về miền Phúc Kiến và Quảng Đông ngày nay.

Đặc biệt những người đi về vùng Phúc Kiến được gọi là “Mân” [閩], sau đó họ dựng lên một nước thổ hầu đặt tên là Việt Quốc. Khu vực này mãi về sau mới bị Trung Quốc đồng hoá (vào khoảng cuối thế kỷ IX tức là cuối Đường).

Sách **Ngụy Chí Oa Nhân Truyện** [của Trung Quốc] biên soạn vào thế kỷ III (sau CN) mô tả về “Oa nhân” [nghĩa đen là “người lùn”, dùng để chỉ người Nhật ngày xưa] có câu: “Dân ông xăm mình hình cá voi đủ các cỡ lớn nhỏ rất đẹp”.

Hoặc giả: “Họ thích lặn xuống nước để bắt cá bắt sò; nhờ có xăm hình nên không sợ những loài cá lớn gây tai hại”. Phần mô tả này giống hệt phần mô tả về người Việt trong thư tịch cổ [của Trung Quốc]. Thật là cảm động.

Đến đây chúng ta không khỏi không liên tưởng đến những tin tức [trên báo chí và đài truyền hình Nhật Bản] về việc những thuyền nhân Phúc Kiến vừa đến Nhật Bản [vào đầu năm 1990]. Họ giả dạng người tỵ nạn Việt Nam, tìm đến đất Nhật Bản xa xôi bằng những chiếc thuyền rách nát, từ đợt này qua đợt khác.

Theo dõi tin tức qua đài truyền hình, khi nhìn những chiếc thuyền rách nát trôi dạt trên Đông Hải, tôi không thể không liên tưởng đến chuyện này chuyện nọ về người Việt thời cổ đại, rồi tự dung cảm thấy mình như đang say qua hơi men một ly rượu cổ.

Tuy nói là cổ đại, nhưng thực sự câu chuyện xảy ra mới chỉ khoảng có hai ngàn mấy trăm năm nay, nào có xưa gì so với thời đại đồ đá cổ!

Shiba Ryōtarō

1. Từ năm 250 trước CN đến năm 250 sau CN. Gọi theo tên của một khu vực ở Tokyo, ở đó di tích của nền văn hoá này được tìm thấy lần đầu tiên vào năm 1884.

2. Hình dây thừng.

3. Những người Triều Tiên di dân sang Nhật thời cổ đại cũng vì những biến cố chính trị xảy ra trên bán đảo Triều Tiên vào thời đó.

điểm sách mới



Phạm Thị Hoài

TỪ MAN NƯƠNG ĐẾN AK và những tiểu luận

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Phạm Thị Hoài vừa được Hợp Lưu (P.O. Box 277, GARDEN GROVE, CA 92642) xuất bản tại Hoa Kỳ. Bìa của họa sĩ Khánh Trường, phụ bản của Đinh Cường, Cao Xuân Huy đánh máy và Phan Tấn Hải trình bày. 190 trang, giá 10 USD.

Bản thảo tác phẩm đã rời Việt Nam tháng 9 và đến Paris tháng 10 năm 1992. Một số người tâm huyết với văn học nước nhà đã cố gắng vượt mọi trở lực để tác phẩm chào đời tại hải ngoại.

Đây là một tác phẩm giá trị, một cái mốc quan trọng trong tiến trình văn học nước nhà những năm gần đây, qua lối viết khai phóng của Phạm Thị Hoài về mặt văn phong cũng như tư tưởng. Và đây là tác phẩm đầu tiên mà tác giả trực tiếp gửi bản thảo từ trong nước ra để xuất bản tại hải ngoại.

Chúng tôi sẽ trở lại tác phẩm này trong một số sau.

Thuy Khuê

Đặng Hữu Thụ

LÀNG HÀNH-THIỆN VÀ CÁC NHÀ NHO Hành-Thiện triều Nguyễn

Tác giả xuất bản tại Pháp, không đề giá, 430 trang.

Làng Hành Thiện nổi tiếng về truyền thống khoa cử với những dòng họ lớn, về số lượng trí thức và viên chức phục vụ trong các chế độ, và về những nhân vật hoạt động cách mạng trong phong trào Đông Du, hay về sau này, Nguyễn Thế Truyền và Đặng Xuân Khu (Trường Chinh, hai lần làm tổng bí thư Đảng cộng sản).

Cuốn sách của ông Đặng Hữu Thụ tập hợp một cách công phu những tư liệu và thông tin liên quan tới các nhà nho Hành Thiện dưới triều Nguyễn (1802-1945), đồng thời cung cấp cho người đọc những tài liệu về cái làng khá đặc biệt này. Chỉ cần nêu ra hai điểm. Thứ nhất, về khoa cử, trong khoảng một thế kỷ khoa thi triều Nguyễn, Hành Thiện có 145 tú tài, 88 cử nhân, 4 phó bảng, 3 tiến sĩ, vượt xa hai làng nổi tiếng khác ở Bắc Bộ là Cổ Am và Đông Ngạc, cũng như ba làng tương tự ở Trung Bộ là An Đông (Hà Tĩnh), La Hà (Quảng Bình) và Võ Liệt (Nghệ An) — nói công bằng, làng Đông Ngạc hơn Hành Thiện ở số người đỗ đại khoa (9/7), nhưng thua xa về số cử nhân (33/88). Thứ nhì, làng này đất hẹp, người đông (mật độ năm 1945 là 4000 người/km vuông), diện tích canh tác chỉ có 500 mẫu ta, mà có tới 100 địa chủ mà ruộng đất ở các làng, tỉnh lân cận và ở cả Long Xuyên (500 ha). Cũng do đó mà trước năm 1954, Hành Thiện đã có khoảng 200 người hành nghề tự do ở các thành phố.

Tác giả đã bỏ ra nhiều công phu tìm đọc sách báo, hỏi chuyện người đồng hương và tham khảo các bộ gia phả để soạn ra tập chuyên đề bổ ích này. Tất nhiên đây mới chỉ là một sơ thảo, chính tả và dấu thanh còn nhiều sai sót, thí dụ : tên ông thành hoàng làng Hành Thiện, nhà sư Dương Không Lộ (đời Trần), đã trở thành... Khổng Lồ (tr. 12-13).

Mấy năm trở lại đây, nổi lên phong trào trở về với truyền thống làng xã, tông tộc ở trong nước và ở hải ngoại, với tất cả những yếu tố tích cực và tiêu cực của nó. Làng Hành Thiện đi đầu trong việc này, vì đã giàu truyền thống. Có lẽ Hành Thiện là làng Việt Nam duy nhất mà hiện nay, mỗi năm vào dịp Tết, có những cuộc họp đồng hương hoặc đồng tộc ở cả Hà Nội, Sài Gòn, Paris và California.

Đọc xong cuốn sách của cụ Đặng Hữu Thụ, một kho tư liệu quý về một thời đã qua, tôi ước ao sớm có những nhà xã hội học và dân tộc học lấy Hành Thiện và người Hành Thiện ở Việt Nam và trên thế giới làm đề tài nghiên cứu khoa học. Ước ao ấy có viễn vông quá chăng ?

Kiến Văn

Nguyễn Ngọc Lan

NHẬT KÝ 1990-1991

Nhà xuất bản TIN, Paris, 1993, 384 trang, giá 100 FF. Đặt bán tại các nhà sách Sudestasia, Nhà Việt Nam (Paris 5), Khai Trí (Paris 13). Qua bưu điện (cộng thêm 30 FF cước phí) : ĐỖ Mạnh Tri, 6 rue Chère Année, 94370 SUCY-EN-BRIE (France)

Tập *Nhật ký 1989-1990* mà nhà xuất bản TIN công bố đầu năm 1992 ngừng khoảng tháng 4.1990, tức là một tháng trước khi chính quyền Việt Nam quyết định quản chế tại gia ông Nguyễn Ngọc Lan và đưa linh mục Chân Tín xuống Cần Giờ quản thúc. Tập *Nhật ký 1990-1991* vừa được phát hành cho chúng ta đọc tiếp những trang ghi chép của Nguyễn Ngọc Lan trong thời gian hơn một năm quản chế. Lần này, những trang nhật ký được viết dưới dạng những lá thư gửi linh mục Chân Tín. Và, một cuốn sách thành hai, chúng ta được đọc cả một số thư của linh mục Chân Tín.

Đọc lập với mọi xem xét chính trị, *Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan* là một chứng từ quý giá về một thời kỳ, một tình thế, về một con đường. Đối với riêng tôi, phải đọc báo mà nuốt không trôi văn chương của báo Sài Gòn giải phóng, thì anh Lan đã làm hộ công việc điểm báo công phu và dí dỏm. Những ai không thích lối châm chọc của tác giả sẽ tìm thấy ở văn phong Chân Tín một cái gì trầm tĩnh, nhân hậu hơn.

Cố nhiên, nói tới hai nhân vật trí thức này của Sài Gòn, làm sao không nói tới chính trị cho được. Đến tháng 5 này, hai ông sẽ bị quản thúc vừa đúng 3 năm, nghĩa là kỳ hạn do chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh quy định. Mục đích của quyết định này là dập tắt tiếng nói của hai cá nhân. Mỗi ngày trôi qua, hay lần giở mỗi trang *Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan*, mọi người thấy rõ sự vô hiệu của biện pháp hành chính và sự bất lực (may thay) của chính quyền. Linh mục Chân Tín bị đưa cách xa thành phố 70 cây số, ông Nguyễn Ngọc Lan không được ra khỏi phường, nhưng tiếng nói của họ vẫn cất lên, họ vẫn gặp bạn bè bốn phương qua thư từ, điện thoại, và những cuộc thăm viếng. Và những buổi "làm việc" với công

an càng cho thấy rõ chính quyền ngày mỗi đuối lý. Ba mươi sáu chức, tốt hơn cả là chính quyền trung ương hãy ra quyết định bãi bỏ lệnh “cấm vận” đối với linh mục Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, coi đó là một sự sống sáng không cần thiết của địa phương. Trả lại tự do hoàn toàn cho hai ông trước cả kỳ hạn 7.6.1993, cũng là một cách giành thế chủ động, và chùng nào chúng tỏ thiện chí.

Nói cho con người

HỒ SƠ CHÂN TÍN

Nhà xuất bản TIN, Paris, 1993, 72 trang (khổ lớn, A4), giá 30FF. Đặt bán tại các nhà sách Sudestasie, Nhà Vietnam (Paris 5), Khai Trí (Paris 13). Qua bưu điện (cộng thêm cước phí 7.5 FF) : ĐỖ Mạnh Tri, 6 rue Chère Année, 94370 SUCY-EN-BRIE (France).

Tập hồ sơ này bổ sung những trang thư của linh mục Chân Tín gửi Nguyễn Ngọc Lan (xem Nhật ký 1990-1991 nói trên). Tập hợp một số bài viết của Chân Tín sau năm 1975, đặc biệt là ba bài giảng *Sám hối* đã làm nhà cầm quyền nhức nhối và đi tới quyết định quản thúc nói ở trên, không những đối với linh mục, mà cả bạn ông, Nguyễn Ngọc Lan, mà chính quyền nghi là người chấp bút.

Kiến Văn

Nguyễn Kiến Giang

VIỆT NAM : Khủng hoảng và lối ra

Nhà xuất bản Trăm Hoa, P.O. Box 4692, Garden Grove, CA 92642, 1993, 140 trang, giá bán 8 USD.

Sách gồm 3 bài, viết trong khoảng từ tháng giêng 1990 cho đến tháng 3.1991 :

1. Đi tìm lời giải mới của chủ nghĩa xã hội (*Mấy suy nghĩ về vận mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội*). Thêm đoạn “*Mấy điều nói thêm*” dài hơn một trang ở cuối bài.

2. Vấn đề con người đang được đặt lại (*Một chủ nghĩa nhân văn mới sắp ra đời*).

3. Khủng hoảng và lối ra.

Các bài viết được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Hai bài đầu bàn về những vấn đề khái quát đi từ các loại hình và quan điểm chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa nhân văn cổ điển, chủ nghĩa nhân văn mới... Bài cuối cùng khảo sát vấn đề và đề nghị giải pháp cho cơn khủng hoảng toàn diện hiện nay ở Việt Nam.

Qua “*Mấy điều nói thêm*”, tác giả trần tình với người đọc tại sao ông viết “*bản đề cương*” này. Trở thành một “*người cộng sản chính cống*” từ năm 16 tuổi, đến bây giờ, ở tuổi đã lục tuần, ông viết : “*Từ trong chiều sâu tâm hồn tôi vẫn tự coi là người cộng sản, hơn nữa một người cộng sản kiên định, dù trải qua những thử thách mà tôi không hề lưỡng lự*”.

Nói về cuộc đời mình cũng vì tác giả muốn làm rõ một điều : “*viết bản đề cương này không phải là kết quả của một giây phút suy nghĩ bất thần, một ‘con húng’ chốc lát, mà thật sự đây là kết quả của một đời người (gần như thế) thể nghiệm chủ nghĩa cộng sản bằng trí tuệ và hành động của chính bản thân mình. Nghĩa là kết quả của một cuộc ‘tự lột xác’ không phải không đau đớn*”.

Dù đau đớn là thế, tác giả đã “*không thể không viết ra*”. Trước hết vì một “*thôi thúc nội tâm*”, như người ta thường nói.

Không viết không chịu được, đơn giản có thể thôi. Viết để tự giải đáp, viết để ghi lại một nhận thức đã đạt tới ở thời điểm này”.

Khi phần nào hiểu được nỗi đau của tác giả, người đọc sẽ phải trân trọng quyển sách trong tay hơn nữa do thái độ viết bình tĩnh, sự sáng suốt và chùng mực trong tư duy và lý luận, về cung cách ôn hoà của ông, ngay cả những lúc nhiệt tình, sôi nổi nhất. Và, đáng quý hơn hết vẫn là sự rít rạo, công minh, trong hoàn cảnh cho phép, qua việc phân tích, phê phán cả một nền nếp tư duy (và hành xử) không phải chỉ lỗi thời mà còn đi chệch đường tiến hoá chung của nhân loại, mà ông cũng đã từng ôm ấp, theo đuổi trong một phần đời.

Song có lẽ điều mang lại nhiều thú vị cho người đọc là những lý giải các vấn đề hiện tại, cùng với những dự phóng về một “*hình thái xã hội mới*” cho tương lai. Cũng bằng những lập luận nghiêm chỉnh, chùng mực, vừa không sợ phiền lòng ai, mà cũng chẳng nhắm làm vừa lòng ai, tác giả cho rằng ta “*có thể dự đoán một chủ nghĩa nhân văn mới đang thành hình*”.

Dù bàn tới điều đang tàn lụi hay những nhận thức lý luận mới, vốn tri thức của tác giả, hay nói đúng hơn, nỗ lực tìm hiểu và thu nhập các tri thức của thời đại, luôn luôn hiển hiện trong suốt tác phẩm.

Đây là một quyển sách, do sức hấp dẫn của đề tài và phong cách viết cô đọng mà sáng sủa của tác giả, ta có thể đọc xong một mạch trong vài tiếng đồng hồ.

Đây cũng là quyển sách ta sẽ thấy cần trở lại, thật nhiều lần, để kiểm điểm và suy ngẫm thêm về những gì tác giả viết ra. Để lật đi lật lại những gì mình đồng ý hoặc chưa đồng ý với tác giả. Vì như tác giả đã nói, quyển sách nhỏ này (nhỏ một phần do sự chắt lọc, cô đọng cố ý của tác giả) thật sự chứa đựng những thu hoạch, suy nghĩ, ray rứt và tìm kiếm của gần trọn một đời người.

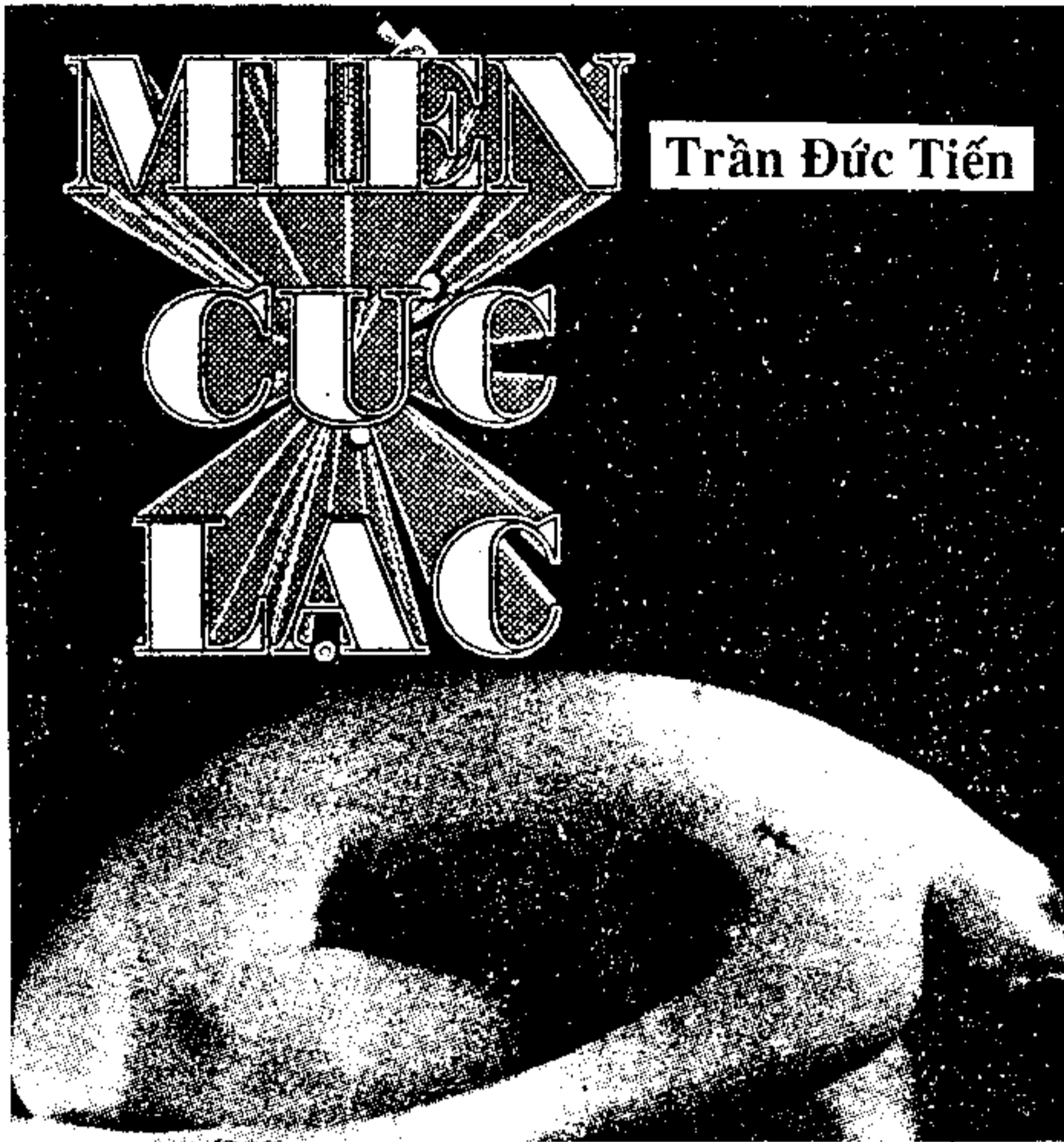
Ồ hải ngoại, chúng ta chưa có nhiều dịp để đọc Nguyễn Kiến Giang, mặc dù ông còn viết với bút danh khác như Lương Dân hoặc Lê Diên. Do đó, nhiều người đọc sẽ náo nức chờ đọc thêm những gì ông sẽ viết thêm, vì ông còn tâm sự : “*Còn bao nhiêu điều phải nói, muốn nói mà chưa thể nói lên. Đành hẹn một cơ hội khác mà chính người viết không biết có hay không*”.

Sau hết, xin có vài lời trân trọng dành cho nỗ lực của nhà xuất bản Trăm Hoa. Trong chợ chữ nghĩa hôm nay, tìm và in được một bản thảo quý hiếm từ một tác giả như Nguyễn Kiến Giang là điều khó và táo bạo. Đáng tiếc là những lầm lỗi kỹ thuật, dù không thật sự nghiêm trọng nhưng khá nhiều, còn sót lại trong suốt quyển sách. Mong rằng lần tái bản chúng ta sẽ có một ấn bản hoàn mỹ hơn của một tập sách quý.

Nguyễn Lộc

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN THẾ UYÊN

Diễn Đàn vừa nhận được *Tuyển tập truyện ngắn* của nhà văn Thế Uyên (Nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành lần thứ nhất, tháng 12.1992, bìa của Nguyễn Khai, 252 trang, 10 USD). Gồm 11 truyện ngắn, trong đó nổi bật là “*Căn nhà người mẹ*” được tác giả viết thêm, 20 năm sau, tại Hoa Kỳ. Xin cảm ơn Thế Uyên và trân trọng giới thiệu với bạn đọc.



P, bốn mươi tuổi, cao một mét sáu mươi, mười bảy năm phục vụ trong ngành thống kê, là một người đàn ông trông vẻ ngoài không có gì đặc sắc so với những người đàn ông-viên-chức khác, ngoại trừ một số tật nhỏ là hay đỏ mặt.

Ông sống trong một khu tập thể nghèo nàn nhưng yên tĩnh, không hề có ý định giao du với bất cứ ai và nói chung cũng không ai hơi đâu để ý đến ông.

Hàng ngày ông đạp xe đi làm và từ chỗ làm trở về nhà theo một lộ trình đã ổn định từ mười bảy năm nay. Trên quãng đường ấy, thỉnh thoảng P. gặp lại một người quen cũ – một bạn học từ thuở xa xưa hay một người nào đó đã từng biết ông qua những lần giao dịch công tác. Những người này mỉm cười gật đầu chào ông. Có người thân ái hơn thì dừng hẳn xe lại, bắt tay hỏi han đôi ba câu ân cần. Mỗi lần như vậy, P. đỏ văng hết cả mặt mũi, nói năng lắp bắp, cử chỉ lúng túng cực kỳ khó coi. Ông còn phải tiếp tục sống trong tâm trạng thảng thốt, rất lâu sau đó, giống như người suýt bị bắt quả tang vì một việc làm ám muội.

Đã nhiều năm trôi qua như vậy, và cuộc đời của P. có lẽ chẳng còn gì phải nói nếu không muốn làm cho nó thêm loãng nhạt. Cho tới một buổi sáng tháng mười năm một ngàn chín trăm chín mươi một... Sáng ấy trên đường tới sở, P. bất chợt gặp một đám đông đang xúm xít quanh một chiếc xe tải đổ chèn ềnh giữa dòng đường. Nhìn vẻ mặt hiếu kỳ của mọi người, ông đoán ngay : tai nạn giao thông. Giá như mọi lần khác thì ông đã tìm cách lảng xa – ông vốn là người lịch sự và luôn luôn chấp hành nghiêm chỉnh các lề luật ở nơi công cộng. Nhưng hôm đó không hiểu có một sức cảm dỗ ma quái nào đó đã khiến ông dừng xe và ngó cổ vào. Trên nền đường, ngay cạnh bánh xe tải, xác một người đàn ông nằm sóng sượt. Thi thể nạn nhân bầm dập, nhưng hàm răng lại đang nhe ra như cười. Điều này đột ngột gây cho P. một cú sốc rất mạnh. Ngay lập tức, ông ta hiểu rằng thực sự người kia không chết ! Linh hồn - tức cái phần còn sống, thậm chí còn tồn tại vĩnh cửu của y đã vọt thoát ra khỏi ngôi-nhà-thân-xác trong khi

ngôi nhà đó bị húc đổ và đập vỡ. Giờ đây, nó, cái linh hồn nhanh chân ấy, chắc hẳn còn đang quanh quẩn đâu đây, trên ngọn cây, thậm chí ngay trên nóc xe tải, và đang lặng lẽ cười vào mũi đám đông lảng xăng dưới lòng đường.

Có linh hồn thật không ? Có sự siêu thoát ngoạn mục của nó khỏi thể xác thô tạp và ngán ngấm hay không ? Thần kinh P. tập trung cao độ vào câu hỏi này. Đến nỗi, ông không hề biết rằng, con người ông – về mặt cơ thể – đang có sự chuyển đổi ráo riết. Phải đến khi nhìn thấy chính mình đang ngồi trên xe đạp, ông mới kịp kinh ngạc. Xe vẫn lăn bánh, còn gương mặt ông – gương mặt của con người đang ngồi trên xe ấy – thì lại trắng bệch như cái xác không hồn. Sau một cú va chạm mạnh vào lề đường, P. lồm cồm bò dậy và sực tỉnh.

Ông không dám nhảy lên xe đi tiếp. Người chưa hết run, ông dong xe đi bộ trên hè, cố làm ra vẻ bình thản, nhưng một nỗi hồi hộp thật khó tả khiến tim ông đập cuồng lên. Ông biết rằng, do một sự tình cờ, ông đã phát hiện ra cái khả năng dị thường của chính mình.

Cuộc thí nghiệm đầu tiên dự kiến vào lúc mười chín giờ ba mươi phút cùng ngày. Bữa cơm tối vừa kết thúc, mâm bát dọn đi, một mình P. ngồi nán lại bên bàn. Ông bình tĩnh pha một ấm trà. Suốt cả ngày hôm nay ông căng thẳng chờ đợi giây phút này. Đã có lúc lòng kiên nhẫn suýt bị đánh gục – P. định thử luôn ngay tại bàn giấy... Nhưng bây giờ, ông lại thấy cái khả năng phi thường đó không còn gì xa lạ với ông – ông muốn đem nó ra sử dụng lúc nào cũng được.

P. thong thả mở cặp, lấy ra tờ báo mới. Ngay trang nhất, báo đưa tin về cuộc thi hoa hậu đoàn trang toàn quốc. Cần phải nói thêm rằng, ở cái thành phố hẻo lánh của P. không mấy ai quan tâm đến cuộc thi, nhất là những người ở lứa tuổi ông và có hoàn cảnh sống tương tự. Nhưng P. thì ngược lại, ông âm thầm theo dõi ngay từ lúc cuộc thi khởi đi bước đầu tiên. Và khi đài phát thanh, trong bản tin chiều cách đây vài ngày loan báo kết quả, ông đã lặng lẽ mặc quần áo ra đường. Nói đúng hơn là cả thành phố quanh vắng lúc bấy giờ chỉ có mình P. đổ xuống đường, làm cuộc diễu hành chào mừng thầm lặng.

Trên trang nhất, những tấm ảnh màu tuyệt đẹp - kỹ nghệ in ấn mấy năm qua đã tiến một bước dài ! P. tò mò ngấm nhìn gương mặt hoa hậu. Không, quả thực ông không thích các hoa hậu nói chung. Vẻ đẹp của họ hoàn thiện quá, trí tưởng tượng của kẻ chiêm ngưỡng sẽ chết luôn cùng với niềm thần phục. Ông yêu các Á hậu hơn. Ông sẵn lòng chia sẻ với họ nỗi cảm thông trước một thắng lợi chưa tuyệt đối.

Á hậu thứ nhất đứng bên phải hoa hậu, không hiểu sao lại có vẻ mặt hơi buồn. Khi P. nhìn nàng bằng cái nhìn dịu dàng nhất mà ông có, đột nhiên nàng thay đổi thái độ. Từ trong trang báo, nàng khẽ nheo mắt lại – dấu hiệu nàng đã nhận ra ông, đồng minh đáng tin cậy, giữa cái đám đông có khiếu thẩm mỹ nông cạn ở trước mặt. P. cảm động ngây ngất. Sau cơn rùng mình khoan khoái, ông chợt thấy mình rơi tòm xuống một lòng giếng sâu hun hút, tối mù mịt. Gió thổi ù ù hai bên tai. P. hoảng hồn, cố vùng vẫy để thoát khỏi trạng thái rợn ngợp không trọng lượng, nhưng vô hiệu. May sao đúng vào lúc tưởng như hoàn toàn tuyệt vọng thì cuộc rơi bất ngờ

kết thúc. Một khoảng không chan hoà ánh sáng mở oà ra trước mắt P. Trong vùng ánh sáng siêu thực, ông nhìn thấy nàng – Á hậu thứ nhất – bằng xương bằng thịt. Cái chấm nhỏ xíu trên mép nàng trong bức ảnh đã hiện nguyên hình là một nốt ruồi son. P. thấy mình vững tin lên và hơn thế, ông còn hào hoa phong nhã chẳng kém gì ai.

– *Đợi anh đã lâu chưa!* – Ông hỏi.

– *Một thế kỷ!* – nàng đáp.

– *Thế cũng chưa gọi là lâu* – P. thở phào, tự nhiên nảy ra nhu cầu muốn triết lý – *có những người mãi mãi tìm nhau nhưng vĩnh viễn chẳng bao giờ gặp nhau. Còn anh và em thì...*

– *Tiền?*

P. ngừng bật. Ông ngơ ngác mắt một chút. Ông có nghe nhầm không đấy? Hình như là ông nhầm! Để khẳng định mình nhầm, ông dẫn lên một bước. Quả thực nàng đã ngoan ngoãn để cho ông hôn lên nốt ruồi son. Họ dắt tay nhau đi, phơi phới trong khoảng không bao la với thứ ánh sáng diệu huyền, P. còn định hỏi nàng một số câu hỏi nữa, tỉ dụ như: tại sao nàng yêu ông, nàng có hiểu ông không, nàng có tin rằng ông là người duy nhất trên thế gian này đánh giá đúng vẻ đẹp tâm hồn và thể xác nàng, vân vân... Nhưng không hiểu sao cái âm thanh chết tiệt ấy – “*tiền*” – cứ văng vẳng bên tai ông, khó chịu như tiếng vo ve của một con nhặng. Lại nữa: nàng vẫn mặc trên người chiếc áo thời trang còn nguyên cả biển số, hết như đang trong cuộc thi. Số 36! Chín nút. P. lại liên tưởng rất nhanh tới những biển số gắn sau đuôi xe máy. Chẳng là ông vẫn có thói quen mỗi lần đi ngoài đường lại nhẩm tính số nút của những chiếc xe máy phóng ào qua mặt. Thường là xe càng sang thì biển số càng “*đẹp*” – nghĩa là số nút càng lớn. Nút của nàng rất lớn... Rõ thật khỉ! Nhảm nhí đến thế là cùng. P. kiên quyết xóa bỏ những liên tưởng thô thiển chỉ chực làm phương hại đến cái không khí thần tiên mà ông đang đắm mình trong đó.

Cuối cùng, họ cũng đến được đích mà không quá phức tạp như ta tưởng.

Khi cả hai đã ngã mình trên bãi cỏ êm ái và P. chuẩn bị ngất lịm đi vì sung sướng, đột nhiên ông lại nghe:

– *Tiền?*

– *Gì cơ?*

– *Tiền!*

– *Tiền nào?*

P. dỏng tai lên để nghe cho rõ hơn thì lập tức tai ông bị tóm ngay lấy và xoắn đi khá đau. Trời đất bỗng tối sầm. Tất cả biến mất – chốn thần tiên cùng Á hậu tuyệt kỳ. Con đường

hầm hun hút. Gió thổi ào ào. Chớp mắt, ông đã hiện diện ở nhà mình bên chiếc bàn ăn. Tờ báo đẹp lặn xuống đất.

Những ngón tay tai ác nói lỏng vành tai của ông ra. Giọng bà vợ rin rít:

– *Chỉ khéo vờ vịt. Mê ngủ chắc? Tiền, tiền nào nữa... Hôm nay là mồng năm, nhớ chưa?*

P. hồi tỉnh, thừa nhận đúng hôm nay là mồng năm. Đã thành lệ, cứ đúng ngày mồng năm hàng tháng là bà vợ khảo tiền lương của ông. Nhưng lần này...

– *Hôm nay mồng năm, nhưng là tháng đầu quý, lương chậm.*

P. ôn tồn giải thích, đồng thời rất ngạc nhiên thấy có cái gì vương vương ở trong quần. Ông thoáng đỏ mặt. Lừa cho bà vợ ngồi xuống yên ổn ở chiếc ghế bên kia bàn, ông đứng dậy, áp úng đi vào nhà trong. Dáng đi lom khom khác hẳn thường ngày, nhưng may vợ ông không để ý – bà đang rầu rĩ vì chuyện tiền nong.



P. đi thẳng xuống nhà tắm, cẩn thận cài cửa lại. Ông tụt phăng chiếc quần vải mặc nhà rộng thùng thình. Bộ phận đàn ông trên cơ thể ông cương to, rắn chắc, nóng rẫy, bật văng ra như chiếc lò-so bị hãm. P. bàng hoàng. Rồi ông lập tức hiểu ra ngay đó là di chứng duy nhất của cuộc du hí vừa rồi trong miền cực lạc. Ông bần thần hồi lâu. Sau rốt, quyết định hạ nhiệt độ cho nó bằng cách tưới lên những gáo nước lạnh.

Tốn khá nhiều nước. Xong xuôi, P. thư thái bước lên nhà. Có một niềm vui trẻ trung, tuyệt mật, đang nhảy nhót trong lòng ông.

Vậy là cuộc thí nghiệm, mặc dù không được P. chủ động, vẫn cứ diễn ra và kết thúc khá thành công. Giờ đây bất kỳ lúc nào, chỉ cần khôn khéo hơn một chút, ông cũng có thể từ bỏ cái thế giới xám xịt và tẻ ngắt thường ngày để phiêu diêu sang một thế giới khác hoàn toàn như ý. Những lúc ngồi một mình trước cái bàn giấy lạnh tanh của cơ quan mà chẳng có việc gì làm. Những buổi tối vò võ bên bà vợ khắc khổ trong căn nhà nghèo nàn thừa muối và thiếu ánh sáng điện. Ông chẳng dại gì làm việc này khi đang đi trên đường. Và thích hợp hơn cả là sau bữa ăn tối lên ra ngồi ngoài sân dưới dàn hoa thiên lý. Ở đó, P. đã bố trí sẵn cho mình một chiếc ghế tựa. Từ cái sân bay bằng gỗ tạp hết sức khiêm tốn này, ông đã thực hiện bao nhiêu phi vụ tuyệt thú. Trong cái lãnh địa lý tưởng chỉ mình ông biết cách đặt chân tới, linh hồn ông mặc sức rong chơi, chạy nhảy tung tăng như đàn gia súc trên đồng cỏ tươi non.

Đã có lúc, lạy Chúa, ông muốn ở lại hẳn bên ấy. Ông định vĩnh viễn từ bỏ cái thế giới cứ khiến ông luôn luôn bị đỏ mặt! Có quá nhiều lý do chính đáng để ông làm việc này, kể cả

một thực tế mà nhờ có chuyên môn P. mới nắm được : theo những số liệu thống kê mới nhất, số người đổ mặt trên thế giới nói chung và trong nước nói riêng đang ngày một ít đi. Điều này khiến P. ngấm ngấm lo ngại. Tuy vậy, ông vẫn chần chừ. Ông chần chừ vì những lý do khác kém quan trọng hơn, nói đúng ra là những lý do cực kỳ vớ vẩn : chiếc xe đạp để ngoài sân quên chưa khoá, một tờ bạc rách chưa kịp dán lại... Và bà vợ... ôi chao, bà vợ ông, người đàn bà héo hơn giờ đây chỉ thạo nắm túi chông trong những ngày mồng năm hàng tháng. Một ngày xấu trời xa lắc nào đó, ông đã kết hôn cùng với bà : đã chung sống với bà từng ấy năm và đẻ ra một lũ con xem ra tương lai cũng chẳng có gì sáng sủa hơn bố, nghĩa là cũng ngờ ngác, âu sầu và rất hay đổ mặt. Ông không nỡ từ bỏ họ. Trong cái hành vi quay về của ông, bên cạnh sự khờ dại, còn có một nỗi buồn không phải ai cũng dễ dàng thông cảm.

Dần dà, với nàng Á hậu khả ái, lòng ngưỡng mộ của P. cũng ít nhiều bị thương tổn. Thực tình ông không làm sao phân biệt nổi ai là người đã đòi tiền ông hôm đó – vợ ông hay nàng ? Nghi ngờ thì rất khổ. Vả lại, trong cái thế giới hoàn mỹ kia không có chỗ cho sự nghi ngờ. Những chuyến bay vì thế đã có phần chệnh mảng. Chưa biết chừng chúng còn chấm dứt hẳn, nếu không bất ngờ xảy ra một sự việc khiến nguồn cảm hứng của ông được hâm nóng, và ông ráo riết chuẩn bị cho một cuộc phiêu lưu mới...

Hôm ấy, P. quyết định đi may một chiếc quần. Bình thường ông chỉ có hai chiếc để thay đổi. Cả hai đều đã cũ sờn, gần đây lại phải trưng dụng thường xuyên vào những cuộc mật du như ta đã biết, nên một chiếc đã bục rách. Ông chọn một tiệm may vắng vẻ xoàng xĩnh ngay trên đường đi làm hàng ngày. Tiệm có cái tên rất đẹp : Ngọc Hân. Nhưng chủ tiệm – trùng tên nàng công chúa nổi tiếng trong lịch sử – lại là một cô gái nhỏ thì, suốt ngày ngồi bên bàn may lơ đãng nhìn ra đường, đầu nghênh nghênh sang bên như người nặng tai. Lúc P. mang vải tới, cô có vẻ mừng rỡ ra mặt. Cô dẫn ông vào phòng trong, đo cho ông cẩn thận.

– *Thằng bé nằm bên nào ?*

– *Thằng bé nào ?* – P. ngạc nhiên, và ông phải nhắc lại câu hỏi lần thứ hai, cô chủ tiệm mới nghe ra rồi cười nhạt nghẹo.

– *Dạ thưa nó đây ạ* – cô khẽ búng vào chỗ đó của ông – *Tôi thấy nó hơi khác thường nên phải hỏi để tính toán cho kỹ, kẻo quần may xong ông mặc vào trông không được nhả.*

P. đỏ nhừ cả hai tai. Nhưng ông thấy thịnh thích. Hàng lông hơi sẫm màu trên mép nàng. Cái cổ áo trễ nải. Thậm chí cả đến vẻ nghênh nghênh lẳng tai kia nữa... Lúc Ngọc Hân quay ra bàn để viết biên lai, ông phải lén thò tay vào túi quần, búng một cái thật mạnh.

Lấy quần hôm thứ bảy, P. dự định dành cả buổi sáng chủ nhật sau đó sẽ cùng cô chủ tiệm may ngao du tới chốn thiên đường của riêng ông. Chưa lần nào ông háo hức và chu đáo như lần này. Ông tìm thấy ở công chúa điếc ấy một sự thân gần đặc biệt, hơn hẳn so với nàng Á hậu. Cô đã cười với ông, đã dấm búng cả ngón tay vào chỗ thiêng liêng nhất... Rõ ràng để đan dứ với cô, ông không cần phải cố.

Nhưng, một trục trặc nhỏ đã xảy ra. Đúng buổi sáng chủ

nhật, ăn sáng xong, mặc quần mới đang hoàng để chuẩn bị ra sân bay dưới dàn thiên lý, bà vợ ngăn ông lại. Bà yêu cầu ông đèo bà đi chợ. Bà có hàng tỷ lý do để đi chợ, ngoại trừ lý do mua bán. Ông biết mình không đủ sức mạnh để cưỡng lại ý muốn sắt thép đó, đành ngậm đắng dắt xe ra.

P. đèo vợ đi cắm cúi. Chỉ đến lúc ngang qua chỗ tiệm may Ngọc Hân, ông mới liếc một cái thật nhanh về phía cửa tiệm. Ông chưa kịp nhìn thấy bóng cô thì đã có ngay một con chó từ đâu đó lao vụt đến. Con chó màu xám, học lên một tiếng xác xược, rồi cú thế ép sát chiếc xe cà khổ của ông, tìm cách dọp vào chân ông. P. hoảng hốt co cả hai chân lên cao. Bà vợ ngồi sau ôm riết lấy ông, mắt nhắm tịt, miệng tru tréo. Chiếc xe lạng quạng. Tình huống thật bất ngờ và cực kỳ khôi hài. May mà P. hãm lại kịp, và con chó – sự bày đặt xỏ lá của số mệnh – đã quay đầu không không chạy đi.

Bên kia đường, Ngọc Hân thò cổ ra. Cô bỗng nhận ra ông và ôm bụng cười rữ rươi.

Mặt P. đỏ tía lên, rồi chuyển sang tím ngắt. Một nỗi căm uất đột ngột trào lên họng. Ông muốn đá một phát chết tươi con chó. Ông muốn – điều này ghê gớm hơn – hất nhào bà vợ vào gầm chiếc ô-tô tải bất kỳ nào chạy qua (không hiểu sao đến lúc này bà vẫn còn ngồi vắt vẻo sau xe đạp ?) P. hoàn toàn có thể, và ông khát khao việc đó, một lòng khát khao mãnh liệt và tối tăm.

Nhưng rất tiếc (hay là rất may ?) không có chiếc ô-tô tải nào kịp đoán ra ý ông.

Về đến nhà, khi đã bình tâm lại đôi chút, ông thấy người mệt rũ. Ông bỏ đi nằm ngay, không ăn uống gì. Nửa đêm, ông tỉnh dậy quờ tay sang vợ. Cánh tay ông nóng hầm hập. Ông thận trọng ôm riết lấy cái thân hình khô cứng của bà, khiến cho những đốt xương kêu lên rảng rặc như những cành củi nhỏ bị bẻ gãy. Hoàn toàn không hiểu gì về tính chất sám hối trong hành động của chồng, bà vợ P. đã kiên quyết giãy ra khỏi vòng tay ông, cầu nhàu một câu gì đó khiến ông bật khóc.

P. nằm liệt giường khoảng một tuần lễ. Khi bình phục, ông bỗng có thái độ đố kỵ kỳ lạ với những chiếc ô-tô tải. Ông tìm mọi cách tránh mặt chúng mỗi khi đi ngoài đường. Cái lộ trình quen thuộc mười bảy năm *nhà-cơ quan-nhà* bị đảo lộn lung tung. Nhưng hình như chính vì thế mà chúng, những chiếc xe mất dạy ấy lại cố tình tỏ ra không biết điều. Bất kỳ ở ngã ba hay ngã tư nào đó, chúng cũng có thể đâm bổ ra, rú lên như quái vật và thốc bụi khói vào mặt ông. Những lúc ấy, P. đứng lạng hồi lâu bên lề đường, hai tay ghì chặt lấy ghi-đông xe đạp, hoang mang không biết nên xử sự ra sao – đi tiếp hay là quay lại ? Ban đêm, những chiếc xe tải còn hành động dữ tợn hơn nữa. Trong giấc mơ, chúng biến thành đàn bọ hung góm ghiếc bò lổm ngổm lên người ông. Chúng rúc vào nách ông, bấu chặt những chiếc móc sắt vào da thịt. Ông đánh vật với chúng, phát khùng lên và sáng ra khi tỉnh dậy, trong đôi mắt đau ốm của ông còn loé lên cái tia sáng man dại của một tên hung thủ chưa bị phát giác.

Hôm ấy là mồng năm – ngày lĩnh lương hàng tháng P. đếm tiền rất cẩn thận, chia làm ba phần nhét vào các loại túi có trên người. Dọc đường về, ông ghé vào một cửa hiệu thuốc

tây. Ông dựng xe bên ngoài hè phố rồi thận trọng bước đến trước cái tủ kính bày la liệt các loại chai lọ, hộp giấy, ống tiêm, thuốc vi... Những cái nhãn hiệu in hình con rắn đang ngóc đầu nhả nọc độc vào miệng ly liền tiếp đập vào mắt P.

– Ông làm ơn cho hỏi, ở đây có thuốc diệt côn trùng không? – Giọng P. vang lên không hoàn toàn tự tin.

Viên chủ hiệu thuốc rời mắt khỏi trang sách đọc dở ngược lên nhìn. Một cặp kính dày như hai cái vỏ sò dựng đầy lòng trắng trứng :

– Thứ dành cho người cũng có, nếu ông muốn.

P. rùng mình. Viên chủ hiệu nhận ra ngay câu đùa không đúng chỗ, vội nghiêm mặt lại :

– Ông cần thứ nào, ruồi muỗi, chuột, gián hay là thạch sùng? Ở đây có đủ những thứ đặc hiệu, xê-ri mới nhất. Chẳng hạn như thuốc diệt thạch sùng – ông ta nhanh nhẹn lôi từ trong ngăn kéo ra một gói bột màu trắng – Không biết ông thế nào chú tôi ghét cay ghét đắng cái giống bò sát kinh tởm này! Chỉ cần một chút bột rắc lên tường chỗ chúng hay qua lại. Một thời gian sau, chúng khá lên trông thấy, núc na núc ních và thôi không bắt muỗi nữa. To chừng ngón chân cái, chúng sẽ rơi xuống và đứt ra từng khúc. Nói chung đối với giống sâu bọ, cứ phải vỗ béo chúng rồi tự khắc chúng sẽ lăn ra chết. Đánh đập chúng tàn nhẫn quá không ăn thua gì đâu...

– Tôi cần thứ thuốc trừ khử loài bọ hung!

Bị P. cắt ngang viên chủ hiệu thuốc hơi cụt hứng. Ông ta hỏi một cách hơi dè dặt :

– Xin lỗi, nhưng hình như ở vùng ta không thấy xuất hiện loài côn trùng này?

Vừa vặn lúc đó có một chiếc ô-tô tải chạy ngang qua. Chiếc tủ kính rung lên nhẹ nhẹ. P. ép sát bụng vào thành tủ, người cúi rạp về phía trước trong một tư thế không bình thường. Mặt ông đỏ lên với nụ cười méo xệch :

– Ông làm... Có rất nhiều... À mà thôi! Thế ở đây có thứ gì đầu độc các giấc mơ không? Sao, ông không hiểu à? Tiếc nhỉ. À, mà ông hiểu làm sao được. Không hiểu được...

P. quay lưng loạng choạng bước ra trong sự kinh ngạc trộn lẫn lòng trắng trứng. Chiếc xe đạp của ông không còn thấy ở đó nữa. Hè phố vắng ngắt.

P. ngỡ ngác mất vài giây đồng hồ. Rồi sau khi hiểu ra rằng mình đã mất xe – bị một tên kẻ cắp nào đó thuổng mất – ông tặc lưỡi đi bộ.

Ông rẽ vào một quán rượu. Ở đó, ông uống đủ đến mức không nhận ra tiền thừa người ta trả lại.

Từ quán rượu ra, P. lang thang dọc các phố hồi lâu. Ông lạc vào một con hẻm đèn đóm lơ mờ. Nhưng điều đó chẳng hề làm ông lo ngại. Ngay khi cả một ả đàn bà bắt đầu từ trong vườn tối băng ra nắm lấy tay ông và nói một câu gì đó, ông còn lảng lảng đi theo ả. Sau đó, trong căn phòng chật hẹp, ả chỉ nghe thấy ông mở miệng nói một câu duy nhất với bức tường. Ấy là lúc ông vừa từ cái nhà tắm nhộp nháp trở về – ông chỉ tắm qua quít nửa người bên dưới – ngồi trên giường thông hai chân, còn ả thì quỳ dưới nền nhà dùng một chiếc

khăn bông lớn lau khô nước cho ông. Bằng vẻ mặt quan trọng và giọng nói thì thầm dứt quãng, ông hướng vào bức tường vôi loang lổ trước mắt :

– Thưa quý vị... Tôi nói khi vô phép... Làm chó gì có quý vị nào... lúc sắp lên giường... được vợ lau chân... như thế này?...

P. nấc lên sau đó thì ông lên giường và không còn biết gì nữa.

Rời khỏi cái nhà thổ ấy, tất cả các túi trên người ông đều sạch nhẵn. Không còn phương tiện và cũng không còn nơi chốn nào để đến nữa, ông lần về nhà. Cửa nhà ông chốt chặt. Trong phòng tối om và yên ắng. Ông thở dài, định ngồi bệt xuống cho đỡ mỏi thì chợt nhìn thấy chiếc ghế dưới giàn thiên lý.

“Lâu quá mình không bay”... ông lão đảo bước tới bên chiếc ghế quen thuộc. Khi đã vịn tay được vào thành ghế, ý nghĩ ông lập tức trở nên sáng tỏ. “Phải thoát ra khỏi vũng bùn hiện tại này. Phải thoát”... P. vội vã thực hiện các thao tác mà đã lâu ông xao nhãng. Ông cảm thấy chật vật hơn rất nhiều. Đứng vào giây cuối cùng, ông lại đột ngột thay đổi ý định. Ông không thả hồn mình phiêu lãng đến cái thế giới huyền hoặc như mọi lần...

Mùa hè năm một ngàn chín trăm bảy tư. P. vừa tốt nghiệp đại học, còn vợ ông lúc bấy giờ đang là sinh viên năm cuối cùng. Chàng và nàng chưa cưới nhau, nhưng quyết định ở lại trường với nhau suốt mùa hè ấy. Bằng cách nào đó, nàng đã bí mật mượn được một căn phòng lợp rạ, vách đất trong khu tập thể tồi tàn của sinh viên. Căn phòng kê vừa một giường cá nhân, còn thừa ra một lối đi hẹp. Trong cái tổ chật chội và đạm bạc ấy, cả hai vẫn chưa dám bước tới giới hạn cuối cùng của tình yêu – các buổi tối, chàng vẫn phải rút ruột đi ngủ nhờ nhà người bạn ở ngoài phố.

Trước mỗi bữa ăn, nàng thường cất giọng vui vẻ hỏi :

– Anh thích ăn gì?

– Tuy em – chàng đáp, vẻ thờ ơ như một kẻ no đầy không bao giờ phải bậm tâm đến chuyện ăn uống.

– Thì chọn phứa đi, gà tần hay vịt quay?

– Hừ... ừm! Gà vịt mãi ngấy bỏ xừ. Đổi món đi. Sườn xào chua ngọt, hay cá bô lò cũng được, em ạ. Với lại, anh van em, đừng có nốc sâm-banh nữa, đầy bụng lắm.

Nàng rừ ra cười, cười chảy cả nước mắt. Bao giờ chàng cũng tỏ ra có khiếu hài hước hơn nàng. Thay vì cá bô lò, họ chia nhau bánh mì sưng với cả một bình nước đun sôi để nguội.

Một lần đi đâu về, chàng phát hiện ra đồng sách vở của mình xếp chất ngất ở cuối giường bị vợ đi một ít. Chàng chưa kịp hỏi thì nàng đã lôi chiếc soong từ dưới gầm giường ra khoe :

– Hôm nay em đãi anh món này thú vị lắm - nàng chỉ vào mớ cá giếc còn tươi rói với những quả cà chua đỏ mọng xếp trong đó.

– Thế những quyển sách?

– Em thanh toán bớt đi rồi.

Chàng quay ngoắt người lại, bất ngờ tóm chặt lấy vai nàng :

- Anh giết !

Chỉ là đùa thôi, chàng định thế. Nhưng nàng đã khéo léo ngã ra giường, như sẵn sàng để cho chàng " giết ".

Khi P. tỉnh lại, chàng ngạc nhiên thấy cửa sổ, cửa ra vào vẫn mở toang. Nắng chan hoà ngoài sân trường, và căn phòng chật chội đột nát này chìm đắm trong một bầu không khí yên tĩnh tuyệt vời trong sạch.

Họ cùng ăn bữa cơm trưa với nhau - bữa trưa có món riêu cá giếc. Vết nước mắt đã khô trên má nàng. Đó là bữa ăn tuyệt trần nhất trong đời P. Xương cá giếc hơi cứng, nhưng chàng nhai ráo cả xương.

Ăn xong, chàng uể oải đứng lên, thản nhiên rút ra từng quyển sách quăng xuống nền nhà. Không cần nói nửa lời, nàng cũng hiểu ra ý chàng.

- Cả Ban-zắc à ?

- Cả Ban-zắc.

- Cả Hê-ghen à ?

- Cả Hê-ghen.

- Cả... ?

- Tuốt ! Văn học ! Triết học ! Kinh tế chính trị học ! Thống kê học ! Các nhà văn điển ! Các giáo sư !... Cho đi gói xôi tuốt !

Hai con người bé nhỏ yêu nhau, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đang sung sướng và điên khùng đóng bao toàn thế giới đem đi bán đồng nát.

Chàng ở hẳn lại cùng nàng cả ngày lẫn đêm. Suốt những ngày hè còn lại, họ hầu như chỉ có việc ăn rồi lên giường với nhau. Tiếng chiếc giường rên rỉ, tiếng mặt đất hỗn hển, tiếng mồ hôi đầm đìa mời gọi, hối thúc, không sao dập tắt cơn khát cứ hùng hực cháy lên dưới cái nắng hè thiêu đốt. P. hầu như không ngủ - chàng chỉ ngủ khi phải đèo nàng đi đâu đó, những giấc ngủ ngắn và khoan khoái ngay trên yên xe đạp.

Mùa hè chói chang ánh nắng và tràn đầy sinh thực khí. Quá khứ ư ? Vớ vẩn ! Tương lai ư ? Phụ thuộc và đầy bất trắc ! Chỉ có hiện tại, hiện tại tươi ròn, xác thực. Mùa hè ấy là của P. Thế giới bất hợp pháp, điên rồ nhưng có thực ấy thuộc sở hữu của ông. Nó từng bị chôn cất mười bảy năm, và bây giờ đây đi trong ánh sáng của chính nó, ông bàng hoàng, sung sướng, đau đớn như lạc vào một xứ sở hoàn toàn xa lạ.

Nửa đêm, vợ P. tỉnh giấc mở cửa ra sân và nhìn thấy chồng đang ngồi bất động như pho tượng, đầu cúi gục. Bà hoảng hốt đi ông vào nhà vì sợ ông bị cảm lạnh. Thân thể ông nhẹ bồng như bị rút hết ruột, khiến bà không ngần ngại bế bổng ông lên.

Bà không bao giờ ngờ được rằng bà đã giết ông bằng chính cái hành động từ thiện của mình. Khi linh hồn tươi tốt của P. từ mùa hè năm bảy tư hân hoan quay về cái sân bay dưới giàn hoa thiên lý, nó không tìm thấy ngôi-nhà-thể-xác đâu nữa.

T.Đ.T. (Vũng Tàu, 10.1991)

(Tập truyện ngắn dự thi bút mới-92, NXB Văn Nghệ T.P.Hồ Chí Minh)

Bạn đọc & diễn đàn

(tiếp theo trang 3)

Cuối cùng, cũng không nên quên rằng con gà có mặt trong rất nhiều từ, từ ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam, từ gà (làm hộ, mách nước), gà mờ, gà trở mã, ho gà, quàng gà, ngủ gà, trông gà hoá quố, chữ viết như gà bới, đỏ mặt như gà chọi, bút sa gà chết, mèo mả gà đồng, ông nói gà bà nói vịt... đến : con gà cục tác lá chanh..., và Khôn ngoan đối đáp người ngoài, Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau...

Paris 26.2.1993, Nguyễn Phúc Long

Mới đọc thư Anh mừng rơn ! Tưởng đâu Anh tìm ra được những mảnh huyền thoại kể lại nhận thức của người Việt nguyên thủy về nguồn gốc vũ trụ, về hiện tượng thiên nhiên, về nguồn gốc con gà, v.v... Nhưng thôi cứ tạm coi như là an ủi phần nào và đa tạ anh minh hoạ lời khẳng định " huyền thoại người Việt chỉ còn những mảnh vụn ". Hẳn là hệ huyền thoại đã vỡ mất đầu từ thuở xa xưa, từ thời nội thuộc nước Tàu... Đến khi đất nước độc lập, các cụ nhà nho tập hợp mảnh vụn còn lại trong **Lĩnh Nam chích quái**, trong **Việt Điện U Linh**. Âu cũng là để xác định cá tính dân tộc. Nhưng Anh có để ý chăng, các cụ chỉ ghi lại nguồn gốc dân tộc qua chuyện Âu Cơ và một trăm trứng. Còn nguồn gốc vũ trụ, nguồn gốc con người, nguồn gốc con gà, vai trò con gà trong hiện tượng thiên nhiên ngày và đêm cứ nối tiếp nhau, quả là phải đi tìm trong sử thi Mường ! (Tiện đây xin nhắc Anh, tác giả **Lĩnh Nam Chích Quái** theo **Lê Quý Đôn**, **Lê Hữu Mục** trích dẫn, là **Trần Thế Pháp**).

Nguyễn Thắng

Vớ Vẩn

Tụi Âu châu bảo " năm con gà là năm củng cố những thành tựu sau những lang thang vớ vẩn của năm khi... ". Vậy chúc **Diễn Đàn** củng cố sự nghiệp. Có điều, sau những cái vỗ tay của một bàn tay đến bình luận thơ Đặng Đình Hưng, không biết **Diễn Đàn** có " trồng một mảnh vườn riêng bí hiểm " hay không... Tuy vậy cũng có cái lợi, ít nhất là càng ngày càng khó làm **Diễn Đàn** với... **Phụ Nữ Diễn Đàn**... " Điều nọ cắt nghĩa điều kia ? Hay chỉ là một chiến lược vô thức ? " Thân chào cả ê-kíp...

Đ.T. Khanh (Uster, Thụy Sĩ)

K. thấy không, ít nhất **ĐĐ** cũng làm được một điều : viết ra tiếng Việt dễ hiểu (?) mấy câu thăm hỏi tử tế của bạn ! Còn như, có ai làm **Diễn Đàn** nọ với **Diễn Đàn** kia, âu cũng là chuyện vớ vẩn của năm khi chứ có ăn nhậu gì ? Mến.

Cảm xúc

Lần đầu tiên trong đời khi đọc bài tường thuật thông tin " Tiếng gà trưa " của Đặng Tiến, tôi cảm thấy " nghẹn ngào ". Suy ngẫm mãi lý do : - Cách hành văn tài tình của Đặng Tiến chăng ? Hay tâm tư của những nghịch lý... Không biết mấy độc giả khác có cảm xúc như tôi không ?

N.T. Sơn (Longjumeau)

Cảm ơn những lời nhiệt tình của anh. Rất tiếc, không đăng được bài thơ. Thân.